

diễn đàn

Số 13 / 1. 11. 1992

ISSN 1164-2376

F O R U M



Dân tộc và dân chủ

huyền thoại và giá trị

bùi mộng hùng

Nam quốc sơn hà Nam đế cư. Gần nghìn năm trước, vào thời mà những quốc gia như Pháp, như Anh, lãnh thổ còn chưa rõ nét, ý niệm dân tộc còn mờ nhạt trong tâm khảm con người sống trên đất nước của họ, thì Lý Thường Kiệt khẳng định nước Nam cương vực rành rành, đứng đầu là vua Nam. Gãy gọn, chắc nịch, như dao chém đá.

Những chủ nhân của đất nước ấy nhận cùng chung một nguồn gốc, tự xưng là người Việt. Quốc hiệu Đại Cồ Việt, Đại Việt... từ buổi xa xưa giành lại được chủ quyền đất nước cho tới ngày nay không ngớt khẳng định vai trò của dân tộc Việt. Ngay buổi ban sơ, xich xiềng nghìn năm đô hộ vừa phá tan, sớm, rất sớm, dân tộc ta đã là một dân tộc - quốc gia (nation - état) có lãnh thổ riêng của mình, có nhà nước đại diện cho chủ quyền của mình.

Chủ quyền, huyền bí và thiêng liêng, của dân tộc được ghi nhận trong sổ sách nhà trời : *Tiết nhiên định phận tại thiên thư*. Hiển nhiên là vĩnh hằng. Ngày xưa như ngày nay và sẽ mãi mãi như thế.

Kẻ địch - quân Tống vào năm 1077 ấy - hay bất cứ ai khác, bất cứ vào thời điểm nào, chỉ có thể là chuốc lấy bại vong :

Như hà nghịch lỗ lai xâm phạm ?

Nhữ đẳng hành khan thủ bại hư

Một bản tuyên ngôn vồn vẹn bốn câu, hai mươi tám chữ :

Núi sông Nam Việt vua Nam ở

Vằng vặc sách trời chia xứ sở

Giặc giữ có sao phạm đến đây ?

Chúng mày nhất định phải tan vỡ.

(Lê Thuộc - Nam Trân dịch)

(xem tiếp trang 8)

mục lục

2. Bàn đọc và Diễn Đàn
3. Trở lại một vài vấn đề của tờ Đoàn Kết (Hà Dương Tường)

Thời sự

1. Huyền thoại và giá trị (Bùi Mộng Hùng)
5. Tin tức Việt Nam
10. Nhật ký Nguyễn Ngọc Lan : Tác giả trả lời
11. Đối thoại với Nguyễn Ngọc Lan (Đặng Tiến và Diễn Đàn)
12. Chuyện lạ bốn phương
13. Dân chủ, ước mơ và hiện thực (Trần Đạo)
16. Nouvel ordre mondial (Nguyễn Quang)

Văn hóa văn nghệ

12. Thiên ca : Nhân quả (thơ, Phạm Duy)
18. Chữ Việt trong máy tính :
tiến tới tiêu chuẩn thống nhất (James Đỗ)
20. Bỏ dấu ở đâu ? Chính tả chữ Việt, máy vi tính
và chương trình tự động bỏ dấu (Nguyễn Ngọc Giao)
22. Mấy điều tâm đắc
về bác Hoàng Xuân Hãn (Nguyễn Trọng Nghĩa)
26. Cần nhiều tự do và sáng tạo hơn nữa (Thế Uyên)
29. Ngôi nhà xưa (truyện ngắn, Đặng Nhật Minh)
32. Cảm nghĩ (Hàn Thủy)



Diễn Đàn chân thành cảm ơn thư và bài của các bạn : Thu Trang (Paris), Nguyễn Thái Bình (Manchester, Anh), Uyên Minh (Toulouse), Thanh Bình (Tiệp), Trần Ngọc Bích (Paris), Ferrand C.A. (Livry Gargan).

Khi số báo này lên khuôn, chúng tôi đã nhận được 96 bản trả lời cuộc " thăm dò ý kiến bạn đọc " in trên Diễn Đàn số 10, trong đó khoảng 10 bạn đã có thư góp thêm một số ý với ban biên tập - và nhiều người khác viết kèm đôi ba chữ trên trang giấy trả lời -. Như đã hứa, số báo sau chúng tôi sẽ có bài thống kê các ý kiến trong cuộc thăm dò nói trên.

Không nên rẻ rúng

Mấy tuần qua rồi, sau khi đọc bài **Dân tộc và Dân chủ** của Đặng Tiến (Diễn Đàn số 11), tôi cứ băn khoăn mãi. May quá, số Diễn Đàn 12 vừa tới và đọc hai bài **Một năm qua** của Ng. V. và **Dân chủ và phát triển** : Nguyễn Trọng Nghĩa tôi đã... nguôi ngoai một vài phần. Hai bài ấy đã viết những điều tôi đang muốn giải bày tuy chưa gọi là hoàn toàn như ý. Vì vậy nên tôi viết thư này để ít nhất, nêu lên 4 điểm mà tôi thấy khó chấp nhận : (theo thứ tự trong bài, đọc từ trên xuống) Đặng Tiến đã viết : (lời của Đ. T. in nghiêng dưới đây).

1/ *Tình tự dân tộc, tự bản chất của nó phải bảo thủ, bảo thủ để tồn tại.* Tôi không tin như vậy, bằng chứng là rất nhiều nước mà thiên hạ coi như cường quốc hiện nay trên thế giới họ vẫn giữ tình tự dân tộc một cách rất trân trọng và chẳng có tính chất bảo thủ, có chăng chỉ là thiếu số.

2/ *Xung bác với nhân dân là phi dân chủ.* Danh xưng Chú, Bác, Cậu, Mợ là kiểu nói thông thường có tính cách gia tộc - cùng họ hàng - có lẽ nào mang màu sắc chính trị ? Nhất là ở Việt Nam và Á đông.

3/ *Dân tộc Việt Nam là gì ? là một khối nông dân chiếm đất - giữ đất và lán đất. Giữ đất cũng không còn là ưu tiên.* Tôi tôn trọng một cách dân chủ ý của tác giả. Nhưng thật đáng buồn, và đáng lo cho những con, cháu chúng ta ở nước ngoài khi đọc những dòng định nghĩa Tổ quốc của cha mẹ các em một cách thô thiển như vậy. Ngẫm nghĩ vấn đề tự do ngôn luận biết cách dùng thật nghiêm túc cũng khó lắm thay.

4/ Vào cuối bài từ dòng : *Dân tộc và dân chủ... đến hương hoa đưa đấy*, tôi thấy có những ý luẩn quẩn, vì lẽ tác giả viết : *... nhưng trong quần chúng vẫn có người nghe vì tâm khảm họ vẫn còn gìn giữ hình ảnh người cộng sản gắn liền với cuộc kháng chiến gian lao của dân tộc giành lại độc lập và thống nhất.* Theo tôi, không phải chỉ có những người cộng sản đã làm công việc trên mà là hàng triệu đồng bào, có người trong Đảng này hay Đảng khác, hoặc chỉ đơn thuần là người yêu nước đã đóng góp xương máu cho quê hương.

Hai mùa kháng chiến đầy bi thảm và hùng tráng ấy đã vào ký ức tập thể, còn tươi mới trong tâm trí mọi người, là niềm tự hào dân tộc. Không ai có thể phủ nhận sự vùng dậy của cả nước cho cuộc chiến đấu giải phóng, mà có lúc cả thế giới đã ủng hộ và thán phục. Đó là một bản hùng ca của thời đại này đã in vào lịch sử Việt Nam và các nước Pháp, Mỹ với khía

khác, tất nhiên. Cho nên phủ nhận dù chỉ một phần nào những trang sử này, dù nhân danh bất cứ điều gì là phản bội tinh thần và quyền lợi dân tộc. Điều này không thể khoan dung được. Tôi lấy làm lạ về sự lập luận mâu thuẫn trong bài của Đặng Tiến, vì ngay đoạn đầu tác giả đã viết : *không có tinh thần dân tộc thì không còn nước Việt Nam.*

Trong bài có đoạn tác giả đã tự dặn : *Làm văn chương có nhiều lúc, nhiều trường hợp phải tự răn mình. Đã tự nhắc như vậy mà còn viết những dòng... gây cho người đọc có cảm giác như tác giả muốn thóa mạ và thậm chí có câu đung chạm đến tự ái dân tộc... Không ai cấm những người muốn làm công dân của thế giới (mondialiste) nhưng xin cũng đừng quay lưng lại với nguồn gốc của mình một cách quá đáng và bất công !*

Ai cũng ý thức là cuộc đấu tranh cho dân chủ là đầy rẫy khó khăn và phức tạp, ngay ở Tây phương có truyền thống dân chủ hàng thế kỷ mà họ vẫn chưa hoàn thành xong. Cứ nhìn đời sống chính trị ở Pháp này đã thấy rõ. Tôi đồng ý là chủ nghĩa dân tộc đi đến quá khích hẹp hòi, bảo thủ là một sức cản quan trọng cho chế độ dân chủ. Điều này ta cần hết sức quan tâm. Nhưng không nên... rẻ rúng dân tộc mình vì những điều mà... chỉ mới tưởng tượng là sẽ có...

Trong mấy năm qua, tôi đã rất thích thú đọc những bài bình thơ khá hay của Đặng Tiến. Vì vậy nên có chút "hương hoa đưa đấy" với một nỗi tiếc là : còn vô vàn những bài thơ chưa được bình - một cây bút bình thơ ở hải ngoại rất hiếm có - tự dung Đ.T. bỏ hay tạm gác bút trên địa hạt này, đi vào lý sự vòng vo... mà dù có thêm bao nhiêu hương hoa nữa cũng chẳng thuyết phục, hấp dẫn kẻ đọc này. Có lẽ phải có một vài tiếng nói như vậy cho không khí văn chương... thêm phần bay bướm cũng nên.

Thu Trang (Paris 92, đầu mùa sương xuống).

Điểm son

Thế là quý báo đã tròn một tuổi. Trong tháng hè hàng năm, vắng một số cũng thấy nhớ... cái hay là báo ra đúng hẹn, không làm độc giả mỗi mòn mong đợi, nên cố gắng để giữ uy tín ! Đó là một điểm son. (...) Độc giả đồng bào hải ngoại muốn gì ? Là người Việt thì không ai là không muốn biết tin xú mình, cố ráng có thêm tin Việt Nam, những bài bình luận, phỏng vấn chính khách, các tin ăn khách như vụ Bùi Tín, Dương Thu Hương v.v... Nếu có được những bài bình luận như của cố nhà văn Nam Đình, báo Thần Chung độ nọ. Nên có chút tin thế giới. Cần có trang Tin cần biết, như làm thế nào gọi điện về Việt Nam...

Ferrand C.A. (Livry Gargan)

Trong Diễn Đàn số 7, chúng tôi đã đưa tin có thể gọi điện thoại trực tiếp từ Pháp về Việt Nam. Cách gọi : làm các số 19, rồi 84 (mã số của Việt Nam trong hệ thống điện thoại quốc tế), rồi số 4 (Hà Nội) hoặc 8 (Thành phố HCM), rồi tới số máy của người mình muốn gọi. Các tỉnh khác chưa nối vào hệ thống tự động.

Nhắn tin

Bà Christine Trịnh Thị Sang, trước ở 30 Duy Tân, Sài Gòn, sang Pháp năm 79 - 80, có thân nhân cần tìm. Địa chỉ liên lạc : M. Cao, 22 rue Pablo Picasso, 93 000 Bobigny. Điện thoại : 48 32 63 31

Trở lại một hai vấn đề của tờ Đoàn Kết

Một tuần trước khi số báo này lên khuôn, chúng tôi nhận được bản sao chụp bức thư đề ngày 12.10.1992 của “ Hội người Việt Nam tại Pháp ” gửi “ Ban chấp hành chi hội và các hội thành viên ” kêu gọi đóng góp giúp Hội trả một món nợ của báo Đoàn Kết. Đoạn mở đầu dưới đây của bức thư buộc chúng tôi phải trở lại một lần nữa câu chuyện này.

“ Báo Đoàn Kết (bộ cũ) trao cho Hội người Việt Nam tại Pháp từ tháng 9.1991, đồng thời để lại cho Hội một món nợ nhà in 200 000 F (hai trăm ngàn quan) cần phải thanh toán gấp.

Như Anh, Chị biết đây là một số tiền rất lớn, vượt khả năng tài chánh của Hội nếu chỉ dựa vào niên liễm của hội viên. Đến nay, báo Đoàn Kết (bộ cũ) không hề trao lại cho báo Đoàn Kết (bộ mới) một số tiền nào.

Trong phiên họp ngày 10.10.1992, Ban thường trực (mở rộng), Ban chủ tịch, Ban điều hành, tổng thư ký các hội thành viên, toàn thể đồng ý không nên đưa ra pháp luật để giải quyết những vấn đề thuộc về nội bộ đáng lý không có, thời gian qua, giải quyết vấn đề này, ta dựa trên tinh thần đoàn kết anh em, tin cậy lẫn nhau, tránh đổ vỡ,...” (những chỗ in đậm là do chúng tôi nhấn mạnh, lời văn và chấm phẩy là của bức thư)

Trước hết, xin nhắc lại : cho tới tháng 5.1990, báo Đoàn Kết do Hội người Việt Nam tại Pháp xuất bản và quản lý ; từ tháng 6.1990 đến tháng 5.1991, chúng tôi được HNVNTP trao quyền quản lý; sau đó, chúng tôi đã trao trả tờ báo cho Hội. Và, như đã viết rõ trên Diễn Đàn số 2, “ Chúng tôi không mang đi của Đoàn Kết một xu nào, máy móc cũng không. Việc Hội lấy lại tờ báo, cũng như lúc giao cho chúng tôi, là gồm cả phần tài sản có và phần nợ (actif và passif, theo danh từ kinh tế tiếng Pháp). Điều này đã được thể hiện cụ thể trong tờ chúng nhận hết trách nhiệm (quitus) mà ông Trần Đình Lan, đại diện của Hội về mặt pháp lý, đã ký và trao cho chúng tôi, theo đề nghị của Ban thường trực. ”

Khi lập tờ quitus ấy, dĩ nhiên ban lãnh đạo HNVNTP đã có đầy đủ sổ sách trong tay để biết rằng những món nợ chưa giải quyết hết là hậu quả chông chát của thời kỳ Hội quản lý tờ báo, song một năm quản lý của chúng tôi không những không làm tăng các món nợ đó mà còn làm chúng giảm đi đáng kể, đặc biệt nhờ biện pháp giảm khối tiền lương và giảm bớt chi phí ấn loát.

Vả chẳng, tờ Diễn Đàn số 2 khẳng định những điều nói trên đã tới tay bạn đọc từ đầu tháng 11 năm ngoái (trong số các địa chỉ được gửi báo, có Hội người Việt Nam tại Pháp). Thời gian quá đủ để kiểm chứng những lời chúng tôi nói, nhìn trong sổ sách và cuống séc để biết chi tiêu tương ứng với những gì, có còn tiền trong quỹ không và còn bao nhiêu, v.v. Thế mà, ban lãnh đạo Hội đã để đến một năm sau, khi người thừa phát lại (huissier) tới đòi tịch biên đồ đạc trong hội quán, mới quỳnh lên, kêu cứu hội viên giúp trả nợ — trong đó phải kể thêm tiền phạt lẫn tiền công huissier ! — Rồi, để hỗ trợ cho lời kêu cứu, lại lập lờ, dối trá đổ vấy cho người khác. Lối cư xử đó, xin để mỗi người xét đoán.

Dưới đây, để đáp ứng yêu cầu thông tin của những bạn có quan tâm tới vấn đề này và của những ai đã hoặc còn là hội viên của HNVNTP, chúng tôi xin chụp đăng tờ quitus và trích dẫn từ sổ sách của Đoàn Kết vài số liệu minh chứng những điều nói trên.

Cuối cùng, phải nghĩ sao về cái “ hảo ý ” không đưa vấn đề ra pháp luật, và “ giải quyết vấn đề nội bộ ” dựa trên “ tinh thần đoàn kết anh em, tin cậy lẫn nhau ” (sic) ? Ngày 20.5.1992, một vị lãnh đạo Hội đã gửi cho chúng tôi tờ giấy đòi nợ của huissier, kèm bức thư tay yêu cầu chúng tôi “ giải quyết để tránh hậu quả pháp lý ”. Tờ giấy đã được gửi trả lại ngày 29-5, cùng với một bản sao chụp tờ quitus đã nói trên...

Phải chăng sau mấy tháng nghiên cứu về trách nhiệm pháp lý, ban lãnh đạo Hội đã chọn quay trở lại ngôn từ “ đoàn kết ”, “ anh em ” ?

Hà Dương Tường



hội người việt-nam tại pháp
union générale des vietnamiens en france
16, rue du petit musc, 75004 paris - tél: 272 3944

ATTESTATION

Le président de l'Union générale des Vietnamiens en France (UGVF), association de loi 1901 (J.O. du 26 mai 1982), par la présente, atteste que :

Suite à la décision, prise le 22 mai 1991, du Bureau permanent de l'UGVF de réorganiser la rédaction et la gestion du journal « Doan Ket », titre appartenant à l'UGVF, à partir du mois de juin 1991

M. Ha Duong Tuong
président de l'Association éditrice du journal Doan Ket
nommé le 1^{er} juin 1990 directeur de ladite publication
est en conséquence déchargé de cette dernière fonction à compter du 30 juin 1991.

En particulier, l'UGVF donne quitus à M. Ha Duong Tuong et à l'Association éditrice du journal Doan Ket pour leur gestion du journal durant la période du 1^{er} juin 1990 au 30 juin 1991, et accepte pour solde de tous comptes la situation financière du journal au 30 juin 1991 ainsi que l'ensemble du patrimoine matériel et mobilier immatriculé au nom de l'UGVF ou à celui de « Doan Ket » dont jouit le journal à cette date.

Faite à Paris, le 23 mai 1991

Le Président de l'UGVF,



Trần Đình Lan

Trần Đình Lan

Vài số liệu

Ngày 1.6.1990, khi chúng tôi, những người làm Đoàn Kết được Hội NVNTP, là chủ nhân tờ báo, trao cho quyền quản lý tờ báo, Đoàn Kết thiếu nợ của nhà in Dalex 238 196,92 F là tiền in mười số báo, từ số kép 414- 415 (tháng 6-7.1989) đến số 423 (tháng 5.1990). Thời gian ấy, các số báo dày trung bình 50 trang, in bìa 4 màu, tiền in thường trên 25 000 F mỗi số.

Như đã trình bày trong Diễn Đàn số 2, hè 1990 (lúc ra số 424, đề tháng 6.1990), trong trương mục của Đoàn Kết không còn tiền, chúng tôi đã phải mượn tiền thân hữu, trả gấp một phần nợ để nhà in chịu in tiếp. Ngày 9.8.1990, chúng tôi đã ký trả Dalex một ngân phiếu 99 504,17 F. Sau đó, với tiền bán báo, chúng tôi đã ký 4 ngân phiếu trả tiền nhà in nữa (ngày 5.10.1990, 6.12.1990, 29.1.1991 và 3.4.1991), **tổng cộng 5 lần chúng tôi đã trả được 214 095,84 F.**

Từ số tự quản đầu tiên tới khi ngưng làm Đoàn Kết, chúng tôi vẫn đưa in tại nhà in Dalex 10 số báo nữa (từ số 424 tới số 433 – tháng 4.1991–), các số báo giảm trang so với trước và bìa còn hai màu, giá tổng cộng là 171 070,55 F. Số cuối cùng tuy đề tháng 5.1991 nhưng ra trong hè được đưa in tại nhà in Quick Print (là nơi in Diễn Đàn bây giờ), giá 13 878,70 F.

Tiền in của 11 số Đoàn Kết tự quản như vậy là 184 949,25 F. Xin nhắc lại, chúng tôi đã ký trả nhà in Dalex 214 095,84 F, hơn phí tổn nói trên gần 30 000 F.

Trước khi trao trả tờ báo cho Hội, chúng tôi đã ký trả món nợ danh dự đối với những thân hữu đã cho vay gấp hồi hè 1991, nhưng cũng không còn đủ tiền. Một vài người bạn đã vui lòng xóa nợ nhưng còn một món khá lớn (10 000 F) chưa trả được và cho tới bây giờ Hội vẫn chưa chịu thanh toán, mặc dầu, như đã nói trên đây, Hội đã làm *quitus* nhận mọi trách nhiệm về Đoàn Kết, cũng như chúng tôi đã lãnh trách nhiệm đối với những món nợ trước ngày 31.5.1990 trong thời kỳ chúng tôi quản lý tờ báo. Mặt khác, trong sổ sách trao trả Đoàn Kết cho Hội NVNTP, còn một số hoá đơn quảng cáo chưa thanh toán của công ty Vietnam Diffusion trị giá 37 952 F, dư đủ để trả món nợ danh dự 10 000 F đã nói trên kia, cũng như 13 878 F nợ nhà in Quick Print.

Ngoài phần nợ cũ đối với nhà in, **Đoàn Kết tự quản đã trang trải 104 580,79 F phần nợ URSSAF¹ và 10894 F nợ ASSEDIC¹ do thời kỳ Hội quản lý tờ báo để lại** (từ cuối năm 1988 đến giữa năm 1990). Chi tiết như sau : ngày 4.7.1990 trả 18 606 F ; ngày 20.8 trả 32 108,79 F ; ngày 4.2.1991 trả 18 706 F và 35 160 F ; ngày 12.11.1990 trả 10 894 F.

Cuối cùng, rất khó tính món nợ đối với những người mua báo dài hạn chưa hết hạn. Tuy nhiên, có thể nêu hai con số để so sánh. Từ 1.6.1989 đến 31.5.1990, tiền mua dài hạn Đoàn Kết thu vào là 470 917,15 F. Từ 1.6.1990 đến 31.5.1991, con số đó là 394 647,80 F. Như vậy, **số người mà Đoàn Kết nợ tiền báo (đã trả tiền nhưng chưa có báo) cuối tháng 5.1991 là ít hơn con số tương đương cuối tháng 5.1990.** Theo nguyên tắc liên tục trong quản lý, người nhận tiếp nối năm 91 có gì để kêu ca ?

Tới đây, hẳn có nhiều bạn đọc muốn biết tại sao có những món nợ lăm thế ?

Chỉ xin nói ngắn là trong các năm trước 1990, do các công ty Vietnam Diffusion, Vina Paris làm ăn phát đạt, tờ Đoàn Kết đã sống trên một ngân quỹ quảng cáo rất lớn — năm 1989 ngân quỹ này là gần 300 000 F, cộng với 110 000 F khác do người sở hữu chủ tờ báo là Hội NVNTP bỏ vào và khoảng gần 500 000 F là tiền mua báo của bạn đọc. Cho nên, năm 1989, khi quyết định “ tin học hoá ” tờ báo (trang bị máy tính Macintosh, máy in Laser, máy xử lý hình ảnh – scanner –, và những chương trình vận hành cần thiết, giá trị tổng cộng lúc ấy vượt quá 220 000 F), những người trách nhiệm của Hội đã tin rằng ngân quỹ cần thiết có thể có được, và để trả tiền mua máy, đã “ *tạm ứng với quỹ hoạt động bình thường* ”. Điều này đã được nói rõ trong Lời cầu cứu bạn đọc, Đoàn Kết số 419, tháng 12.1989. Tuy nhiên, lúc đó, cũng theo Lời cầu cứu trên, “ *chờng hoá đơn chưa thanh toán cũng (đã) bắt đầu cao ngều nghệu* ”. Chúng tôi cũng có nhắc lại các khó khăn trên trong Đoàn Kết số 432, tháng 3.1991, trong lời kêu cứu “ Chúng tôi muốn sống ” (lúc

đó, chưa có việc Hội NVNTP đòi lấy lại tờ báo.).

Tóm lại, trong một năm Đoàn Kết tự quản, như trên cho thấy là những món nợ đã được thanh toán một phần tuy phần còn lại vẫn khá lớn : lý do chủ yếu là tiền quảng cáo của các công ty xuống nhiều (còn khoảng 190 000 F năm 1990 và 35 000 F trong 6 tháng đầu năm 1991). Song, **điều quan trọng cần được nhấn mạnh là một năm quản lý của chúng tôi đã cho phép giảm các món nợ đó được khoảng 150 000 F** (cộng các tiền thanh toán URSAFF, ASSEDIC và gần 30 000 F tiền khác biệt giữa phí tổn in 11 số báo Đoàn Kết tự quản với tiền 5 lần trả nhà in Dalex trong năm) **chứ không phải là làm cho chúng tăng lên.**

Thực tế đó, ban lãnh đạo Hội NVNTP biết rất rõ. Quyết định lấy lại tờ báo là một quyết định chính trị như mọi người đều biết. Giấy tờ còn đó, nhân chúng còn đây. Viết úp mở để ám chỉ rằng chúng tôi trốn nợ, thậm chí rí tai là chúng tôi cuỗm tiền của Đoàn Kết ra làm Diễn Đàn, sợ không lừa được ai mà còn mang tiếng là nằm ngửa nhổ ngược.

HDT

(1) URSSAF và ASSEDIC là các cơ quan quản lý quỹ bảo hiểm xã hội và quỹ trợ cấp thất nghiệp ở Pháp.

Phiếu mua báo *Diễn Đàn*

Họ và tên

Địa chỉ

.....

.....Điện thoại :

mua một năm báo *Diễn Đàn* kể từ số.....

Kèm theo đây là ngân phiếuFF

đề tên DIEN DAN gồm :

.....FF là tiền mua báo (Pháp nội địa : 250 FF, châu Âu ngoài Pháp : 280 FF ; các tỉnh và lãnh thổ DOM-TOM của Pháp, và các nước ngoài châu Âu : 330 FF)

.....FF là tiền ủng hộ.

Xin gửi phiếu này và *séc* (hoặc *money order*) về địa chỉ :

DIEN DAN, B.P. 50, 92340 BOURG-LA-REINE (FRANCE).

Riêng bạn đọc ở Đức có thể gửi séc 80 DM cho ông TRAN, Am Stadtpark 6, 8458 SULZBACH-ROSENBERG hoặc chuyển khoản vào trương mục (Überweisung)

TRAN (Bank : STADT & KREISSPARKASSE, SULZBACH-ROSENBERG, Konto : N° 21 09 700 BLZ 752 517 80)

Tôi có những người bạn chưa biết báo *Diễn Đàn*. Đề nghị báo gửi tặng một số giới thiệu :

1) Tên họ.....

Địa chỉ.....

.....

DIỄN ĐÀN FORUM

Chủ nhiệm : Hà Dương Tường

Tổng biên tập : Trần Hải Hạc

Ban chủ biên: Trần Hải Hạc, Nguyễn Ngọc Giao,

Bùi Mộng Hùng, Hà Dương Tường

Ban biên tập, kỹ thuật, quản lý :

Vũ An, Mỹ An, Bác sĩ Aspirin, Lê Văn Cường, Hà Duy, Trần Đạo, Nguyễn Hải, Đơn Hành, Nguyễn Lộc, Hoàng Lê, Tuấn Linh, Nguyễn Trọng Nghĩa, Văn Ngọc, Thoại Phong, Nguyễn Quang, Phong Quang, Bảo Tâm, Nguyễn Thanh, Thanh Thanh, Vũ Thanh, Nguyễn Thắng, Hàn Thuỷ, Đỗ Thống, Đặng Tiến, Nam Trân, Hoài Văn, Kiến Văn, Hải Vân, Hoà Vân

Tin tức Việt Nam

Chương trình hành động của chính phủ Võ Văn Kiệt : kiềm chế lạm phát, chống tham nhũng và cải tổ hành chính

Ngày 1.10, sau khi Quốc hội phê chuẩn thành phần chính phủ, thủ tướng Võ Văn Kiệt đã trình bày chương trình hành động của chính phủ mới, nhấn mạnh vào những điểm sau :

Kiểm chế lạm phát. Nhiệm vụ hàng đầu mà chính phủ đặt ra cho mình là tiếp tục “ *kiềm chế và kiểm soát mức độ lạm phát* ”. Theo ông Kiệt, thực hiện được mục tiêu chống và hạn chế lạm phát là “ *tạo tiền đề để tiếp tục ổn định và đưa đất nước sớm ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội* ”. Chỉ số tăng giá của Việt Nam 9 tháng đầu năm nay là 14 %, một kết quả đáng kể so với con số 67 % trong năm 1991.

Chống tham nhũng và buôn lậu. Theo thủ tướng Võ Văn Kiệt, “ *thách thức lớn nhất đối với chính phủ trong nhiệm kỳ này là tệ nạn tham nhũng trong bộ máy nhà nước, là nạn buôn lậu đi liền với tham nhũng* ”. Ông cho rằng nhà nước đã có nhiều chủ trương về việc này, bây giờ vấn đề là xác định trách nhiệm và tập trung thực hiện. Biện pháp chính ông đưa ra là “ *tăng cường năng lực và trách nhiệm của các cơ quan bảo vệ pháp luật* ” phối hợp với các đoàn thể chính trị xã hội và các thông tin đại chúng. Một biện pháp khác là nêu rõ trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan hành chính các cấp : mỗi bộ trưởng, mỗi chủ tịch ủy ban nhân dân, mỗi thủ trưởng cơ quan phải là “ *người chịu trách nhiệm lớn nhất trong việc chống các tệ nạn trong ngành mình, địa phương mình, trước hết là trong đơn vị mình phụ trách* ”.

Phó thủ tướng Phan Văn Khải cho biết “ *chỉ thị đầu tiên* ” của chính phủ sẽ nhắm vào việc chống tham nhũng, chống buôn lậu.

➤ Tác động cụ thể của văn bản này sẽ như thế nào, hay là “ ai nói cứ nói, ai làm cứ làm ” như dư luận đã từng nhận xét ? Từ hai năm nay, nghĩa là từ khi nhà nước ban hành những văn bản chống tham nhũng và buôn lậu, hai tệ nạn này không những không giảm đi mà mỗi ngày một bùng nổ thêm ! Theo Tạp chí Kinh tế Viễn đông (FEER) ngày 22.10.1992, chính ông Nguyễn Văn Linh, nguyên tổng bí thư đảng, trong một buổi họp ở thành phố Hồ Chí Minh đã chỉ trích đích danh ông Võ Văn Kiệt và phụ nhân là tham nhũng! (ĐĐ)

Cải cách hành chính. Quản lý xã hội bằng pháp luật và theo pháp luật, đó là điều kiện để có “ *một chính phủ mạnh* ” : chính phủ Võ Văn Kiệt chủ trương “ *một cuộc cải cách hành chính sâu rộng* ” nhằm xây dựng một nền hành chính quốc gia hoạt động theo pháp luật thống nhất, khắc phục những biểu hiện “ *vô kỷ luật, phân tán, cục bộ* ”. Để thực hiện chức năng của mình đồng thời điều chỉnh mối quan hệ giữa nhà nước và công dân, chính phủ sẽ thiết lập hệ thống luật hành chính cùng với toà án hành chính và quy chế công chức. Thủ tướng Võ Văn Kiệt thừa nhận rằng tình trạng “ *thiếu một quy chế công vụ và công chức, và chậm đào tạo một đội ngũ công chức* ” là một trong những nguyên nhân

quan trọng dẫn tới bộ máy “ *quan liêu, công kênh, kém hiệu lực* ” hiện nay.

Người đọc chương trình hành động của chính phủ có thể ghi nhận một điều đã từng được các quan sát viên nêu lên: Ông Võ Văn Kiệt không hề đặt ra các vấn đề hệ tư tưởng và cụm từ “ *chủ nghĩa xã hội* ” hoàn toàn vắng bóng.

Danh sách chính phủ

Chính phủ Việt Nam nhiệm kỳ 1992-97 được bầu ra ngày 1.10.1992 thành phần như sau :

Thủ tướng : Võ Văn Kiệt

Phó thủ tướng : Phan Văn Khải, Nguyễn Khánh và Trần Đức Lương

Bộ trưởng bộ Quốc phòng : Đoàn Khuê

Bộ trưởng bộ Nội vụ : Bùi Thiện Ngộ

Bộ trưởng bộ Ngoại giao : Nguyễn Mạnh Cầm

Bộ trưởng bộ Tư Pháp : Nguyễn Đình Lộc

Bộ trưởng bộ Tài Chính : Hồ Tế

Bộ trưởng bộ Khoa học - Công nghệ và Môi trường : Đặng Hữu

Bộ trưởng bộ Lao động - Thương binh và Xã hội : Trần Đình Hoan

Bộ trưởng bộ Giáo dục và Đào tạo : Trần Hồng Quân

Bộ trưởng bộ Y tế : Nguyễn Trọng Nhân

Bộ trưởng bộ Văn hoá - Thông tin : Trần Hoàn

Bộ trưởng bộ Xây dựng : Ngô Xuân Lộc

Bộ trưởng bộ Thủy lợi : Nguyễn Cảnh Dinh

Bộ trưởng bộ Giao thông vận tải : Bùi Danh Lưu

Bộ trưởng bộ Nông nghiệp và Công nghiệp thực phẩm : Nguyễn Công Tạn

Bộ trưởng bộ Thủy sản : Nguyễn Tấn Trịnh

Bộ trưởng bộ Công nghiệp nặng : Trần Lum

Bộ trưởng bộ Công nghiệp nhẹ : Đặng Vũ Chu

Bộ trưởng bộ Năng Lượng : Thái Phụng Nê

Bộ trưởng bộ Thương mại : Lê Văn Triết

Bộ trưởng chủ nhiệm Ủy ban kế hoạch nhà nước : Đỗ Quốc Sam

Tổng thanh tra nhà nước : Nguyễn Kỳ Cẩm

Thống đốc Ngân hàng nhà nước : Cao Sỹ Kiêm

Bộ trưởng chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc và miền núi : Hoàng Đức Nghi

Bộ trưởng chủ nhiệm Ủy ban nhà nước về Hợp tác và đầu tư : Đậu Ngọc Xuân

Bộ trưởng trưởng ban Tổ chức - cán bộ của chính phủ : Phan Ngọc Tường

Bộ trưởng chủ nhiệm Văn phòng chính phủ : Lê Xuân Trịnh

Bộ trưởng phụ trách công tác Dân số và kế hoạch hoá gia đình : Mai Kỳ

Bộ trưởng phụ trách công tác Bảo vệ và chăm sóc trẻ em : Trần Thị Thanh Thanh

Bộ trưởng phụ trách một số công tác của chính phủ : Phan Văn Tiệm và Hà Quang Dự.

Ngoài ra, do Quốc hội bác bỏ đề nghị của ông Võ Văn Kiệt nhập bộ Lâm nghiệp với bộ Nông nghiệp và Công nghiệp thực phẩm, việc phê chuẩn tên người đứng đầu bộ Lâm nghiệp chưa được tiến hành.

Một số chức vụ lãnh đạo nhà nước khác

Ngoài chủ tịch, phó chủ tịch nước, chủ tịch Quốc hội, thủ tướng và chính phủ, Quốc hội đã thông qua tên những người đứng đầu một số cơ quan cao cấp của nhà nước trên cơ sở đề nghị của chủ tịch nước, chủ tịch Quốc hội hoặc thủ tướng :

Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao : Lê Thanh Đạo.

Chánh án Toà án nhân dân tối cao : Phạm Hưng.

Chủ tịch Hội đồng dân tộc : Y Ngông Nuck Đan.

Phó chủ tịch Quốc hội : Nguyễn Hà Phan, Đặng Quân Thụy và Phùng Văn Tửu.

Chủ nhiệm các Ủy ban của Quốc hội : các ông Hà Mạnh Tri (Luật pháp), Hoàng Bích Sơn (Ngoại giao), trung tướng Đặng Quân Thụy (An ninh và quốc phòng), Mai Thúc Lân (Kinh tế - kế hoạch và ngân sách), Vũ Đình Cự (Khoa học, công nghệ và môi trường), các bà Nguyễn Thị Thân (Y tế và xã hội), Trần Thị Tâm Đan (Văn hoá, giáo dục và thanh niên).

Quan hệ Việt - Mỹ nhúc nhích

Tờ Los Angeles Times ngày 22.10 đã viện dẫn một nguồn tin từ Nhà Trắng nói rằng chính phủ Bush đang chuẩn bị nối lại quan hệ ngoại giao với Việt Nam trước ngày mở đầu nhiệm kỳ mới vào tháng giêng tới. Trả lời phỏng vấn cùng ngày của đài truyền hình CBS, ông Bush cho rằng nói như thế là “ hơi lạc quan ”. Tuy nhiên, ông thừa nhận vừa có “ *khai thông* ” (breakthrough) trong hồ sơ quân nhân Mỹ mất tích hoặc bị cầm tù (MIA/POW) trong chiến tranh Việt Nam : Việt Nam đã chấp nhận mở các nơi lưu trữ tài liệu của quân đội cho phái bộ tìm kiếm tin tức về MIA/POW của Mỹ. Quyết định này được ngoại trưởng Nguyễn Mạnh Cầm thông báo trong một cuộc gặp riêng với quyền ngoại trưởng Lawrence Eagleburger và bộ trưởng quốc phòng Richard Cheney ngày 8.10. Mười ngày sau đó, tướng về hưu John Vessey, phụ tá đặc biệt của tổng thống Bush trong vấn đề MIA/POW đã bay sang Hà Nội. Theo tờ Washington Post ngày 20.10, sau hai ngày làm việc ông Vessey đã mang về nhiều tài liệu và thông tin quan trọng, trong đó có một tập ảnh khoảng 4 000 tấm, có thể cho phép giải quyết dứt điểm những nghi vấn về hàng chục, thậm chí hàng trăm trường hợp MIA. (AFP và Reuter 19 - 22.10)

Việt - Trung : thương lượng về biên giới

Vòng đầu của cuộc thương lượng Việt - Trung ở cấp chuyên viên về các vấn đề tranh chấp biên giới (xem Diễn Đàn các số 11 và 12) đã diễn ra từ ngày 12 đến 18.10 tại Bắc Kinh. Theo Tân Hoa Xã, hai bên đã trao đổi trong một “ *bầu không khí thân thiện và thẳng thắn* ”, “ *sự hiểu biết lẫn nhau đã được tăng lên và có những kết quả đã được đạt tới* ”. Tuy nhiên, Tân Hoa Xã không nói những kết quả đó là những gì. Vòng hai của cuộc thương lượng sẽ diễn ra ở Hà Nội trong một thời điểm sẽ được quyết định sau.

Ngày 19.10, đáp lại một tuyên bố của chính quyền Đài Loan, người phát ngôn bộ ngoại giao Việt Nam đã “ *khẳng định chủ quyền không chối cãi được của Việt Nam trên các quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa và phản đối mọi hành động vi phạm chủ quyền đó* ”, đồng thời nhắc lại “ *vi hoà bình và ổn định trong khu vực, Việt Nam sẵn sàng giải quyết mọi tranh chấp thông qua thương lượng* ”. Cùng ngày, báo Nhân Dân đưa tin một đoàn khảo sát khí tượng và tài nguyên vừa được phái tới Trường Sa. (Reuter 18.10, AFP 18 và 19.10)

Lập lại quan hệ ngoại giao với Nam Triều Tiên

Ngày 9.10, đại sứ Park Noh-Soo đã tới Hà Nội mở một văn phòng liên lạc chính thức của Nam Triều Tiên tại Việt Nam. Trong buổi lễ khai mạc, ông cho biết “ *Quan hệ ngoại giao giữa hai nước Nam Triều Tiên và Việt Nam đã được bình thường hoá. Trong vài tháng tới, hai bên sẽ mở các toà đại sứ, dù Hoa Kỳ có tiếp tục cấm vận Việt Nam hay không* ”. Theo ông Park, phái bộ của ông sẽ tập trung vào công tác tăng cường các quan hệ kinh tế giữa hai nước. Trước mắt, khối lượng trao đổi thương mại giữa Nam Triều Tiên và Việt Nam, theo dự kiến của các quan chức Nam Triều Tiên, có thể lên đến 500 triệu Mỹ kim trong năm nay, tăng gấp đôi so với năm 1991. Nam Triều Tiên xuất sang Việt Nam hàng vải vóc, sắt thép, hàng hoá học v.v..., đạt 213 triệu đôla trong 7 tháng đầu năm nay, và cùng thời kỳ đã nhập của Việt Nam 40 triệu đôla than và các mặt hàng khác. 14 dự án đầu tư của các nhà doanh nghiệp Nam Triều Tiên, trị giá 126 triệu đôla, đã được phía Việt Nam chấp nhận. Một phái đoàn Nam Triều Tiên sẽ đến Hà Nội và Hải Phòng trong vài tuần tới để nghiên cứu về khả năng thiết lập một vùng chế xuất dành riêng cho họ. (AFP 9.10)

Ngoại trưởng Xingapo thăm Việt Nam

Nhận lời mời của bộ trưởng Nguyễn Mạnh Cầm, ngoại trưởng Xingapo Wong Kan Seng đã tới thăm chính thức Việt Nam ba ngày kể từ thứ hai 19.10.1992. Đây là chuyến thăm Việt Nam đầu tiên của một nhân viên chính phủ Xingapo, tính từ tháng 4.1975 tới nay. Hai nước đã lập quan hệ ngoại giao từ tháng 11.1991 và trước đó Xingapo đã là một trong những nước có trao đổi buôn bán nhiều nhất với Việt Nam (một tỉ đô la trong năm 1991). Trong cuộc họp báo kết thúc chuyến đi, ông Wong cho biết hai bên sẽ ký một hiệp định bảo vệ đầu tư của nhau trong tháng này, và chuyên viên hai nước tiếp tục làm việc về một thoả thuận thuế khoá. Ông Wong cũng cho rằng còn quá sớm để Việt Nam tham gia Diễn đàn Hợp tác kinh tế châu Á - Thái Bình Dương (Asia - Pacific Economic Cooperation), một tổ chức bao gồm các nước không cộng sản ở Đông Nam châu Á và Úc, Tân Tây Lan, Mỹ, Canada. Cùng trong buổi họp báo, ngoại trưởng Nguyễn Mạnh Cầm cho rằng chưa tới lúc đặt vấn đề Việt Nam gia nhập Thoả ước Tự do thương mại châu Á (Asian Free Trade Agreement). Thoả ước này là một sáng kiến của Xingapo đưa ra trong hội nghị thượng đỉnh ASEAN đầu năm nay, theo đó một vùng tự do thương mại (không còn hàng rào thuế quan) sẽ được thiết lập giữa các nước ASEAN và một số nước khác trong vòng 15 năm tới. Ngay trong nội bộ ASEAN, một số nước như Indônêxia, Malaixia cũng tỏ ý e ngại đối với sáng kiến này. (AFP 21.10)

Nhật, Thái...

Hoạt động ngoại giao của Việt Nam có vẻ được đẩy mạnh trong tháng 10 vừa qua khi bộ trưởng Nguyễn Mạnh Cầm tham dự khoá họp thường niên của Liên hiệp quốc. Tại Mỹ, ông đã gặp quyền ngoại trưởng Eagleburger (xem tin trong số này). Sau khoá họp, ông Cầm đã ghé thăm Tokyo và Băng Cốc. Tại Tokyo, ông đã hội đàm với ngoại trưởng Nhật Watanabe và đã mời thủ tướng Kiichi Miyazawa cũng như ngoại trưởng Michio Watanabe thăm Việt Nam. Hà Nội mong thất chặt hơn các quan hệ với Nhật nhưng Tokyo vẫn tỏ ra thận trọng không muốn gây khó khăn với Mỹ khi chuyện cấm

vận chưa giải quyết xong. Ghé Băng Cốc ngày 13.10, ông Cầm đã gặp bộ trưởng ngoại giao Prasong Soonsiri của chính phủ Thái vừa được cử ra sau cuộc tổng tuyển cử tháng trước. Prasong đã tuyên bố với báo chí sau cuộc gặp là chính phủ của thủ tướng Chuan Leekpai sẽ có những quan hệ mật thiết hơn với Việt Nam, tăng cường các mối hợp tác kinh tế giữa hai nước. Mấy ngày trước khi ông Cầm tới Băng Cốc, Hà Nội đã chính thức mời thái tử Thái Maha Vajiralongkorn tới thăm Việt Nam, chuyến đi có thể được thực hiện cuối tháng 11 tới.

Trong tuần cuối tháng 10, người ta cũng được biết phó thủ tướng Phan Văn Khải đã đi thăm chính thức Cộng đồng châu Âu và Paris. (AFP 9, 13, 15 và 23.10)

Gạo : sản lượng tăng, xuất khẩu tăng, nông dân điêu đứng

Theo báo cáo của văn phòng chính phủ, sản lượng lương thực vụ đông xuân đã đạt mức cao nhất từ trước đến nay, tăng hơn năm ngoài gần 2,6 triệu tấn. Sản lượng cả năm 1992 có thể đạt tới 23 triệu tấn. Trong 9 tháng đầu năm nay, Việt Nam đã xuất khẩu 1,2 triệu tấn gạo và, theo dự báo của bộ thương mại có khả năng lên tới 2 triệu tấn cho cả năm (1,8 triệu tấn từ các tỉnh phía nam và 200 000 tấn từ các tỉnh phía bắc). Mức xuất khẩu cao nhất tới nay là 1,6 triệu tấn, đạt được năm 1990.

Tuy nhiên, việc gia tăng sản xuất và xuất khẩu gạo không những đã không đem lại lợi ích cho nông dân, người làm ra hạt gạo, mà còn làm cho họ điêu đứng. Lý do chính là do chủ trương chính phủ hạ giá gạo xuất để cạnh tranh trên thị trường quốc tế (theo báo Bangkok Post, giá gạo Việt Nam hiện nay rẻ hơn gạo cùng loại của Thái Lan đến 40-50 đôla mỗi tấn) mà không có biện pháp giảm giá nguyên liệu, giảm thuế và lãi suất tín dụng để giúp đỡ nông dân. (Tuổi Trẻ 22 và 29.9.92)

Đường dây siêu cao thế (tiếp)

Theo báo tiếng Anh Saigon Newsreader, các công trái một và ba năm của chính phủ phát hành hồi tháng 7 năm nay để huy động vốn hỗ trợ cho công trình đường dây siêu cao thế tới giữa tháng 10 mới chỉ đạt 169,3 tỉ đồng (15,5 triệu đôla), tức một phần ba kết quả mong đợi. Các công trái này được bảo đảm bằng dự trữ vàng của Nhà nước, có lãi suất từ 4,2 đến 5 %. Thời hạn bán công trái được dự trù ban đầu là 6 tháng nay phải nối dài ít nhất là 6 tháng nữa. Mặc dù đường dây (1500 km) được kéo từ nhà máy thủy điện sông Đà vào nam để phục vụ nhu cầu điện của thành phố Hồ Chí Minh, người mua công trái ở trong nam ít hơn ở ngoài bắc.

Các quan chức chính phủ ước tính phí tổn của công trình này là khoảng 300 triệu đô la, nhưng nhiều chuyên viên nghĩ rằng thời tiết và điều kiện đất đai rừng núi khắc nghiệt sẽ làm cho phí tổn lên cao hơn nhiều.

Phục hồi đàn Nam Giao

Ngày 15.9 vừa qua, Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên đã quyết định trả lại đàn Nam Giao cho quần thể di tích triều Nguyễn và tháo dỡ đài liệt sĩ mà chính quyền tỉnh đã xây lên đó năm 1977. Theo thông báo của Ủy ban nhân dân, việc tháo dỡ đài liệt sĩ phải hoàn tất vào đầu tháng 10 và sau đó sẽ bắt đầu công tác phục hồi đàn Nam Giao.

Báo Lao động chủ nhật ngày 20.9.92 đưa tin này cũng cho

biết quyết định năm 1977 của chính quyền tỉnh Bình Trị Thiên cũ " không được sự đồng tình " của người dân, song không nêu tên người trách nhiệm hành động phi văn hoá này : ông Trần Hoàn, người vừa được cử lại vào chức vụ bộ trưởng văn hoá - thông tin trong chính phủ mới.

Tin ngắn khác

☛ Trong khuôn khổ giải pháp hoà bình ở Cam Bốt, những người Thượng vũ trang của lực lượng Fulro đóng ở tỉnh biên giới Mondolkiri đã chấp nhận **giải giáp**, trao vũ khí cho quân Liên hiệp quốc, chấm dứt cuộc chiến tranh du kích của Fulro chống chính quyền Việt Nam. 398 người cuối cùng của Fulro, kể cả du kích và gia đình họ, đã được đưa tới Phnom Penh trước khi được đưa sang định cư tại một nước tây Âu (Pháp hoặc Mỹ).

☛ **Lụt lớn** lại xảy ra ở **miền Trung** trung tuần tháng 10. Theo tin chính quyền ngày 15.10, 37 người đã thiệt mạng, nhiều người mất tích, hàng nghìn nhà cửa bị nước cuốn trong 6 tỉnh giữa Nghệ An và Quảng Nam - Đà Nẵng. Thiệt hại lớn nhất là tỉnh Quảng Bình. Thiệt hại vật chất ước tính tạm thời là 50 tỉ đồng (4,6 triệu đôla). Cuộc du lịch xuyên Việt bằng xe mô tô Harley do cựu phóng viên báo Humanité tại Việt Nam, Daniel Roussel, tổ chức đã bị gián đoạn vì mưa lớn và lũ lụt.

☛ Nhiều **mỏ kim loại quý** với trữ lượng lớn vừa được khám phá trong một cuộc thăm dò mới đây tại một miền biển Việt Nam giữa Vũng Tàu và Đà Nẵng. Thông tấn xã Việt Nam đưa tin này ngày 3.10 không nói rõ hơn vùng biển nào.

☛ Từ giữa tháng 9 năm nay, trên những tuyến bay nội địa Việt Nam đã xuất hiện máy bay chở khách của Pacific Airlines, một công ty liên doanh giữa Việt Nam và một số công ty Đông Nam Á, **cạnh tranh** với Hàng không Việt Nam. Hiện nay, mỗi tuần Pacific Airlines có hai chuyến bay Thành phố HCM - Hà Nội và một chuyến Thành phố HCM - Hải Phòng, trong khi đó Hàng không Việt Nam có 28 chuyến bay từ Thành phố đi Hà Nội và 4 chuyến đi Hải Phòng.

☛ Chính phủ Việt Nam vừa ban hành chủ trương mới huy động mọi thành phần kinh tế tham gia phủ xanh đồi trọc, bảo vệ rừng và môi trường sinh thái, bằng cách **giao đất và rừng** cho dân sử dụng. Chính sách mới qui định diện tích giao rừng cho mỗi đơn vị kinh tế có thể lên đến 10 000 ha, và mỗi hộ gia đình có thể có 5 000 mét vuông đất làm kinh tế gia đình.

☛ Hơn 1 000 người chết vì **sốt rét** từ đầu năm đến nay. Báo Nhân Dân ngày 21.10 cho biết hơn một nửa số người chết bệnh này là đồng bào các dân tộc ít người ở Tây Nguyên. Theo thống kê chính thức, Tây Nguyên hiện có hơn 92 000 người mắc bệnh sốt rét, tức khoảng 20 % tổng số bệnh nhân sốt rét trong cả nước.

☛ Nhà tù **Hoả Lò** do Pháp xây dựng ở trung tâm Hà Nội gần 100 năm nay sẽ được xóa đi, **thay thế bằng một trung tâm kinh doanh** lớn gồm hai nhà chọc trời 22 tầng nối với nhau bằng một nhà 4 tầng. Như ở nhiều khu thương mại ở các nước khác, trung tâm này sẽ bao gồm một khách sạn cao cấp, những văn phòng của các công ty kinh doanh, cửa hàng buôn bán, dịch vụ, hầm đậu xe v.v... Chủ đầu tư cho công trình này là một liên doanh Xingapo - Hà Nội mang tên Hasin International. Phía Xingapo là bà Goh Poh Joo, chủ nhân khách sạn Night View ở Xingapo. Một nhà tù thay thế sẽ được xây mới ở ngoại ô Hà Nội.

Dân tộc và dân chủ (tiếp theo trang 1)

Thật ngắn gọn, nhưng trọn vẹn tính cách của ý thức hệ dân tộc chủ nghĩa. Người Việt từ thời ấy ý niệm sâu sắc về dân tộc, một biểu tượng tập thể do cá nhân mỗi người hợp thành. Biểu tượng được thiêng liêng hóa, thần thánh hóa. Thành huyền thoại. Thành sức mạnh gắn bó hiện tại vào quá khứ trong đà vươn tới tương lai. Cá nhân mỗi con người bé bỏng đơn cô đơn nhình hùng tráng. Máu chảy trong huyết quản là những giọt máu Âu Cơ, Lạc Long Quân; ngấm ngấm trong con người là đức tính của tổ tiên, của dân tộc. Mỗi cá nhân là cả quá khứ, cả văn hóa, là cả một tập thể, hiện tại đã qua và sắp tới, cùng chia sẻ với nhau một ý niệm dân tộc.

Một sức mạnh, mãnh liệt khi vào lĩnh vực chính trị. Sức mạnh ấy đã đưa chân dân tộc Việt đi, đi mãi, hướng về Nam đến tận mũi Cà Mau. Nghìn năm đã qua, ý thức dân tộc vẫn hồn nhiên mộc mạc trong thơ văn như buổi ban sơ. Có người đã lầm, cho là ca dao mấy câu thơ Huỳnh Văn Nghệ làm vào khoảng những năm 40 :

Từ thuở mang gươm đi dựng nước

Nghìn năm thương nhớ đất Thăng Long

Yniệm sâu sắc về đặc tính của mình là sức hấp thu vào lòng dân tộc những yếu tố mới lạ gặp gỡ trên dòng lịch sử. Một ví dụ còn chưa xa lắm là cộng đồng Minh Hương, một tập thể giàu cá tính, đã cố tình xác định nguồn gốc của mình bằng tên gọi. Trịnh Hoài Đức (1765- 1825) là người Minh Hương, tổ ba đời từ huyện Trường Lạc tỉnh Phúc Kiến chạy loạn Mãn Thanh sang ngụ ở Trấn Biên (Biên Hòa). Đến thế hệ Hoài Đức, con mắt hoàn toàn là mắt người dân đồng bằng sông Cửu Long, tự hào đất nước phì nhiêu, mưa gió phải thì, không hạn hán cơ cầu nhà vua phải đích thân cầu đảo xin trời làm mưa (như ở Trung quốc vua Thành Thang đời Thương phải làm lễ cầu đảo ở Tang Lâm) :

Sáng mai, lúa trở tràn đồng ruộng

Đâu phải Tang Lâm đợi mưa về

(*Vạn khoảnh minh triều trình hợp dĩnh, Tang Lâm vô sự đảo kiên tê*), (*Mỹ Tho dạ vũ, Mưa đêm ở Mỹ Tho, Huỳnh Minh Đức dịch*).

Tâm sự của ông, vào thời buổi loạn lạc, là tâm sự một con dân đất nước đau lòng sốt dạ mà thấy đổ máu chiến sĩ anh hùng, thốt tiếng kêu lên với đất trời :

Pha máu anh hùng, sông một nửa

Trời cao mờ mịt biết hay không ?

(*Giang lưu bán thị anh hùng huyết, Chân tế minh minh tri bất tri ?*), (*Thương loạn, Cảm thương cảnh loạn lạc, Nguyễn Khuê dịch*)

Trịnh Hoài Đức ra giúp Nguyễn Ánh. Khi Gia Long lên ngôi, ông đi sứ Trung Hoa (1802-1803) để cầu phong. Trên đường sứ bộ, ông làm mười tám bài thơ chữ nôm, lấy ngôn ngữ dân tộc để tình tự tâm tư của một thần dân Việt Nam với quân vương của mình :

Ngàn dặm ơn sâu lai láng biển

Muôn trùng nghĩa nặng chập chồng non

Để nôm na tâm sự nổi ngong ngóng nhớ nước nhớ nhà :

Vái hỏi xanh xanh kia biết chẳng

Ngày nào về dựng nước nhà xưa ? (1)

Từ xưa tới nay dân tộc ta không ngừng hấp thu vào vốn liếng chung những nét văn hiến từ ngoài tới. Tự xưa, dĩ nhiên là văn hóa Trung Hoa suốt nghìn năm đô hộ, mà còn những nét văn hóa Chăm đặc biệt là nhạc và điêu khắc. Vào đến miền Nam, ta biết thừa hưởng từ cách ăn uống đến giống lúa, kỹ thuật làm ruộng đặc thù ở đất đồng bằng sông Cửu Long của người Campuchia, biết đón nhận những nét văn hóa Triều Châu, Phúc kiến qua nhiều đợt di dân người Hoa. Và trong thời gian chịu đô hộ của thực dân Pháp, biết chuyển hóa những yếu tố tây phương vào thơ vào văn làm đổi hẳn bộ mặt văn học, mà phong cách vẫn cứ là phong cách dân tộc. Yếu tố bên ngoài không ngót thâm nhập xã hội Việt Nam, chúng được hấp thụ, chuyển hóa làm giàu cho nền văn hóa, nhưng nếu bản sắc vẫn được vẹn toàn chính là nhờ tinh thần dân tộc.

Ngày nay biên cương một quốc gia là cái khung quá chật hẹp đối với nền kinh tế thị trường, quá nhỏ bé để thực hiện tối ưu một số kỹ thuật tiên tiến, quan niệm về dân tộc rồi đây có thể đổi thay, đó là những sự kiện cần phải được nhận định và đánh giá đúng mức trong mọi tính toán.

Điều đáng lưu tâm là xu hướng phát triển xã hội tư bản hiện nay đang san bằng mọi khác biệt văn hóa, tạo ra một thứ văn hóa vô vị, mờ nhạt, nông cạn. Giữ cho bản sắc của những nền văn hóa bề dày hàng mấy ngàn năm không bị xóa bỏ bởi làn sóng duy lợi nhuận hiện nay coi văn hóa chỉ như một công cụ để ra tiền, để cho nhân loại vẫn cứ muôn màu muôn sắc là giữ cho con người những vốn quý, một mất đi không dễ tìm lại được. Trong công cuộc này tinh thần dân tộc còn giữ một vai trò quan trọng dài lâu.

Sẽ lắm to khi cho rằng tinh thần dân tộc chỉ hướng về quá khứ ! Malraux có nói chí lý rằng : “ *Lý trí tạo ra ý niệm dân tộc, còn sinh ra mãnh lực tình cảm của ý niệm ấy chính là nỗi niềm cùng chung một ước mơ* ” (2).

Cùng chung một di sản, một hoài bão đó là sức mạnh của một dân tộc. Ta đã thấy sức mạnh ấy là thế nào trong cách mạng 1945. Khi chính quyền được xem như là hiện thân của hoài bão sâu xa nhất của cả dân tộc.

Chí khí ngất trời của nhân dân là sức mạnh tinh thần vô biên. Nhưng đem so lực lượng của hai bên Pháp, Việt thời đó, cứ công tâm mà xét, thì chẳng khác gì lấy trứng chọi đá. Phải nhìn như một người sống vào cái thời 45-46 ấy mới rõ tầm quan trọng của một sự lãnh đạo sáng suốt.

Lần đầu tiên trong lịch sử nước ta, cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc không khuôn mình trong ý thức hệ dân tộc chủ nghĩa hạn hẹp. Như các phong trào chống Pháp trước kia, như khi Nguyễn Huệ đánh quân Thanh, Lê Lợi đuổi quân Minh, Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn dẹp quân Nguyên. Miệt thị người dân nước địch như cầm thú, “ *... uốn lưỡi cú diều mà sỉ mắng triều đình, đem thân dê chó mà bắt nạt tể phụ* ” (3).

Tình thế năm 1946 dầu sôi lửa bỏng là thế, mà chủ tịch Hồ Chí Minh chấp nhận rời đất nước hàng tháng trường, đích thân qua Pháp dự hội nghị : “ *... Sang Pháp lần này còn là dịp tốt để ... tranh thủ cảm tình của nhân dân Pháp và thế giới* ” (4). Và quả là suốt chín năm trường kháng chiến chống thực dân, nhân dân Pháp ủng hộ cuộc chiến đấu của nhân dân ta, mỗi ngày mỗi đông hơn ép chính

quyền Pháp phải chấm dứt một cuộc chiến tranh phi nghĩa.

Tiếp sau đó đế quốc Hoa Kỳ cương quyết trực tiếp ngăn chặn công cuộc thống nhất đất nước Việt Nam. Một lần nữa lại chênh lệch, chẳng khác châu chấu đá xe. Và thêm một lần nữa, vì nhân dân Mỹ chán ghét không muốn đưa đũa con em mình vào một cái chết vô nghĩa mà chính quyền Hoa Kỳ buộc phải rút lui mặc dù, khách quan mà nói, còn sức tiếp tục đưa quân vào Đông Dương. Không, không cú tinh thần dân tộc là bắt buộc phải kỳ thị, hẹp hòi.

Sau bao nhiêu năm máu lửa, mất mát, hy sinh, nghĩ cho cùng người công dân Việt Nam ngày nay cũng có được chút gì khác hơn so với người Việt thời 1945. Một anh bạn, lứa tuổi 17, 18 vào thời buổi ấy, con nhà gia thế đã bỏ tất cả để đi theo cách mạng. Ngày nay, tóc bạc, răng long, ngồi kể lại những năm đi vào kháng chiến, anh bùi ngùi nói rằng : “ *Thật ra, cậu ạ, là người Việt thì không có quyền lựa chọn !* ” Vâng, nghĩ cho cùng, người dân mất nước muốn làm người cho ra người thì còn có thể lựa chọn gì, ngoài việc giành lại quyền chính trị đã bị tước đoạt của mình ?

Ngày nay không gian chính trị của người công dân Việt Nam đã được phục hồi. Ít ra là trên nguyên tắc. Anh có quyền lựa chọn hướng đi cho tương lai anh, tương lai đất nước. Anh tự do. Ít nhất là trên giấy tờ. Trong cái không gian chính trị mới này có một điểm từ xưa tới nay chưa hề có trong lịch sử nước Việt Nam. Bị đô hộ, người dân mất nước không đứng ngang hàng với người mẫu quốc đã đành, nhưng trước kia duối ngoại xâm xong, dưới chế độ quân chủ, người dân cũng chỉ được quyền quy phục quân vương. Trong không gian chính trị mới giành lại được, trên nguyên tắc, mọi công dân Việt Nam đều bình đẳng. Bình đẳng vì tự do ngang nhau, và tự do vì bình đẳng, không ai được quyền phạm đến tự do của người khác .

Biểu hiện của tự do là gì nếu không là khả năng hành động, trong nghĩa khả năng thực thụ quyết định diễn biến của xã hội, của đời mình (5) ? Và, tiên quyết trong việc này là chọn lựa giá trị cho xã hội, cho cá nhân mỗi người.

Anh bạn Đặng Tiến đã hoàn toàn có lý khi đặt vấn đề dân tộc và dân chủ (6) vào đúng thời điểm mà dân tộc phải chọn lựa những giá trị cơ bản cho đoạn đường trước mắt.

Đoạn đường giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước đã đi qua. Những giá trị khả kính mà hiệu năng đã được chứng minh trong các giai đoạn đã qua còn đáng được rập theo trong giai đoạn trước mắt hay chẳng, giải đáp vấn đề tối ưu quan trọng này phải do nhân dân Việt Nam tự do quyết định.

Trong tình hình hiện nay lấp liếm đánh đồng tương lai với quá khứ chỉ là hành vi của những nhóm đã cạn hết ý không đề ra nổi một dự phóng xây dựng xã hội xứng đáng với dân tộc. Trong thực chất là một ý đồ cả vú lấp miệng em để tước quyền tự do mà dân tộc ta đã trên ba mươi năm xương máu hy sinh mới giành lại được.

Cũng như việc chính quyền hiện nay thiết lập chế độ độc đảng, mặc nhiên thể chế hóa hai loại công dân, công dân đảng viên quyền chính trị cao hơn công dân phó thường dân. Mà đã xóa bình đẳng là tước mất tự do. Chính vì thế mà thể chế sơ hở, kỷ cương lỏng lẻo không tôn trọng tự do của người công dân. Và mở cửa cho nguy cơ mọi thứ độc tài dấy lên.

Nhìn vào lịch sử cận đại, nhan nhản ví dụ những nhóm cùng sống trong một quốc gia, đều là nhân danh dân tộc chủ nghĩa, lựa chọn những giá trị đối lập với nhau. Riêng tại một nước Pháp, vào cuối thế kỷ thứ 19 đã cùng nở rộ những thú dân tộc chủ nghĩa dân chủ và tự do tư tưởng cùng với dân tộc chủ nghĩa chuông uy quyền, chống chế độ đại nghị, dân tộc chủ nghĩa bảo thủ về mặt xã hội song song với dân tộc chủ nghĩa phủ nhận xã hội hiện hành, có dân tộc chủ nghĩa tự mãn tự đại và có dân tộc chủ nghĩa khắc khoải lo âu, có dân tộc chủ nghĩa chủ trương tuân theo tôn giáo cổ truyền và có dân tộc chủ nghĩa đòi thể tục hóa, bài tăng lữ...

Những giá trị có thể chọn lựa thật quá nhiều.

Dân chủ là một trong những giá trị đó. Có thể nhìn một cách rất giản đơn : dân chủ là quyền lựa chọn người thay mặt mình quản lý đời sống hàng ngày trong làng mạc, trong phường xóm, v.v... Nếu việc làm và lời nói của người đó không đi đôi với nhau thì có quyền chọn người khác thay. Và cũng có thể nhìn như những giá trị cao đẹp phải vươn tới như tự do và bình đẳng, thể hiện trong đời sống giữa người và người, tôn trọng lẫn nhau, giải quyết tranh chấp bằng thảo luận để đi đến giải pháp mọi bên đều chấp thuận, tinh thần đó thể hiện ra kỷ cương, thể chế, luật pháp.

Nhìn như thế thì dân chủ là một quá trình dài hơi, mỗi ngày mỗi đẹp bớt những điều trong xã hội còn thấy chưa được vừa lòng, từng bước tiến tới một xã hội tự do công bằng lý tưởng. Quá trình ấy không một ai ban bố được vì là công trình của mọi công dân, thực hiện trong các khía cạnh đời sống hàng ngày, đòi hỏi thể hiện thành chế độ, thể chế thích hợp. Một công cuộc xây dựng không ngừng.

Giá trị dân chủ là những giá trị xuất hiện từ khi có con người tự do. Của những ai-mong muốn tạo một không gian chính trị trong đó con người được tự do bình đẳng với nhau.

Tự do đã được ghi ngay sau chữ độc lập trong mục tiêu nêu ra từ ngày đầu cách mạng giải phóng dân tộc. Độc lập, thống nhất rồi, còn tự do. Nếu trung thành với lý tưởng của các thế hệ đã hy sinh xương máu, và trung thành với lý tưởng của bản thân mình, thì e rằng người công dân Việt Nam ngày hôm nay sau này cũng có ngày gãi gãi mái đầu bạc tâm sự với em cháu : “ *Thật ra, cậu ạ, là người Việt thì không có quyền lựa chọn !* ”

Vì chỉ có một hướng đi duy nhất : những ai yêu tự do, bình đẳng, công bằng xã hội nắm lấy tay nhau, cùng tiến.

B.M.H. (10.92)

(1) Thơ Trịnh Hoài Đức đều trích từ *Văn học Nam hà*, Nguyễn Văn Sâm, Lửa Thiêng 1974.

(2) “ *L'esprit donne l'idée d'une nation, mais ce qui fait sa force sentimentale, c'est la communauté de rêve* ” Malraux, *La tentation de l'Occident*, 1926.

(3) trích dịch Trần Quốc Tuấn, *Hịch tướng sĩ*.

(4) Thế Kỷ - Minh San, *Vị thượng khách đến Paris về Hà Nội*, tập truyện ký ghi lời kể của nhiều cán bộ đã sống gần và làm việc với chủ tịch Hồ Chí Minh trong những năm 1946 - 47, Nhà xuất bản tổng hợp Quảng Ngãi 1991.

(5) Trần Đạo, *Dân chủ, ước mơ và hiện thực*, Diễn Đàn số 13, 1.11. 92.

(6) Đặng Tiến, *Dân tộc và dân chủ*, Diễn Đàn số 11, 1.9.92.

Tác giả trả lời

Cuối cùng rồi cũng có người đưa đến cho một bản sao ảnh bài Đặng-Tiến đăng trên *Diễn Đàn* số 6 (3.1992), 'Đọc Nhật ký Nguyễn-Ngọc-Lan'.

Đúng là Đặng-Tiến viết trên *Diễn Đàn* không như Đặng-Tiến nói trên đài *RFI*, trước đó. Hay nói đúng hơn: như mà không như. Trên đài *RFI* đã chỉ có hai phần ba bài báo. Trên báo *Diễn Đàn*, còn có thêm phần cuối, châm chích, đâm thọc. Có thêm cái đuôi rết.

Được châm chích, đâm thọc là chuyện bình thường. Nhất là khi đã lỡ mang vào thân cái nghiệp viết lách không mấy giống ai như mình. Bị hơn cả châm chích, đâm thọc còn được nữa là. Chỉ không bình thường và đáng nói là Đặng-Tiến *RFI* tuyệt nhiên không châm chích, đâm thọc còn Đặng-Tiến *Diễn Đàn* lại đâm thọc, châm chích. Trừ phi vẫn cứ là chuyện bình thường, và bình thường từ ngàn xưa, khi cây cam trồng đất kia thì sinh trái ngọt lịm mà đem trồng đất nọ lại sinh trái dở ngọt dở chua.

Đặng-Tiến đã tiếc rẻ những cảm nghĩ bộc trực, "tự phát" ban đầu của mình nên phải viết thêm cho đủ mặt nọ, mặt kia, cho "quân bình", cho đúng sách hơn chẳng? Hay đây là chuyện *nhập gia tùy tục, đáo giang tùy khúc*? Nhập gia tùy tục thì đã rõ. Nghe Đặng-Tiến nói trên đài *RFI* mấy ai mà không ngỡ như mình rằng ông là dân gốc Bắc nhưng rồi mới được biết ông là người đồng hương của cụ Phan-Châu-Trinh, cụ Huỳnh-Thúc-Kháng, vị phu nhân mới là người Bắc Hà. Còn *đáo giang tùy khúc*? Đầu, bụng hợp với *Tin Nhà* khi tác giả phát biểu trong một chương trình của *RFI* chủ yếu đã được dành cho những anh em chủ trương tờ *Tin Nhà*. Cái đuôi xứng với *Diễn Đàn* khi tác giả đăng bài trên tờ *Diễn Đàn*. Chú thích 2 được ghi rõ là "chú thích của toà soạn", với nội dung của nó, đã vô tình tô đậm nét "*Diễn Đàn, marque déposée*" cho cái đuôi kia.

Cách *Diễn Đàn* 1992 đăng bài về Nhật ký NNL thì cũng tương tự như cách *Đoàn Kết* 1988 đã trích đăng "Nói chuyện tử đạo với ông Nguyễn-Khắc-Viện" của NNL. Chẳng đăng dừng bèn cứ phải gỡ gạc. 1992: cái đuôi rết và "chú thích của toà soạn". 1988: một cái 'chapeau'... chụp mũ "đả kích cá nhân" cho một phó thường dân đơn thương độc mã đáp lễ một nhân vật của chế độ đã cùng với cả bộ máy tuyên truyền Nhà nước đào mồ bới mả tổ tiên tinh

thần của cả một thành phần dân tộc. Chapeau! Thế mới rõ *Diễn Đàn* tiếng là *Đoàn Kết* ly khai nhưng thật ra chỉ là *Đoàn Kết*... ra riêng. Không là *Đoàn Kết* mà vẫn là *Đoàn kết*, *Đoàn kết*, *Đại Đoàn kết*. Làm sao họ tha thứ được cho cái tội đã đả kích lại ông Nguyễn-Khắc-Viện, bậc tiền bối thần tượng của họ? Mấy chục năm trời, kể cả sau Đại hội XX của ĐCSLX, có bao giờ ông Nguyễn-Khắc-Viện đã đả kích lại ông Staline?

Điều không kém ý nghĩa và lý thú là bài đăng trên *Diễn Đàn* nếu có mọc thêm cái đuôi... *Diễn Đàn* thì cũng có hai chỗ được "tự ý đục bỏ" (ĐT hay DD 'tự ý?'):

Khi trên *Diễn Đàn* người ta chỉ được đọc: "tiềm năng (của dân tộc) có thể phát triển, hay bị thui chột, mỗi chúng ta, cha mẹ hay chú bác đều ít nhiều có trách nhiệm" thì trước đó, trên đài *RFI*, "mỗi chúng ta" lại đã có quyền được nghe thêm: "dĩ nhiên trách nhiệm nặng nhất vẫn thuộc về xã hội và những người lãnh đạo xã hội, những người dành độc quyền lãnh đạo xã hội." Như vậy *Diễn Đàn* là của "mỗi người chúng ta" hay là của "những người dành độc quyền lãnh đạo xã hội"?

Khi trên *Diễn Đàn*, Đặng-Tiến chỉ còn viết: "dĩ nhiên là một lối chơi chữ độc ác đối với một cá nhân đồng đạo, nhưng cốt ý nhắm vào căn bệnh xu thời vị lợi, xã hội nào cũng có, nhưng đặc biệt nảy nở trong một xã hội chuyên chế thối nát" thì trước đó, trên đài *RFI*, ông đã có thể nói rõ hơn: "nhưng cốt ý không phải nhắm vào cá nhân mà ông nhắm vào căn bệnh vv..." Nói như vậy chẳng hóa ra là nói ngược với truyền thống của *Diễn Đàn*, khi trong kiếp trước, *Đoàn Kết* đã từng phán quyết rằng NNL can tội "đả kích cá nhân"? Không được. Quả là *Diễn Đàn* và *Đoàn Kết* tuy hai mà một, hay "nhẹ nhàng" hơn mà nói, như Đặng-Tiến - chỉ trên *Diễn Đàn* - đã dạy cho thiên hạ nói theo Marguerite Duras: Thật đúng là "*Những kẻ nghiện rượu, khi bị cấm rượu, vẫn là những người nghiện thói uống rượu*".

Của đáng tội, ở đầu và bụng bài báo, so với bài nói trên đài *RFI*, Đặng-Tiến đã có thêm hai câu, một ở cuối đoạn đầu, một ở đầu đoạn ba: "Trọng tâm trong tư tưởng của Nguyễn-Ngọc-Lan là: sống sâu sắc tinh thần Phúc Âm, trong lòng dân tộc, và trong tương quan với một thế giới đang thay đổi rất nhanh". Và: "là một công dân có trách nhiệm về ý thức của mình - và có ý thức về trách nhiệm".

Xét cho cùng, nếu bài nói trên đài *RFI* là 'franchement positif' thì bài viết trên *Diễn Đàn* vẫn đáng kể là 'globalement positif', để nói theo không phải Marguerite Duras mà đồng chí Georges Marchais về cái 'bilan' chế độ xhcn LX đời xưa.

Cho nên mình chỉ dám muốn tâm sự với Đặng-Tiến - đồng đạo, người đã từng được tiếng trong giới sinh viên Sài-Gòn thời ông còn đi học là một 'jéciste' năng nổ, nhiệt thành: "Phải cảm ơn anh đã hiểu tôi hay quá khen tôi qua những lời lẽ đã được viết thêm như thế. Cảm ơn anh vì những gì đã được anh nói lên trên đài *RFI* cũng như vẫn còn được giữ lại ở đầu và bụng bài đăng trên *Diễn Đàn*: hình như bên Tây người ta vẫn bảo nhau: những cảm nghĩ đầu tiên là những cảm nghĩ chân thực nhất, thì phải. Đầu chúng ta không nghĩ khác nhau lắm. Bụng chúng ta cũng gần như nhau. Nhất là với Chúa Kitô trên đầu và trong bụng. Riêng phần đuôi, tuy Tây họ gọi là 'sot-ly-laisse' và ta cũng bảo là "nhất...", xin chịu đại để dành cả cho báo *Diễn Đàn* giữ lại mà lo phần hậu tạ anh. Có gì còn cần nói lại cho rõ hơn, cho phải đạo hơn thì Triệu Minh, người tôi chưa được hân hạnh quen biết, đã viết khá đầy đủ trên *Quê Mẹ* số 121, 5 và 6 1992, hai tháng sau *Diễn Đàn*. Tiện thể xin anh cho tôi gửi lời cảm ơn Triệu Minh".

(Để công bình hẳn cần phải thêm: Bài đăng trên *Quê Mẹ* có 'khệu nhẹ' nhà xuất bản *Tin* với cái ghi chú đóng ngoặc: "Không ghi địa chỉ". Bù lại, bài đăng trên *Diễn Đàn* lại dành ghi chú 1 để mách hộ nhà xuất bản giá bán, các nhà sách có bày bán Nhật ký, và cả địa chỉ liên lạc với... nhà xuất bản *Tin*!).

Nguyễn-Ngọc-Lan

Đối thoại với NGUYỄN NGỌC LAN



Ngay sau khi *Nhật ký Nguyễn Ngọc Lan* được Nhà xuất bản TIN công bố tại Paris (cuối tháng 1.92), *Diễn Đàn* đã đăng bài giới thiệu của Đặng Tiến (bài viết ngày 21.2, số báo đề ngày 1.3). Trung tuần tháng 10, chúng tôi nhận được số 8 tạp chí *Tin Nhà* (của hội xuất bản TIN, 54, avenue Léon Blum, 92160 ANTONY). Số báo này đăng bài *Tác giả trả lời* của Nguyễn Ngọc Lan và bài *Độc ác ?* của Lê-Thị Bạch-Nhật (biên tập viên).

Hai bài báo đều phê phán Đặng Tiến (tác giả bài *Độc ác ?* và toà soạn *Diễn Đàn*). Tôn trọng quyền trả lời của Nguyễn Ngọc Lan (mặc dầu anh không gửi thẳng cho *Diễn Đàn*), chúng tôi đăng ở trang bên toàn văn bài trả lời (vì lý do kỹ thuật, chúng tôi chụp thu nhỏ theo tỷ lệ 9/10). Bài này trước tiên nói tới Đặng Tiến, và chung qui cũng xuất phát từ một ngộ nhận. Vì vậy, trước tiên, xin đăng toàn văn lá thư của Đặng Tiến gửi Nguyễn Ngọc Lan :

Thư Đặng Tiến gửi Nguyễn Ngọc Lan

Thân kính gửi anh Nguyễn Ngọc Lan,

Tôi tiếp nhận đầy đủ những lời “*tâm sự*” anh gửi đến tôi, ở đoạn cuối bài anh đăng trên *Tin Nhà* [xem trang bên, chú thích của DD]. Giữa anh và tôi, không có vấn đề gì. Có vấn đề, là với người khác, do một ngộ nhận về phía anh, vì anh ở xa, nằm trong hoàn cảnh bức bách và không được thông tin đầy đủ. Bài tôi viết về anh, đầu tiên là viết cho *Diễn Đàn* : tôi tình nguyện viết, vì phần việc giới thiệu sách chính trị bình thường không phải là việc của tôi. Tôi tình nguyện vì cho rằng mình nắm vững những vấn đề anh nêu lên, vì mình vốn xuất thân từ môi trường mà anh mô tả, chưa kể đến những đồng ý, đồng tình không cần nhắc lại đây. Sau khi tôi đã viết bài báo, thì tình cờ đài RFI có nhờ tôi giới thiệu sách trên đài trong 5 phút. Tôi sử dụng bản nháp với những biện pháp sau đây :

1. Cắt bớt, ví dụ như đoạn cuối mà anh cho rằng “*châm chích, đâm thọc*”, vì không hợp với bài phát thanh về Việt Nam.

2. Bỏ những câu cầu kỳ, ví dụ như câu anh dẫn : NNL “*là một công dân có trách nhiệm về ý thức của mình và có ý thức về trách nhiệm*”. Câu này tôi nghĩ bằng tiếng Tây nên ngô nghê, đọc bằng mắt thì tầm tã, nghe bằng tai thì kỳ cục, để bực mình.

3. Bài viết nhắm vào độc giả nước ngoài, nên có câu anh trích “*cha mẹ, chú bác đều có trách nhiệm...*” nhắc nhở mọi người, trong và ngoài nước, trách nhiệm giáo dục con em. Bài phát thanh nhắm vào “*trách nhiệm những người dành độc quyền lãnh đạo xã hội*” là để chuyển mũi dùi sang hướng đấu tranh đòi dân chủ.

Tóm lại, bài báo viết trước, bài phát thanh đọc sau, có sửa chữa. Mà anh thì đặt giả thuyết ngược lại nên cho rằng tôi “*đã tiếc rẻ những cảm nghĩ bộc trực tự phát ban đầu của mình nên phải viết thêm...*” Không phải vậy anh Lan à. Không thêm, chỉ

có thay đổi và bớt đi cho hợp với buổi phát thanh về nội địa.

Ngộ nhận ấy, với tôi, là chi tiết. Với người khác, cũng không đáng trách, nhưng đáng tiếc. Công cuộc đấu tranh cho dân chủ trường kỳ và gian lao ; anh em có thực tâm và khả năng tranh đấu cho dân chủ đã không nhiều, mà còn mỗi ngày một thưa thớt, vì tuổi tác, vì hoàn cảnh... Nay những người còn sót lại mà còn nghi kỵ, khích bác lẫn nhau, thì trận tuyến dân chủ sẽ yếu đi. Còn cá nhân của mỗi chúng ta thì có quan trọng gì, phải không anh ? Trong bất cứ tình huống nào, khi anh còn bị áp chế thì tôi còn bênh vực, khi anh còn tiếp tục tranh đấu cho dân tộc, dân chủ và Phúc Âm thì tôi còn yểm trợ, và vận động bạn bè tôi cùng làm việc đó. Chuyện không có gì, mà phải dài lời. Chúc anh khoẻ.

Mùa Chư Thánh 1992

Đặng Tiến

Trả lời của Toà soạn Diễn Đàn

Điều chính yếu cần nói ra để giải toả ngộ nhận, Đặng Tiến đã viết. Chúng tôi chỉ xin nhắc lại một vài thông tin để bạn đọc dễ theo dõi, và trình bày quan niệm về đối thoại, tranh luận của tờ báo này để bạn đọc rộng đường phán đoán :

1. Trước hết, về “*cách Đoàn Kết 1988 trích đăng “ Nói chuyện tử đạo với ông Nguyễn Khắc Viện ” của NNL. Chẳng đáng đừng bèn cứ phải gỡ gạc (...). 1988 : một cái “ chapeau ” chụp mũ “ đả kích cá nhân ” cho một phó thường dân đơn thương độc mã đáp lễ một nhân vật của chế độ đã cùng với cả bộ máy tuyên truyền Nhà nước đào mồ bới mả tổ tiên tinh thần của cả một thành phần dân tộc (...). Làm sao họ tha thứ được cho cái tội đã dẫm cãi lại ông Nguyễn Khắc Viện, bậc tiền bối thần tượng của họ ? ”*. Trong đoạn này, anh Lan muốn nói tới Đoàn Kết số 403 (tháng 6.1988). Số này dành 5 trang cho hồ sơ phong thánh, để đăng ý kiến của 3 nhân vật Công giáo là giám mục Bùi Tuần (hơn 1 trang), linh mục Trần Ngọc Anh (1 trang rưỡi), và Nguyễn Ngọc Lan (2 trang). Hai trang này không phải là “*trích đăng*”, như anh Lan đã nhớ sai, từ một bài chiến luận với Nguyễn Khắc Viện. Bài này quá dài (14 trang đánh máy chữ nhỏ, tương đương với 8-9 trang báo Đoàn Kết), anh Lan lại viết với giọng đả kích cá nhân anh Viện (mà chúng tôi lại không đăng bài !), song, như chúng tôi đã trình bày trong số báo nói trên, “*về nội dung có nhiều điểm đáng chú ý, nêu ra những vấn đề cần được nghiên cứu theo tinh thần khoa học, gạt bỏ mọi định kiến về tư tưởng*”. Chính vì vậy, mà chúng tôi đã nhờ người cùng đồng tu (Dòng Chúa cứu thế) trước đây của anh là linh mục Trần Ngọc Anh tóm tắt trong 2 trang báo (vẫn là bài dài nhất trong 3 bài của hồ sơ phong thánh) và linh mục Anh đã vui lòng nhận lời. Đó là *những sự việc*, xin nhắc lại để bạn đọc dễ theo dõi. Còn *suy diễn sự việc*, thì ngày nay, anh Lan cho rằng cách đây 4 năm, chúng tôi đăng bài của anh là “*chẳng đáng đừng*” nên “*gỡ gạc*” bằng cách chụp lên đầu anh cái mũ “*đả kích cá nhân*” đối với anh Viện vốn là “*thần tượng*” của Đoàn Kết. Đó là việc của anh Lan.

Chúng tôi không dám coi ai, kể cả anh Viện, là thần tượng, song chúng tôi kính trọng và quý mến anh từ lâu, không phải từ lúc mà anh Lan coi anh là người của chế độ, mà từ thuở anh Viện phải sống bí mật, nay đây mai đó ở ngoại ô Paris những năm kháng chiến, hay bị trục xuất khỏi nước Pháp năm 1963, và càng quý anh Viện mấy năm gần đây, từ ngày ông Nguyễn Văn Linh (tháng 9.1989), tổng bí thư đảng, réo tên anh ra giữa hội trường Ba Đình, nói “*tay này bây giờ lại đi ca ngợi dân chủ tư sản*”.

Bất luận thế nào, chúng tôi quan niệm tờ báo không phải là chỗ đá kích cá nhân.

2. Cái “đuôi rết” mà anh Lan nói tới trong bài chắc là cái chú thích của toà soạn. Chú thích này cũng đã gây sự phẫn nộ của Lê Thị Bạch Nhật vì bà cho rằng chữ “lanal” là “một kiểu ăn nói hạ đẳng”. Chắc vì quá nóng giận nên bà quên không cho bạn đọc *Tin Nhà* biết nguồn gốc cái chú thích và tính từ “hạ đẳng” này. Chúng tôi xin nhắc lại cho rõ :

Bài Đặng Tiến viết : “*Khi ông tố giác căn bệnh trubicaris, dĩ nhiên là một lối chơi chữ độc ác với một cá nhân đồng đạo...*”. Khi lên khuôn bài báo, toà soạn thấy rằng phải chú thích vì hai lẽ : (1) tuyệt đại đa số bạn đọc không hiểu lối chơi chữ này là gì, nói tới ai, (2) chúng tôi không thể để bạn đọc hiểu sai là tờ báo đồng tình với cách đối xử như vậy. Do đó, chúng tôi đã chú thích như sau : «*Ấm chỉ linh mục Trương Bá Cần, tổng biên tập tuần báo Công giáo và Dân tộc. Đây chỉ là trong nhiều ngôn từ độc ác mà tác giả dành cho nhiều đồng đạo : LM. Nguyễn Huy Lịch, Phan Khắc Từ... thậm chí Tổng giám mục Nguyễn Văn Bình. Đây là chuyện “anh em thù địch” hay là hiện tượng lanal ?*» và ghi rõ đó là “chú thích của toà soạn”.

Khi tạo ra tên từ *lanal*, chúng tôi nghĩ rằng anh Lan tinh thông học thuyết Freud và có lẽ cả lối chơi chữ của Lacan, tất hiểu đây là cách bông lơn nửa đùa nửa thật. Đùa bằng biện pháp *arroseur arrosé* (người tưới nước bị tưới trở lại): anh Lan đã tạo ra chữ *trubicaris* từ tên họ người đồng đạo và nhiều năm là bạn chí cốt của anh là lm. Trương Bá Cần với chữ *canis* (latinh, chỉ loài chó), chúng tôi cũng học tập anh mà bày ra chữ *lanal*, cũng là ghép tên anh với danh từ chỉ giai đoạn phát triển ấu thơ của tâm thần mỗi người. Thật, là để nói với anh rằng chúng tôi không đồng tình với sự đá kích cá nhân. Vậy thôi, và cũng là dịp để kiểm nghiệm rằng người ta có thể thích tưới nước, hay xem tưới nước, nhưng ít khi thích người khác tưới lại. Nếu chữ *lanal* này có thể được xếp là “hạ đẳng”, thì kiểu “trubicaris” kia phải gọi là gì ?

Bây giờ xin nói chuyện nghiêm chỉnh hơn : những điều vừa nói chỉ nhằm mục đích cung cấp cho bạn đọc những thông tin bổ sung để đánh giá đúng vấn đề. Chúng tôi tin rằng bạn đọc sẽ hiểu rõ và mong anh Lan sẽ hiểu ra.

Bất luận thế nào, chúng tôi vẫn tiếp tục đòi trả tự do hoàn toàn cho anh Lan, cho linh mục Chân Tín, bị quản thúc từ hai năm rưỡi nay, cũng như cho mọi tù nhân chính trị ở Việt Nam. Tưởng cũng là điều đương nhiên, để xây dựng một chế độ dân chủ trong đó không ai có quyền sinh sát hay diệt sát người khác.

Diễn Đàn

Phạm Duy
(Thiên ca)

mlhâm quẩ

Tròn như viên đạn đồng đen

Đã khô vết máu

Quên miền chiến tranh

Tròn như trái đất yên lành

Muôn loài như một

Cõi sinh vẹn toàn

Tròn anh tim trẻ miên man

Trái tim trăm tuổi

Môi hoàn cơ duyên

Tròn em tung toé cánh tiên

Chim không mỏi cánh

Triền miên phận mình.

Tròn như lời hứa chung tình

Chưa tròn nhân quả

Tái sinh còn nhiều

Paris,
một đêm
mùa hạ 1992

Chuyện lạ bốn phương

Chắc bạn hẳn biết, xứ nào cũng có những huân chương, huy chương để tưởng thưởng cho những ai có thành tích vì dân vì nước. Pháp thì nhiều lắm, cao nhất là “*Légion d'honneur*”, ta vẫn gọi là Bắc đẩu bội tinh. Mỗi lần tổ chức các buổi gắn những huân chương cao cấp, dĩ nhiên có những nguyên thủ của Nhà nước hoặc đại diện đọc diễn văn kể công trạng, đức tính cao quý của những người được thưởng. Báo chí Pháp thường khen tổng thống Mitterrand có tài nhớ dai, trong những buổi như vậy hay có những phát biểu độc đáo nhắc tới nhiều chi tiết đặc sắc trong cuộc đời và sự nghiệp của người được huy chương.

Việt Nam ta cũng nhiều các huân chương, huy chương đủ loại. Cấp Nhà nước cao nhất là Huân chương Sao vàng, chỉ được dành cho những người có công trạng, cống hiến có tầm vóc lịch sử. Lạ lùng thay, hè vừa rồi, chính xác ra là ngày 20.8.1992, ở Hà Nội có một buổi gắn Huân chương Sao vàng thật đặc sắc. Có mặt nhiều văn võ bá quan lắm. Các ủy viên bộ chính trị, trung ương đảng, nhiều nhân vật trong chính phủ v.v... Người nhận huân chương là một vị bô lão năm nay tuổi đã 80. Nhưng huân chương được trao mà cả người nhận lẫn cử tọa có lẽ chẳng ai hiểu vì sao. Không một bài diễn văn, cũng không một câu nhắc nhở với công lao to lớn nào mà ông lão được thưởng. Có người nói rằng ông được huân chương vì tận mạt nhiều thế mà vẫn sống được tới ngày nay.

Hỏi ra, mới biết ông cụ tên là Võ Nguyên Giáp, năm xưa có tham dự trận đánh ở đồi Điện Biên. ...

(Kể theo FEER 8.10.1992)

Dân chủ, ước mơ và hiện thực

Trần Đạo
mến tặng Dương Thu Hương

Dân chủ, một khái niệm mờ ảo

Cách đây khoảng 10 năm, ở Pháp, xuất hiện một lối nói rất ăn khách : đa nguyên. Muốn tỏ vẻ " in ", phải điền chữ đa vào mọi lãnh vực : démocratie pluraliste, pensée plurielle, société plurielle, culture plurielle, texte pluriel, poésie plurielle, discours pluriel và ... amour cũng phải pluriel mới là amour ! Người Pháp vốn tếu. Họ đa cho đã rồi họ đa, và tìm một mới. Người Việt vốn trọng kính thư, lại thích " hệ thống hoá " tư tưởng và lời nói, nên chỉ đã sau khi đã tứ tung và đa mọi chuyện. Dân chủ thì phải đa nguyên, chính trị thì phải đa đảng, kinh tế thì phải đa thành phần, xã hội thì phải đa giai cấp, văn hóa thì phải đa dạng, và tư tưởng đa nguyên dĩ nhiên phải... đa tư tưởng, v.v. Lối suy luận dadaiste đó, mặt nào đó, quý. Nó bắt ta nghi đa.

Nói tới dân chủ, người ta hay nghĩ tới nước Mỹ. Quả nhiên, Mỹ thành lập nền dân chủ tư sản đầu tiên. Người Mỹ có câu : " One man one vote ", một người bằng một người, anh bác học bằng anh mù chữ, tổng thống bằng dân đen, tỷ phú bằng ăn mày, chủ bằng thợ... Trên cơ sở nào những người ấy bằng nhau? Trên cơ sở họ đều là người. " Con người nói chung " ấy không có thực. Thực tế, có ông A, ông B, không có hai người bằng nhau. Vì thế, có người cho đấy là dân chủ hình thức, trong nghĩa trừu tượng, không có thực. Cũng vì thế, trong thế kỷ 18, 19 ở Pháp, có hệ luận chủ trương chuyện cộng đồng dân tộc nên dành riêng cho những kẻ tài đức, không nên trao mọi người quyết định. Cái quan điểm một số người, một đảng, một cá nhân, là tinh hoa của một dân tộc không mới. Nó có trước và trong cách mạng tư sản Pháp. Xa hơn, nó đã có trong tư tưởng của Platon. Nó hình thành vì chưa ai vạch được cơ sở lôgic của sự bình đẳng giữa người với người. Chế độ dân chủ chấp nhận sự bế tắc về lý, nhưng không chịu từ bỏ hoài bão bình đẳng. Điền thêm từ " Nhân ái " sau " Tự do ", " Bình đẳng ", các nhà cách mạng tư sản Pháp công nhận bình đẳng giữa người với người chỉ có thể tìm trong tình người. Có lẽ vì tình yêu là kinh nghiệm cơ bản cho ta thấy ta bằng mình, mình bằng ta, ta chỉ trở thành ta nếu mình yêu ta. Đây là đề tài triết học chưa có giải đáp thích đáng.

Một người bằng một người. Nhưng nếu phải bỏ phiếu dưới áp lực của quyền lực hay đồng tiền, cũng không có dân chủ. Lá phiếu thể hiện dân chủ khi người bỏ phiếu tự do. Vì thế có nguyên tắc phiếu kín. Phiếu kín bảo vệ an toàn cho người bỏ phiếu. Nó công nhận: người bỏ phiếu chưa thực sự tự do.

Một nền dân chủ mẫu mực : cộng hòa Athènes

Tự do và bình đẳng là nền tảng của chế độ dân chủ. Vì vậy, chế độ dân chủ đầu tiên ở Châu Âu hình thành nơi con người tự do và bình đẳng xuất hiện, ở Hy Lạp, tại cộng hòa Athènes.

Công dân Athènes tụ họp tại Agora, công trường của thành phố, bàn và quyết định mọi việc liên quan tới vận mạng của thành phố. Ở đó, mọi người tự do phát biểu, tranh luận. Họ quyết định theo đa số. Trong quan hệ giữa người với người, họ vừa tự do, vừa bình đẳng. Họ tự do trên cơ sở họ bình đẳng với nhau. Họ bình đẳng với nhau với tư cách là người tự do. Họ tranh luận công khai, họ giơ tay đầu phiếu. Họ thực sự bình đẳng qua lá phiếu. Họ thực sự tự do qua cách bỏ phiếu. Vì sao? Vì không ai lệ thuộc ai để tồn tại !

Về kinh tế - xã hội, Hy Lạp thời ấy là xã hội nô lệ. Về chính trị, đó là xã hội dân chủ nhất trong lịch sử loài người. Điều này thoát tiên khó hiểu. Ta sẽ hiểu nếu ta ý thức rằng, đối với người Hy Lạp, nô lệ không là người, hay ít nhất không là công dân. Họ không có mặt trong không gian chính trị. Không gian ấy dành riêng cho những con người thật, con người tự do và bình đẳng. Trong tiểu thuyết Salammbô, Flaubert viết một đoạn văn hay về điều này trong xã hội Carthage. Amilcar Barca bắt một thằng bé nô lệ thế mạng con mình để tế thần. Cha thằng bé, lão nô bộc đã nuôi Amilcar, quỳ lạy. Almicar ngạc nhiên, bỡ ngỡ (hay ở đó !) : sao lão biết tình cảm thiêng liêng ấy của con người ? Trong mắt Amilcar, lão chưa bao giờ là người cả !

Con người tự do trong cộng hòa Athènes được tự do chính vì nó là chủ nô. Nó toàn quyền sinh sát nô lệ của nó. Những kẻ ấy đảm bảo sự tồn tại độc lập của nó đối với người khác. Người công dân Athènes tự do trong hai nghĩa. Nó tự do đối với nô lệ, đối với điều kiện sinh tồn của mình. Nó tự do đối với người công dân khác. Hai hình thái đó của tự do trong cùng một con người liên hệ hữu cơ với nhau. Người công dân Athènes hoàn toàn tự do đối với người công dân khác trên cơ sở sự lệ thuộc hoàn toàn của người nô lệ. Đó là tự do của con người xây dựng trên sự nô lệ hóa con người.

Trong xã hội ấy, bình đẳng cũng có hai mặt. Người nô lệ hoàn toàn bình đẳng với người nô lệ trong tính chất nô lệ của họ. Người tự do hoàn toàn bình đẳng với người tự do trong tính chất tự do của họ. Nhưng người tự do và người nô lệ hoàn toàn không bình đẳng với nhau, ngay cả trong tính chất người của họ. Trong nhân sinh quan ấy, người là người, nô lệ là nô lệ, không có gì chung giữa họ. Về thực tế, chủ nô cũng nuôi nô lệ như " nuôi con gà con vịt trong nhà " (Nguyễn Huy Thiệp). Đó là sự bình đẳng giữa người với người xây dựng trên sự bất bình đẳng giữa người với người (nô lệ).

Thế chế cộng hòa Athènes không độc đáo ở chỗ có chủ nô. Nó độc đáo ở chỗ, trên cơ sở ấy, con người sáng tạo ra chế độ chính trị lấy tự do và bình đẳng làm nền tảng cho quan hệ giữa người với người, chế độ dân chủ. Khái niệm ấy là tiền thân cho khái niệm dân chủ ngày nay. Nó thể hiện qua câu " One man one vote " của người Mỹ, qua quốc hiệu của Pháp : Liberté, Egalité. Trong nghĩa đó, con người thực sự tự do khi thực sự

bình đẳng với người khác. Không ai lấy quan hệ giữa chủ nô Hy Lạp và nô lệ làm gương cho nền dân chủ. Trong quan hệ nô lệ, người chủ nô chỉ được tự do đối với những "con vật biết nói", không được tự do đối với con người. Trong quan hệ nô lệ nó không được làm người tự do. Nó thực sự trở thành người tự do, trong nghĩa hiện đại, khi nó đối diện những người như nó, bằng nó, những người tự do. Đó là điều kiện cơ bản để sự tự do hình thành trong nhân giới. Ta chỉ thực sự tự do đối với người tự do và bình đẳng với ta. Xã hội công dân (société civile) Athènes hội tụ hai điều kiện ấy. Đó là dân chủ trên cơ sở nô lệ, là tự do và bình đẳng trên cơ sở phi tự do và bất bình đẳng (đối với người khác, người nô lệ).

Thế chế dân chủ Athènes tồn tại suốt thời gian người Athènes biết bảo vệ và bảo vệ được nền tảng của nó. Điều đó không đơn giản. Con người đã tự do, không gì ngăn cấm nó sử dụng năng khiếu riêng để áp bức người khác, biến người khác thành nô lệ. Điều đó sẽ tiêu diệt điều kiện cơ bản cho phép nó làm người tự do. Chính vì người khác chỉ bình đẳng với nó ở tính chất tự do, không lệ thuộc ai để sống. Ngoài ra, đương nhiên không có hai người bằng nhau. Do đó, một nguyên tắc cơ bản của nền dân chủ Athènes là: không sử dụng vũ lực với nhau để quyết định phải trái; công nhận, tôn trọng, bảo vệ sự bình đẳng giữa mình với người khác, giữa những cá nhân khác biệt; chấp nhận đối thoại, thảo luận, tranh luận như phương pháp duy nhất để tranh thủ sự đồng ý, đồng tình của người khác. Ở Athènes, lời nói, lý lẽ, sức thuyết phục là vũ khí nội trị cơ bản, vũ khí chính trị duy nhất giữa công dân. Có lẽ vì vậy Socrate thản nhiên uống thuốc độc thay vì rời bỏ Athènes: nơi ấy, ông được làm người tự do, tuy chính nơi ấy, con người đã dựa vào đa số để tước đoạt quyền làm người của ông. Không phải tình cờ đời sau coi ông như tổ sư của triết học tây âu. Tự sát, ông đặt một vấn đề cơ bản của triết học: quan hệ giữa tự do và sự thật. Cũng có lẽ vì vậy nền văn minh Athènes đã phát triển cao trong mọi lãnh vực, triết học, khoa học, nghệ thuật... và tới nay còn ảnh hưởng sâu đậm vào nền văn minh châu Âu. Nó là nền văn minh nhân bản vào bậc nhất trong lịch sử nhân loại.

Tóm lại, đặc điểm lớn nhất của chế độ cộng hòa Athènes là: sự tự do và bình đẳng có thực giữa những con người thực, con người cụ thể, làm nền móng cho nền dân chủ. Đó là lý do khiến nền văn minh ấy không coi nô lệ là người. Khái niệm tự do hình thành ở Athènes vì những công dân thực sự bình đẳng với nhau ở khía cạnh cơ bản nhất của thân phận người: họ không lệ thuộc nhau về mặt kinh tế. Đây là khác biệt cơ bản giữa hình thái dân chủ trong cộng hòa Athènes với hình thái dân chủ trong những xã hội khác trong lịch sử. Nền dân chủ Athènes không lâu bền. Đến nay, không ai hiểu vì sao nó hình thành thời đó, và chỉ ở đó. Một bài thơ độc đáo trong văn học của loài người.

Dân chủ và cách mạng tư sản Pháp

Mục 1 trong "Tuyên ngôn quyền làm người", lời mở đầu cho Hiến pháp của Pháp, ghi quan điểm dân chủ của người Hy Lạp cổ dưới dạng khá lạ:

" *Les hommes naissent et demeurent libres et égaux en droits* "

Văn phạm câu này hết sức nhập nhằng ở những từ " *en droits* ". Phải hiểu thế nào?

Tại sao không viết rõ hơn? Thí dụ:

1. " *Les hommes naissent et demeurent libres et égaux* " (Con người sinh ra và tồn tại tự do và bình đẳng).

2. " *Les hommes naissent et demeurent libres et égaux en droit* " (Con người sinh ra và tồn tại tự do và bình đẳng trên nguyên tắc).

3. " *Les hommes naissent et demeurent libres et égaux devant la loi* " (Con người sinh ra và tồn tại tự do và bình đẳng trước pháp luật).

Câu thứ nhất không chấp nhận được. Một mặt, nó không đúng sự thực: con người thời ấy không tự do và bình đẳng trong bất cứ lãnh vực nào. Mặt khác, không ai muốn vậy trong thực tế: quyền bầu cử tự do và bình đẳng, bước đầu dành riêng cho đàn ông, và trong đám đàn ông, dành riêng cho một thiểu số đủ sức nộp một mức thuế nhất định (vote censitaire), khoảng 10.000 người (theo trí nhớ).

Câu thứ hai càng không thể chấp nhận. Nó nêu rõ: tự do, bình đẳng chỉ là nguyên tắc, không có thực, tự do bình đẳng ảo. Đối với người cách mạng tư sản, người muốn bắt thực tế tuân theo lẽ phải của lý trí, làm sao chấp nhận được!

Câu thứ ba, đối với con cháu Descartes, càng khó chấp nhận hơn: nó mâu thuẫn. Tự do trước pháp luật là điều vô lý! Chỉ có thể nói: trước pháp luật, anh trách nhiệm hành vi của anh vì anh tự do. Trước hết, con người phải tự do, rồi tự do phải làm nền tảng cho pháp luật, lúc đó con người mới có trách nhiệm trước pháp luật. Bình đẳng trước pháp luật, đương nhiên là tốt. Nhưng ai, với tư cách nào, có quyền lập luật, đặc biệt lập Hiến pháp, bộ luật cơ bản? Với tư cách là Moïse, mang Thánh luật ban bố cho nhân gian? Người cách mạng tư sản Pháp không muốn tôn giáo điều khiển xã hội. Với tư cách đại diện dân? Trên cơ sở nào? Tự do và Bình đẳng! Tuyên ngôn xác định cơ sở xây dựng pháp luật. Không thể dựa vào luật pháp để viết Tuyên ngôn!

Viết mục 1 của Tuyên ngôn, các nhà cách mạng tư sản Pháp tỏ ra họ là những người trung thực: chấp nhận bết tắc tu tưởng bằng một câu văn nhập nhằng. Họ cũng tỏ rõ quan điểm của họ về dân chủ mâu thuẫn, lờ mờ.

Libres en droits, hoặc không có nghĩa, hoặc có nghĩa: tự do về một số quyền, không thực sự tự do. Dĩ nhiên, trong đời thực, không ai hoàn toàn tự do về mọi mặt. Nhưng trong tâm linh, mọi người đều có thể nghiệm sinh rằng tự do không có giới hạn. Hơn nữa, câu kia ngược với tinh thần dân chủ của người Pháp. Họ chấp nhận hạn chế tự do của mỗi người ở mức không xâm phạm tự do của người khác. Ngoài ra tự do, tự nó, không có giới hạn, không ai có quyền liệt kê con người tự do ở những quyền gì (Xem cuộc tranh luận nổi tiếng giữa Sartre và Camus).

Egaux en droits có nghĩa bình đẳng ở một số quyền, đồng thời cũng có nghĩa không bình đẳng trong mọi quyền khác, không thực sự bình đẳng.

Tự do và bình đẳng ở lãnh vực nào, tới mức nào, đó là nội dung cơ bản của điều 2 trong Tuyên ngôn:

" *Le but de toute association politique est la conservation des droits naturels et imprescriptibles de l'homme. Ces droits sont la liberté, la propriété, la sûreté et la résistance à l'oppression.* "

" Mục đích của mọi cơ chế chính trị là bảo tồn những quyền tự nhiên và bất khả xâm phạm của con người. Những quyền đó là tự do, sở hữu, an toàn và chống đối sự áp bức."

Như thế, sau khi tuyên bố một cách nhập nhằng tự do và bình đẳng là bản chất của con người, bước vào cụ thể, để xây dựng cơ chế chính trị pháp quyền, người ta loại bỏ bình đẳng khỏi quyền làm người, thay bằng quyền sở hữu. Nhưng vẫn giữ nguyên tắc tự do ! Điều đó dễ hiểu.

Tự do có một trạng thái hoàn toàn trừu tượng đối với quan hệ sở hữu. Trong trạng thái ấy, ngay người nô lệ cũng tự do. Điều ấy thể hiện qua mẩu truyện nổi tiếng về Epictète, một triết gia nô lệ thời cổ Hy Lạp, phái stoicien : chủ bẻ tay ông; ông thần nhiên nói : " Coi chừng nhé, nó sẽ gãy đấy " ; qua thái độ đó, ông thể hiện tính tự do bất khả xâm phạm của mình. Trạng thái tự do này không trừu tượng vì nó là một hiện tượng tâm linh. Trong nghĩa đó, tự do của bất cứ ai cũng là hiện tượng tâm linh, cũng trừu tượng. Nó trừu tượng ở chỗ nó không thể hiện một quan hệ xã hội tự do. Nó trừu tượng " đối với " quan hệ sở hữu thời ấy. Trong quan hệ xã hội thực, Epictète là nô lệ. Ông chỉ tự do trong quan hệ với chính mình. Hồn ông của riêng ông, thân ông của chủ ! Trong lãnh vực riêng, ông muốn nghĩ gì thì nghĩ không ai cấm được. Thậm chí, trong quan hệ riêng với vợ con, bè bạn v.v., ông có thể muốn làm gì thì làm, miễn sao ông không vi phạm quyền sở hữu của chủ trên chính thân ông và những người ấy : ông có thể yêu hay ghét con, không thể cấm chủ bán con ông. Nền dân chủ tư sản công nhận quyền tự do của con người trong nghĩa trừu tượng ấy : con người hoàn toàn tự do trong phạm vi đời sống riêng. Trong quan hệ xã hội, nó giới hạn tự do vào không gian chính trị, không gian duy nhất nó chấp nhận sự bình đẳng giữa người với người qua lá phiếu kín.

Quyền sở hữu cũng được nêu trong tinh thần đó, với ý ngược lại : trong trừu tượng ai cũng có quyền như ai, trong thực tế, không nhất thiết họ bình đẳng về mặt sở hữu, kể cả sở hữu mảnh đất chung của họ. Mảnh đất do trời, lịch sử và ngẫu nhiên tặng từng người, về chính trị, là của chung, ai cũng có nhiệm vụ đổ máu bảo vệ, về kinh tế là của riêng, mạnh ai nấy chiếm (đúng hơn, mạnh ai nấy mua). Chính trị dân chủ, kinh tế độc quyền. Ngay ngày nay, sau khi chế độ tư bản đã thay đổi nhiều để tồn tại, chẳng mấy ai điên đi tìm dân chủ trong quan hệ kinh tế ! Bước vào sở, vỡ mộng ngay !

Khái niệm bình đẳng không tình cờ biến mất trong mục 2 của Tuyên ngôn . Những nhà cách mạng tư sản Pháp thoát thai từ xã hội phong kiến. Đối với chế độ phong kiến, họ thiếu tự do. Đối với dân đen họ thừa sở hữu. Trong thực tế, họ cần một chế độ đảm bảo cho những người nắm phương tiện sản xuất được tự do làm ăn. Trong lý tưởng, họ đi xa hơn cái giới hạn lịch sử ấy vì họ là những người cách mạng chân chính. Bất cứ cuộc cách mạng chân chính nào cũng vượt xa hơn (về mặt lý tưởng) những mục đích trước mắt của nó, vì nó chỉ có thể chiến thắng nếu nó thu hút được đa số cộng đồng xã hội. Do đó, nó phải ghi trong cương lĩnh những nguyện vọng của đa số : tự do và bình đẳng. Cũng do đó, nó ghi những điều ấy dưới dạng mập mờ, mâu thuẫn, khó hiểu. Nhưng dễ cảm ! *Les hommes naissent libres et égaux ... en droits !*

Marx và nền dân chủ tư sản

Trong Tư bản luận, Marx có lời bình rất hay về đề tài này :

tự do và bình đẳng là nền tảng tự nhiên của phương thức sản xuất tư bản. Tự do cá nhân chính là điều kiện hình thành, tồn tại và phát triển cơ bản của nền sản xuất ấy, vì nó dựa trên sự mua bán sức lao động. Thị trường lao động là cốt lõi của phương thức sản xuất tư bản. Không có nó, phương thức sản xuất ấy ắt tiêu vong, tiền không thể biến thành tư bản, không thể đẻ ra tiền. Thị trường lao động đòi hỏi con người tự do, con người đủ thẩm quyền bán sức lao động của mình, bán chính mình. Con người ấy không có trong xã hội nô lệ, nông nô. Một vai trò lịch sử của chủ nghĩa tư bản, chính là giải phóng nông nô, biến nó thành người tự do, người có quyền bán chính mình. Bình đẳng là nguyên tắc cơ bản trong sự trao đổi hàng hóa. Nó là nền tảng của thị trường nói chung, của thị trường tư bản nói riêng trong đó có thị trường lao động. Trong thị trường lao động, con người thực sự tự do và bình đẳng với nhau, hoặc với tư cách người bán sức lao động, hoặc với tư cách người mua sức lao động, qua tự do cạnh tranh ; họ cũng thực sự tự do và bình đẳng trong quan hệ mua và bán sức lao động, không ai ép ai, mua và bán đúng giá thị trường. Tóm lại, họ tự do trong tư cách mỗi người làm chủ chính mình, họ bình đẳng trong tư cách họ là hàng hóa, có thể trao đổi với nhau trên nguyên tắc cân bằng. $A=B=10.000 F$ / một tháng có nghĩa : A và B cùng thuộc tính, không khác nhau về chất (identité de nature, commensurabilité), tuy có thể khác nhau về lượng (trong trường hợp ấy : $A=nB$).

Trên cơ sở hai nguyên tắc ấy, kinh tế tư bản đã dẫn tới loại xã hội nào trong những thế kỷ 18, 19, chắc chẳng cần nhắc. Đó là chưa nói tới thuộc địa và hai cuộc chiến tranh thế giới. Vì thế, sau khi đề cao tính chất cách mạng và vai trò lịch sử của chủ nghĩa tư bản, Marx lại cười nhạt và thay chữ Fraternité bằng Bentham, tên một triết gia nổi tiếng với luận điểm : con người vốn ích kỷ, nhưng rốt cuộc, chính sự ích kỷ của từng người sẽ mang lại sự tiến bộ, tốt lành cho xã hội, cho loài người. Thật ra, luận điểm này chín mùi từ E. Kant (Idée d'une histoire universelle au point de vue cosmopolitique). Nhưng chính Kant cũng thấy nó phi lý nên ông chấp nhận : lý của nó ẩn nấp trong một mẹo của tạo hóa vượt kiến thức của con người.

Quyền sở hữu thiêng liêng nhưng không bình đẳng, không có gì cấm cản có người sở hữu cả điều kiện tồn tại của người khác, khiến người khác chỉ còn cách " tự do " bán chính mình để nuôi thân, và do đó mất tự do. Người đi làm thuê, bước chân vào hãng sở, hiểu liền. Càng hiểu thấm thía khi bị đào thải. Ở Pháp có một thị trường tự do khủng khiếp, trong đó một nhóm người tự do mặc cả cuộc sống của 3 triệu người thất nghiệp. Dĩ nhiên người thất nghiệp tự do bán, hoặc tự do ngắc ngoải. Có khi muốn bán với bất cứ giá nào cũng chẳng ai thèm mua. Trong quan hệ ấy, người thất nghiệp, tuy tự do, đã trở thành con người không cần thiết cho xã hội, chết sống cũng như không. Nó không còn là người đối với người. Nó là đồ thừa. Nói cách khác nó tự do trong tưởng tượng, bất lực trong thực tế. Biểu hiện cụ thể của tự do là khả năng hành động (Hannah Arendt, *Qu'est-ce la liberté*, in *Crise de la culture*, Folio, Gallimard) trong nghĩa khả năng thực thụ quyết định sự diễn biến của xã hội, của đời mình. Khi con người bất lực tới mức hoàn toàn lệ thuộc kẻ khác để tồn tại, con người ấy không thực sự tự do (còn nữa).

Trần Đạo

NOUVEL ORDRE MONDIAL

Nguyễn Quang

(suite et fin *)

Le **limes** n'est pas la Grande Muraille, ni même ces palissades fortifiées que les Romains dressaient contre la Germanie barbare. Il ne correspond même pas forcément à une frontière physique ou humaine. La lisière qu'il marque est subtile, mais essentielle : il s'agit d'une différence de **statut**. Au Nord, la *civilisation* et la prospérité, le respect de l'individu et du droit ; au Sud, la *barbarie* et le sous-développement, la violence physique et politique.

Développement séparé

Il serait bien sûr absurde de crier à une sorte de complot ourdi par les pays riches pour maintenir les autres dans la misère et le désespoir. Simplement, nous sommes entrés dans une logique de développement séparé : l'insolvabilité du Tiers-Monde, les besoins d'investissement à l'Est, la nouvelle auto-suffisance du Nord, autant de raisons de désengagement, et même d'abandon. L'exemple de l'Afrique — *ce continent en déroute* — est flagrant : le Sud est en train de sortir d'un ordre mondial qui s'organise en dehors de lui, quand ce n'est pas contre lui. Dans les pays riches, en des temps plus prospères, l'opinion publique était plutôt acquise aux idées (qu'on appelait *tiers-mondistes*) de solidarité et d'interdépendance. Ces temps semblent révolus : la crise aidant, la compassion et la générosité ont fait place à l'indifférence ou à l'hostilité. Qui ne s'est surpris à hausser les épaules à l'annonce d'un énième coup d'Etat dans un quelconque pays austral où, depuis belle lurette, il n'y a plus d'Etat ? De loin en loin, quelque catastrophe majeure — Sahel, Somalie — arrive encore à ébranler les consciences. Mais n'est-il pas symptomatique que ces sursauts de solidarité soient de plus en plus pris en charge par des associations, des ONG, voire par les médias — une **médiation** qui permet de faire son devoir de compassion tout en maintenant la distance nécessaire entre soi-même et le malheur ⁽⁸⁾... Il faut se rendre à l'évidence : la contrepartie d'une prospérité limitée, d'une *civilisation* protégée, c'est l'acceptation d'une Histoire sans morale.

L'avènement du N.O.M. est-il inéluctable ? Dans une logique stricte de rapports de forces, on ne voit pas grand-chose qui pourrait l'arrêter. Au plan économique, on l'a dit, les riches n'ont plus besoin des pauvres. On peut constater de **visu** qu'une part sans cesse croissante du commerce international, de l'investissement et du crédit se concentre dans l'hémisphère Nord, condamnant le reste du monde à une compétition acharnée pour un capital de plus en plus rare... On a dit *capital*. C'est qu'au plan idéologique, la réunification du Nord laisse désormais le champ libre au productivisme, au marché (et à la démocratie, ajouterait Fukuyama). C'est le

règne du FMI triomphant, comme en témoigne l'uniformité des politiques économiques pratiquées tant à l'Est et à l'Ouest que dans les pays dits *en voie de développement*... Il n'y a pas grand choix pour le Sud : c'est le mimétisme (Etats-tampons) ou le rejet (idéologies de rupture). Mais même en cas de rupture, les capacités de *nuisance* d'un pays pauvre contre les intérêts essentiels des pays riches sont assez limitées. Sauf confrontation directe sur le **limes** — mais alors, la disproportion des forces et des ressources ne laisse aucun doute sur l'issue —, les armes du Sud sont principalement celles de la déstabilisation (émigration, terrorisme, drogue...), mais elles sont à double tranchant : outre que le Nord apprend de mieux en mieux à s'en défendre, il en tire aussi argument pour renforcer encore la stabilité du **limes**. Résultat : après quelques années d'ostracisme, au besoin d'embargo, le récalcitrant rejoint sagement ce qu'il est convenu d'appeler le *concert des nations* ⁽¹⁾.

L'Europe aux vieux parapets

A considérer le simple rapport des forces de part et d'autre du **limes**, le N.O.M. apparaîtrait donc comme une fatalité ? Heureusement, deux facteurs moins visibles — l'un objectif, l'autre plus subjectif — viennent tempérer ce verdict.

Le premier facteur, objectif, c'est que l'empire du Nord n'est pas homogène, qu'en son sein au moins trois pôles de puissance (après la disparition de l'Union Soviétique) se disputent la suprématie. Le N.O.M. ne peut donc pas être réduit à une simple **pax americana** ⁽²⁾. D'ailleurs tout le monde s'accorde sur ce constat : pour la première fois depuis la Seconde Guerre mondiale, les Etats-Unis ne possèdent plus les moyens économiques et politiques de l'hégémonie. C'est apparu de façon caricaturale pendant la Guerre du Golfe, où malgré toutes ses précautions diplomatiques et rhétoriques, l'Amérique a fait figure de super-puissance à louer. C'est devenu un poncif de dissertar sur le déclin américain, mais qu'on veuille bien considérer la définition de **l'hégémonie** : non seulement la puissance (la première, bien entendu), mais aussi la *légitimisation* de cette puissance, c'est-à-dire son acceptation par ceux qui la subissent. Or les Etats-Unis ne remplissent plus aucune de ces conditions. Au plan économique, les chiffres parlent d'eux-mêmes, et ils donnent le vertige : plus de 300 milliards de dollars de déficit annuel, 4 000 milliards de déficit cumulé, 200 milliards d'intérêts annuels... L'Amérique vit au-dessus de ses moyens, et selon la formule du candidat Ross Perot, tout ce qu'elle lèguera à ses enfants et à ses petits-enfants, ce seront des dettes. Dans son **best-seller** sur "*L'ascension et la chute des Grandes Puissances*" ⁽³⁾, l'historien Paul Kennedy explique le déclin

de la puissance américaine par le coût économique de l'exercice de la puissance militaire : les pays qui sont délivrés de cette contrainte (Allemagne, Japon) peuvent consacrer toutes leurs ressources à des investissements qui favorisent la croissance ; à l'inverse, la grande puissance qui stérilise son économie par ses dépenses militaires (USA, URSS) s'appauvrit, et cet appauvrissement, en retour, sape les bases de sa puissance... Cette explication est peut-être valable, mais elle est beaucoup trop courte. Les maux de l'économie et de la société américaines ne sont pas conjoncturels, mais structurels. Si la part des Etats-Unis dans la production mondiale est passée de 50 % en 1945 à moins de 25 % en 1990 (alors même que cette production mondiale a été multipliée par quatre), si leur technologie n'est plus en pointe que dans quelques domaines (informatique, aérospatiale) à plus ou moins forte connotation militaire, si leur industrie n'est plus compétitive qu'à coups de subventions déguisées et de manœuvres protectionnistes (4)..., c'est bien peut-être parce que la nation des pionniers n'est plus qu'un pays de consommateurs surendettés (près de 20 000 US\$ de dettes par tête d'Américain, par simple péréquation du déficit cumulé), de plaideurs professionnels (10 avocats pour 1 ingénieur ; la proportion est inverse au Japon), de scolarisés ignares (un rapport officiel compare le système éducatif américain à un " *self-service où l'on rentre et d'où l'on ressort avec un plateau vide* " (5))... Le **leadership** politique qu'exerce encore l'Amérique n'est plus fondé sur ses capacités économiques mais sur ses capacités militaires. Il ne peut pas ne pas être contesté par les deux autres pôles de puissance qui sont en train de s'affirmer — Europe et Japon —, dont les intérêts ne sont pas forcément les intérêts américains, et qui seront d'autant moins prêts à s'incliner devant les priorités des Etats-Unis que ceux-ci seront plus débiteurs.

Dans son livre (6), J.-C. RUFIN rappelle que ce cas de figure s'est déjà produit sous Dioclétien, quand le monde romain était partagé entre quatre pouvoirs autonomes (la " *tétrarchie* ") ; mais il souligne aussi que cette division en plusieurs centres de pouvoir n'empêchait en rien, et même renforçait, la défense de l'Empire contre le monde extérieur *barbare*. L'argument est pertinent, et la Guerre du Golfe l'a confirmé : en dépit d'intérêts divergents, le Nord peut se rassembler et dépasser ses clivages lorsqu'un ennemi extérieur lui est offert. Cependant, si l'Empire doit être conçu comme le lieu d'une unification principalement idéologique, et si ses **composantes ne partagent pas les mêmes valeurs**, alors le problème se repose d'une autre façon, et il n'est pas indifférent de savoir quel système de valeurs va l'emporter. Le déclin américain étant à notre avis irréversible, pour les raisons structurelles exposées plus haut, ne restent en compétition que le pôle nippon et le pôle européen. C'est ici que nous entrons en pleine subjectivité (forcément, dès qu'il s'agit de valeurs...). On a déjà eu l'occasion de dire tout le mal qu'on pensait du *modèle japonais*, et notamment de son absence de projet (7). Crise économique et financière aidant, ledit *modèle* fait d'ailleurs entendre des craquements surprenants, et il est permis de douter de sa pérennité quand on voit comment, au Japon même, un nombre croissant de jeunes s'en détournent, *corrompus* à n'en pas douter par les habitudes occidentales de consommation, de loisirs et de liberté... De sorte que la boucle est bouclée et qu'on en revient à cette vieille Europe d'où sont parties, voici bientôt cinq siècles, tant d'idées qui ont secoué le monde. En ce 5^{ème} centenaire de

Christophe Colomb, il est de bon ton — et souvent justifié — de dénoncer une entreprise expansionniste qui a anéanti ou asservi tant de civilisations plus faibles. Mais, justement, si l'on met en accusation l'expansionnisme, l'esclavagisme, le colonialisme..., c'est au nom de quoi ? D'une idée universelle de l'Homme, de sa valeur, de ses droits — c'est-à-dire d'un concept inventé par la civilisation européenne. Sans vouloir approfondir, ni même détailler (et encore moins polémiquer !), notons par exemple que l'un des thèmes récurrents de cet article, la **solidarité**, est un thème proprement occidental, né de la conjonction de deux valeurs, l'une gréco-latine (l'individu au centre du monde), l'autre judéo-chrétienne (la fraternité entre les individus). On chercherait en vain ce thème dans toute autre culture, qu'elle soit d'Asie (où la solidarité s'arrête au cercle de la grande famille, à la rigueur au village) ou d'Afrique (où, selon les derniers témoignages, même la solidarité tribale a été anéantie par les calamités et les guerres civiles). Le trouverait-on d'ailleurs, qu'il n'aurait pas le sens de catégorie universelle que la République française, par exemple, lui a conféré en frappant ce mot au fronton de ses écoles et de ses palais : " *FRATERNITÉ* " ... A un moment où solidarité et générosité donnent l'impression de se perdre entre économicisme et démocratie tiède (8), il n'est pas indifférent pour nous que l'Europe se fasse ou se défasse. Comme beaucoup, nous avouons ne pas comprendre grand-chose aux subtilités et aux technicités de la CEE, de la CED, de l'Acte Unique, du principe de subsidiarité, de Schengen ou de Maastricht... Nous les soupçonnons même de camoufler la construction d'une Europe des technocrates et des marchands. Mais voilà : pris entre le consumérisme américain et le mercantilisme nippon, c'est le dernier espace universel — le seul susceptible, s'il reste fidèle aux valeurs qu'il a inventées, de nous fabriquer une génération qui refuse " *l'universalisme limité* " du N.O.M.

Nguyễn Quang

(*) Voir la première partie de cet article dans notre numéro d'octobre 1992.

(1) Deux des Etats-tampons les plus efficaces (dans leur rôle de tampons) sont la Chine, où jadis le Grand Timonier parlait de la guerre nucléaire comme du seul moyen de remettre tout le monde sur la même ligne de départ, et l'Iran, qui résonnait naguère des imprécations khomeinistes contre le Grand et tous les Petits Satans de l'Occident.

(2) Dont le promoteur, d'ailleurs, n'est pas sûr de survivre aux échéances électorales de novembre.

(3) P. Kennedy, *Rise and Fall of the Great Powers*, Hyman, Londres, 1987.

(4) Les exemples de " coups bas " américains abondent, du Concorde au TGV en passant par la sidérurgie. Voir par exemple *L'Obs de l'économie*, semaine du 10 au 16 septembre 1992.

(5) On parle ici du système de masse. La formation de l'élite universitaire américaine repose sur un système parallèle de sélection par l'argent. Mais c'est la pointe d'une pyramide qui n'a pas de base.

(6) J.-C. Rufin, *L'Empire et les Nouveaux Barbares*, Lattès (1991).

(7) Voir *Confucianisme et Développement*, Doãn Kêt n° 397.

(8) C'est aussi le moment que choisissent les ministres français de la Santé et de l'Education nationale pour lancer la journée du " *Tiers-Monde à l'école* " (20 octobre) et l'opération " *Riz pour la Somalie* ". On peut y voir un gadget, ou au contraire l'apprentissage concret de la solidarité.

hội nghị phê phán về mặt kĩ thuật, và để cài đặt thử trước khi có thể xác định chuẩn quốc gia. Tháng 9.1991, một hội nghị chuyên đề ở Hà Nội về vấn đề mã hoá Việt ngữ, và về một bộ mã vạn năng đa ngôn ngữ cho máy tính đang thành hình, đã dẫn đến một phương pháp mã hoá bằng 8 bit được đề nghị trở thành chuẩn cho Việt ngữ : mã VSCII (Vietnamese Standard Code for Information Interchange) [*Ghi chú* : " VSCII " là thuật ngữ do Ngô Thanh Nhân tạo ra năm 1985, (1)].

Ủy ban khoa học kĩ thuật nhà nước đã thành lập " Tiểu ban chuẩn hoá mã chữ Việt dùng trong xử lý và trao đổi thông tin trên máy tính " để điều hành công tác VSCII. Tiểu ban này do giáo sư Trần Lưu Chương chủ nhiệm.

VSCII có gì mới ?

Vì lẽ cả hai giải pháp — 1 bộ mã hoặc 2 bộ mã biệt lập — đều không đạt các yêu cầu kĩ thuật, VSCII là một giải pháp trung dung khả dĩ tồn tại — xây dựng trên cơ sở ngôn ngữ và chính tả Việt Nam — trong đó các đơn vị chính tả và các kí tự Việt ngữ đều được chỉ định trong hai bảng mã (lối thống nhất — VSCII-1 — và lối pha trộn — VSCII-2). Đặc điểm của giải pháp này là chung cho cả hai bảng mã, mỗi mã số vẫn chỉ định một kí tự duy nhất. Xin xem hai bảng in ở cột bên, kết quả mới nhất của tiểu ban VSCII sau kì họp hè 92.

Mỗi kí tự không dấu được biểu diễn bằng một mã số duy nhất, trong khi đó mỗi kí tự có dấu có thể biểu diễn bằng hai cách :

- hoặc bằng hai mã số liên tiếp, mã của dấu đi theo mã của chữ : thí dụ $\text{Ã} = \text{A}'$, khi viết như vậy chỉ cần sử dụng bảng VSCII-1

- trong điều kiện cho phép, có thể dùng bảng ASCII-2. Khi đó mỗi kí tự có dấu được biểu diễn bằng một mã số duy nhất.

Nói cách khác các kí tự có dấu có thể biểu diễn bằng hai cách khác nhau trong máy tính. Sự mềm dẻo này cho phép dùng VSCII trong mọi trường hợp, thoát ra ngoài những ràng buộc của các hệ mềm dựa theo chuẩn.

Bảng mã VSCII-1 hoàn toàn thống nhất với ASCII và tuân thủ chặt chẽ những hướng dẫn đặt ra trong nhóm các chuẩn ISO-8859 về việc mã hoá kí tự bằng 8 bit (ISO : International Organization for Standardisation, Tổ chức quốc tế về chuẩn hoá, đặt ở Genève). Trong khi đó bảng mã VSCII-2 có đầy đủ các kí tự chính tả mà vẫn giữ các mã số của các kí tự hiển thị ASCII ; VSCII-2 được dùng trong các trường hợp trong đó cần thiết chỉ có một mã số cho mọi KTVN, chẳng hạn như để tham chiếu bằng vẽ các con chữ (printer font).

Sau gần một năm xem xét, bàn luận và thử cài đặt, VSCII đã được sửa đổi đôi chút và hiện đang đợi Tổng cục tiêu chuẩn chấp nhận công bố thành một tiêu chuẩn Việt Nam, tiêu chuẩn đầu tiên trong công nghệ thông tin, và cũng là tiêu chuẩn đầu tiên được thiết kế với sự hướng dẫn của ISO.

Sắp tới sẽ ra sao ?

Câu chuyện đến đây đã dài, nhưng chưa kết thúc.

Tháng 5.1992, kết hợp hai cố gắng quốc tế của Unicode và ISO, một bộ mã vạn năng — dùng 16 hoặc 32 bit — biểu diễn

(xem tiếp trang 25)

Vtopia

VSCII-1

as specified in ISO 8859-1

hex	0x	1x	2x	3x	4x	5x	6x	7x	8x	9x	Ax	Bx	Cx	Dx	Ex	Fx		
0					0	@	P	`	p				Ã	À	é	Ô	Ó	
1				!	1	A	Q	a	q				Ä	Á	è	ó	ú	
2				"	2	B	R	b	r				Ê	Â	ê	õ	ü	
3				#	3	C	S	c	s				Ë	Ã	ë	ö	û	
4				\$	4	D	T	d	t				Ï	È	ē	ø	ù	
5				%	5	E	U	e	u				Û	à	È	é	ò	ür
6				&	6	F	V	f	v				Đ	á	ã	ê	ò	ür
7				'	7	G	W	g	w				ã	ā	ā	ī	ō	ür
8				(8	H	X	h	x				â	á	ã	ī	ó	úr
9)	9	I	Y	i	y				ê	à	ã	É	ø	ur
A				*	:	J	Z	j	z				ô	Ã	á	Ò	ò	ý
B				+	;	K	[k	{				σ	à	à	Ò	ò	ý
C				,	<	L	\	l					ur	ã	è	ī	ō	ý
D				-	=	M]	m	}				đ	ã	Ê	í	ó	ý
E				.	>	N	^	n	~				Ã	á	è	ī	ø	y
F				/	?	O	_	o					Ä	Ã	ē	ò	ù	

Vtopia

VSCII-2

undefined code

hex	0x	1x	2x	3x	4x	5x	6x	7x	8x	9x	Ax	Bx	Cx	Dx	Ex	Fx	
0		Û			0	@	P	`	p	Ã	Í	Ã	À	é	Ô	Ó	
1		Û	Û	!	1	A	Q	a	q	Ä	Í	Ä	À	è	ó	ú	
2		Û	Û	"	2	B	R	b	r	Ä	Ò	Ê	À	è	õ	ü	
3		Û	Û	#	3	C	S	c	s	Ä	Ó	Ë	Ã	è	ó	ú	
4		Û	Û	\$	4	D	T	d	t	Ä	Ô	Ï	È	ē	ø	ù	
5		Û	Û	%	5	E	U	e	u	Ä	Ó	Û	à	È	é	ò	ür
6		Û	Û	&	6	F	V	f	v	Ä	Ô	Đ	á	ã	ê	ò	ür
7		Û	Û	'	7	G	W	g	w	È	Ô	ã	ā	ā	ī	ō	ür
8		Û	Û	(8	H	X	h	x	È	Ò	ã	á	ã	ī	ó	úr
9		Û	Û)	9	I	Y	i	y	È	Ò	è	à	ã	É	ø	ur
A		Û	Û	*	:	J	Z	j	z	È	Ï	ô	Ã	á	Ò	ò	ý
B		Û	Û	+	;	K	[k	{	È	Ï	σ	à	à	Ò	ò	ý
C		Û	Û	,	<	L	\	l		È	Ï	ur	ã	è	ī	ō	ý
D		Û	Û	-	=	M]	m	}	È	Û	đ	ã	Ê	í	ó	ý
E		Û	Û	.	>	N	^	n	~	È	Û	Ã	á	è	ī	ø	y
F		Û	Û	/	?	O	_	o		È	Û	Ä	Ã	ē	ò	ù	

Pour suivre la situation politique, économique, sociale et culturelle du Vietnam en français, lisez

DIỄN ĐÀN FORUM

le N° 5 paraîtra en novembre 1992

abonnement annuel : 75 FF (5 nos)

Bỏ dấu ở đâu ?

Chính tả tiếng Việt, máy vi tính
và chương trình tự động bỏ dấu

Nguyễn Ngọc Giao

Chữ *dấu* trong tựa đề bài này là *dấu thanh* của tiếng Việt (sắc, huyền, hỏi, ngã, nặng, không kể... dấu không). Ở *dấu* nghĩa là ở trên-dưới (dưới trong trường hợp dấu nặng) con chữ nào. Thí dụ : (1) *dấu sắc* trong chữ *dấu* nhất thiết phải ở trên con chữ *â* : *dấu*, chứ không ai viết là *dâu* ; (2) song đến *dấu huyền* của chữ *hoà* là ta thấy có hai trường phái. Nhìn chung báo chí Việt ngữ hải ngoại, ta thấy phần đông bỏ dấu huyền trên con chữ *o* : *hòa* ; số ít (Diễn Đàn ở Pháp, Thế kỷ 21 ở Mỹ, với sự ủng hộ của nhà ngôn ngữ học Nguyễn Đình Hoà) chủ trương viết *hoà*. Điều này phản ánh tình trạng chính tả của sách báo trong nước, cũng như của các cuốn từ điển. Phần đông các cuốn từ điển Việt-Việt hoặc song ngữ đều viết theo lối thứ nhất. Ngược lại, phần lớn các cuốn từ điển chính tả lại chủ trương cách thứ hai : dù là tác giả Sài Gòn như Lê Ngọc Trụ (1) hay tác giả Hà Nội như Nguyễn Kim Thản (2). Từ điển Hoàng Phê (3) in năm 1985 theo lối thứ nhất, khi tái bản năm nay đã dứt khoát chủ trương lối thứ hai (thông tin của Ngô Thanh Nhân). Điều này có ý nghĩa, trong bài chúng tôi sẽ có dịp trở lại.

Trước mắt, xin trả lời ngay một vài câu hỏi có thể được một số bạn đọc đặt ra, như : (a) bỏ dấu ở trên (hay ở dưới) con chữ nào là chuyện chi tiết vặt vãnh, sao mấy anh trí thức còn bày trò chẻ tóc làm tư vào lúc này ? (b) cho dù có vấn đề, thì cũng là vấn đề ý kiến, chỉ có cách là qui ước theo đa số, chứ tranh cãi phải trái thì bao giờ mới xong ?

Trả lời câu hỏi (a) tương đối nhanh : đúng là vấn đề vị trí dấu chỉ là chi tiết trong vấn đề chữ viết tiếng Việt, nhưng hiện nay, và từ nay trở đi, do sự chiếm lĩnh của máy tính trong các ngành in, xuất bản, báo chí và sự thâm nhập của máy tính vào mọi hoạt động dùng tới chữ viết và xử lý văn bản (khoa học, kỹ thuật, quản lý, ngân hàng, kế toán, bưu điện...) việc thống nhất vị trí dấu thanh cho đúng chính tả trở thành cần thiết nếu ta muốn tránh nhiều loạn, mất thời giờ trong việc thông tin. Xin lấy một thí dụ : *hoà* và *hòa* đối với người chỉ là một chữ, nhưng đối với máy tính, lại là hai chữ khác nhau, không thể lẫn lộn, nếu người lẫn lộn, đoạn trước viết *hoà*, đoạn sau viết *hòa*, bảo máy đi tìm, rà soát thì máy sẽ bỏ sót, người ở Hà Nội viết *hoà*,

muốn thông tin qua mạng lưới điện tử với người ở Los Angeles quen viết *hòa*, nếu không xảy ra *chiến tranh*, thì đường thông tin cũng bị nhiễu loạn, tắc nghẽn.

Còn câu hỏi (b), mới trông tưởng có căn cứ, nhưng xét kỹ, vì chữ quốc ngữ tuân theo các nguyên tắc của ngữ âm học, và các dấu thanh trong tiếng Việt lại có những quy luật mà mọi người đều đồng ý, nên rất cuộc, có thể đi đến thống nhất về việc bỏ dấu. Và với khả năng của các chương trình tin học, hoàn toàn có thể bỏ dấu tự động theo đúng nguyên tắc thống nhất, vừa đỡ mất thời giờ cho người đánh máy, vừa tạo điều kiện cho việc trao đổi văn bản.

Vấn đề lại có mặt cấp bách, vì việc bỏ dấu hiện nay trên sách báo Việt ngữ (trong nước và ngoài nước) đang trở nên *loạn* : những chữ như *quý*, *cưỡi*, *hòai*... đang đua nhau nhảy nhót trên trang giấy, như thách thức khả năng thức tỉnh của những ai còn thiết tha với tiếng Việt và chữ Việt.

Những quy luật cơ bản

Bài này viết cho độc giả biết đọc và biết viết (bằng máy tính) tiếng Việt, không cần có hiểu biết về ngôn ngữ học (linguistique) hay tin học (informatique) ; người viết cũng không biết gì về tin học, chỉ biết lôm bôm về ngôn ngữ học. Cho nên bài viết sẽ tránh đi vào chuyên môn và chỉ nhắm hai mục đích. Mục đích chính là trình bày cho số đông bạn đọc một vài mẹo luật đơn giản, dễ áp dụng, để bỏ dấu cho đúng. Mục đích phụ là thuyết phục tác giả mấy chục chương trình tiếng Việt hiện có hãy gấp rút ứng dụng chương trình bỏ dấu tự động (đã có) để ... mọi người được nhờ !

Trước tiên, xin nêu ra một vài qui luật cơ bản mà mọi người sử dụng chữ quốc ngữ đều chấp nhận và tuân theo :

(L1) *Dấu thanh bao giờ cũng đặt trên (hoặc dưới) những con chữ nguyên âm (a, ă, â, e, ê, i, o, ô, ơ, u, ú, y), không bao giờ đặt trên (hoặc dưới) các con chữ phụ âm (b, c, d, đ..., v, w, x, z).*

Do đó, một chữ nào chỉ có một nguyên âm (a, ba, mi...) việc bỏ dấu không có gì phải do dự : trên (hay dưới) con chữ nguyên âm (duy nhất). Thí dụ : à, bạ, mi... Vấn đề chỉ đặt ra cho những chữ có hai hay ba con chữ nguyên âm viết liền nhau (mỗi chữ trong Việt ngữ có nhiều nhất là 3 con chữ nguyên âm). Thí dụ : *hoi, khuyen, ruou...*

(L2) *Trong những trường hợp này, dấu thanh bao giờ cũng đặt trên (hoặc dưới) con chữ nguyên âm chót hoặc áp chót.*

Thí dụ : *hỏi, khuyến, rượu*. Quy luật này giảm bớt số trường hợp khiến ta do dự, nhưng tự nó chưa cho phép giải quyết mọi vấn đề. Tuy nhiên, phối hợp với những mẹo luật dưới đây, nó sẽ giúp ta giải quyết khá nhiều trường hợp :

(L3) *Ưu thế của những con chữ nguyên âm có dấu phụ.*

Trong 12 con chữ nguyên âm của chữ Việt, chúng tôi gọi 6 con chữ *ă, â, ê, ô, ơ, ư* là những *nguyên âm có dấu phụ*, phân biệt với 6 con chữ kia (a, e, i, o, u, y) không đội "nón", không mang "râu". Luật (L3) quy định như sau : khi một nguyên âm có dấu phụ (thí dụ : *ê*) đi với một hay hai nguyên âm không dấu phụ, thì dấu thanh bao giờ cũng đặt ở nguyên âm có dấu phụ. Thí dụ : *lều bều, thuế, khuyến, miễn, hoẵng*.

(L4) *Con chữ u đi sau q chỉ là một âm đệm.*

Mọi người đều biết chữ quốc ngữ của chúng ta do các giáo sĩ tạo ra theo các nguyên tắc ngữ âm học, nên nói chung khá hợp lý. Một vài điểm (nhỏ) không hợp lý là do họ là người Bồ Đào Nha, Tây Ban Nha, hay Pháp, nên đã mang những thói quen không hợp lý của văn tự mấy nước này vào tiếng Việt. Thí dụ như những con chữ phụ âm g và q. Do đó, con chữ u có hai

[1] Lê Ngọc Trụ, *Việt-ngữ chánh-tả tự vị*, Nhà sách Khai Trí, Sài Gòn, tái bản lần thứ I, 1972.

[2] Nguyễn Kim Thản, *Sổ tay chính tả*, Nhà xuất bản Thành phố Hồ Chí Minh, tái bản 1991.

[3] Hoàng Phê, Lê Anh Hiền và Đào Thanh, *Từ điển chính tả tiếng Việt*, Nhà xuất bản Giáo dục, Hà Nội, 1985.

[4] Đoàn Thận Thuật, *Ngữ âm tiếng Việt*, Nhà xuất bản Đại học và Trung học chuyên nghiệp, Hà Nội, 1980.

[5] Trương Văn Chình, Nguyễn Hiến Lê, *Khảo luận về ngữ pháp Việt Nam*, Đại học Huế, Sài Gòn, 1963.

[6] Ngô Thanh Nhân, James Đỗ, Nguyễn Hoàng, *Một số kết quả và cách đặt tự động đúng dấu phụ và chữ tiếng Việt*, Tạp chí Ngôn ngữ số 86 (1992).

[7] Nhân NT., *Một số vấn đề về chuẩn chính tả tự động trong tiếng Việt - không dùng từ điển*, Đất Việt (6-86)

qui chế khác nhau. Khi nó không đi với q, con chữ nguyên âm u cũng không “ thua kém ” gì các nguyên âm (không dấu phụ) khác : *của* (dấu hỏi đặt trên chữ u), nhưng *cấu* (dấu thanh đặt trên chữ a), khi hơn khi kém con chữ a, như vậy là nó “ ngang hàng ” với a. Ngược lại, khi con chữ u đi sau q, nó chỉ là một âm đệm, nó lép vế đối với các con chữ nguyên âm khác : không bao giờ bỏ dấu thanh ở con chữ u khi nó đi theo q. Thí dụ : (kết) *quả* nhưng ta lại viết *của* (cái), quy luy...

(L5) Con chữ *i* đi sau *g* cũng (hầu như) là một âm đệm.

Thật vậy, do lý do lịch sử đã nhắc lại ở trên, hai con chữ *gi* khi đi trước một nguyên âm khác thật ra chỉ là kí hiệu của âm vị (phonème) *z* (nếu phát âm giọng Bắc). Cho nên, dấu thanh bao giờ cũng đặt trên một nguyên âm khác : *giặt, giã, giế, giò...* Bạn đọc tinh mắt chắc đã để ý tới hai chữ trong ngoặc trong luật (L5) : *hầu như*. Chúng tôi thêm hai chữ này vì có một ngoại lệ. Đó là trường hợp của hai chữ cùng viết bằng ba con chữ *g, i, a* (theo thứ tự đó) và bằng dấu nặng : *gĩa* (lúa) và *gĩa* (trong *giặt giã*). Gọi là biệt lệ vì các quy luật nêu ra là những quy luật về chữ viết, chứ khi ta phát âm, thì rõ ràng trong chữ *gĩa*, có sự kết hợp của âm vị *gi* và nguyên âm kép *ia* (như trong *bia, phĩa*) : *gi-ia*. Cho nên biệt lệ này cũng là hậu quả của câu chuyện *g* và *gi* mà lịch sử đã để lại. Chính vì vậy mà trong các đề nghị cải tổ chữ viết, nhiều người đề nghị viết *gĩa* (lúa) là *ja* hoặc *zạ*, còn *gĩa* (trong *giặt giã*) là *gya, jia, zia...*

Với 5 qui luật nêu trên, ta có thể giải quyết một số khá lớn các trường hợp chính tả về vị trí dấu thanh, nhưng còn bỏ sót hai loại trường hợp chính :

(a) những cặp nguyên âm : *ai, ay, ao, au, eo, ia, iu, oa, oe, oi, oo, ôô, ua, ui, uy, uơ* (bạn đọc chú ý : những cặp 1 nguyên âm có dấu phụ và 1 nguyên âm không dấu phụ, chúng tôi không liệt kê ở đây, vì luật (L3) đã giải quyết rồi).

(b) những chuỗi 3 nguyên âm (cũng như đã nói trên, chúng tôi bỏ qua trường hợp chỉ có 1 nguyên âm có dấu phụ) : *oai, oay, oeo, uya, uoi*.

Thật ra, trong trường hợp (b), các từ điển (và có lẽ đa số người sử dụng) đều nhất trí bỏ dấu ở con chữ đứng giữa : *loài, xoáy, khoèo, muýa (?)*, người.

Trong trường hợp (a) cũng thế, có sự thống nhất chính tả đối với các cặp *ai, ay, ao, au, eo, ia, iu, oi, ua, ui* (dấu thanh đặt ở chữ đầu). Thí dụ : *khái, tày, mảo, mèo, khía, dùi, tủa, xúi...* Tương tự, trường hợp các âm kép *oo, ôô*, mọi người cũng chấp nhận bỏ dấu ở chữ thứ nhì : *xe goòng, tiếng cồong*. Cũng vậy, trong trường hợp *uơ*, mọi người đồng ý bỏ dấu ở con chữ *ơ* : *cười, rượu...*

Sự bất đồng rốt cuộc chỉ còn giới hạn vào trường hợp các cặp con chữ nguyên âm sau đây : *oa, oe, uy*. Cách giải quyết duy nhất là dựa trên nguyên tắc ngữ âm học : trong một cặp hai nguyên âm, dấu thanh phải để vào nguyên âm chính (xem (4) và (5), hai tác giả (5) gọi nguyên âm chính là *chủ âm*). Âm kép *oa* (trong *hoa*) cũng là một âm với *ua* trong *qua* ; *oe* trong *loe* cũng là một âm với *ue* trong *que* ; *uy* trong *huy* cũng là một với *uy* trong *quy*. Nói cách khác, trong các cặp nguyên âm kể trên, *a, e* và *y* là những nguyên âm chính. Do đó, với giải pháp thống nhất này, *hoà bình, khoẻ mắt, huý kị* là cách viết đúng. Những người chủ trương bỏ dấu trên chữ *o* hay *u* trong ba trường hợp trên (*hòa, khoẻ, thúy*) lại sẵn sàng đổi chỗ bỏ dấu ngay khi có một con chữ khác đi tiếp những tiếng trên : *hoàn, khoẻ, huyết*. Qua thí dụ cụ thể này, chúng ta có thể lý giải được hiện tượng nói ở đầu bài : các nhà ngôn ngữ học chú ý tới chính tả như Lê Ngọc Trụ, Nguyễn Kim Thản, và ngày nay cả Hoàng Phê, đều nhất trí với cách bỏ dấu thống nhất vừa trình bày. Còn tác giả

các cuốn từ điển phổ thông khác lại tập trung vào ngữ nghĩa ; về chính tả, họ chỉ quan tâm tới những lỗi chính tả hỏi-ngã, s-x, ch-tr, có g hay không có g ở cuối, c hay t ở cuối, còn vị trí dấu thanh, họ để cho nhà in (và thói quen) quyết định. Không phải ngẫu nhiên mà ngày nay, lại nhà in (lần này, dưới dạng nhà in *tại gia*, là máy vi tính) đặt ra vấn đề này và đòi hỏi một giải pháp thống nhất.

Chương trình bỏ dấu tự động

Những quy luật và nguyên tắc vừa kể trên có thể làm cơ sở ngôn ngữ học cho một chuỗi 8 quy tắc về dấu phụ và dấu thanh của tiếng Việt, và từ đó, soạn chương trình bỏ dấu tự động. Công trình (6) của Ngô Thanh Nhân, James Đỗ và Nguyễn Hoàng vừa công bố trên Tạp chí Ngôn Ngữ đã triển khai hướng đi mà Ngô Thanh Nhân vạch ra trong (7). Cụ thể hơn, ba tác giả đã soạn ra 2 thuật toán (algorithm) khác nhau để xử lý vấn đề này. Với 600 dòng, viết bằng ngôn ngữ C cho Unix, Turbo++ cho PC và ThinkC cho Macintosh, họ có thể thoải mái bấm phím : *đoi, đọa, dào, khuỷu, khuyển...*, chương trình bỏ dấu tự động sẽ sửa hộ thành : *đôi, dọa, đào, khuỷu, khuyến...* Trong nước, chương trình chữ Việt BKED của Khoa tin học Trường đại học Bách khoa Hà Nội (do Quách Tuấn Ngọc chủ trì) cũng đi theo hướng này.

Với việc thống nhất bảng mã tiếng Việt VSCII (xem bài của James Đỗ trong số này), mong rằng tác giả các chương trình chữ Việt hiện có ở ngoài nước cũng như trong nước sẽ sớm cung cấp cho công chúng những sản phẩm tương thích, để dùng (chuyển đổi được, bỏ dấu tự động...), cạnh tranh với nhau trên chất lượng kĩ thuật (hình vẽ chữ...).

Trong khi chờ đợi, một mẹo đơn giản

Trong khi chờ đợi các chương trình bỏ dấu tự động bày bán trên thị trường, chúng ta đành tốn công bỏ dấu đúng chỗ. Những quy luật kể trên, dù hợp lý đến đâu, cũng quá rườm rà, khó nhớ, mà có thuộc thì mỗi lần áp dụng cũng tốn thời giờ.

Vậy xin cung cấp cho các bạn một mẹo nhỏ, ai biết tiếng Việt cũng có thể áp dụng : *dấu thanh bao giờ cũng đặt ở nguyên âm chính, muốn biết nguyên âm nào là nguyên âm chính, thì chỉ cần tìm xem, tiếp theo nó, có thể thêm con chữ nào nữa không, nếu có, thì nó là âm chính, nếu không thể có, thì nhất quyết nó không phải là nguyên âm chính.*

Nguyên tắc này áp dụng cho mọi nguyên âm, có dấu phụ hay không. Dùng lại những thí dụ ở trên : trong cặp *oa, a* là nguyên âm chính, vì tiếp theo đó, ta có thể thêm *c, m, n, t...* (ngoạc, ngoàm, hoàn, hoành) ; trong chuỗi *uyê, ê* là nguyên âm chính, vì ta có *uỳnh, chuyền...* Bạn đọc có thể kiểm tra điều này với tất cả các chuỗi nguyên âm có trong tiếng Việt, sẽ không thấy ngoại lệ nào.

Toàn cảnh điện ảnh Việt Nam (*Panorama du Cinéma Vietnamien*) tại Liên hoan 3 lục địa Nantes, từ 25.11 đến 1.12.92 (điện thoại 40.69.74.14), với sự có mặt của nhiều đạo diễn và diễn viên các phim : *Chim vành khuyên* (Trần Vũ, Nguyễn Văn Thông), *Chị Tư Hậu* (Phạm Kỳ Nam), *Cánh đồng hoang* (Hồng Sến), *Chị Dậu* (Phạm Văn Khoa), *Thị xã trong tầm tay* (Đặng Nhật Minh), *Thị xã yên tĩnh* (Lê Đức Tiến), *Chuyện cổ tích tuổi 17* (Xuân Sơn), *Gánh xiếc rong* (Việt Linh), *Kiếp phù du* (Hải Ninh), *Canh bạc* (Luu Trọng Ninh), *Dấu ấn của quý* (Việt Linh)...

Mấy điều tâm đắc về Bác HOÀNG XUÂN HÃN

Nguyễn Trọng Nghĩa

Cách đây hơn mười sáu năm, lần đầu tiên tôi được may mắn hầu chuyện bác Hoàng Xuân Hãn vào một đêm hè oi bức ở Paris. Mỗi cảm tình — hay đúng hơn, sự cảm phục — của tôi đối với bác toát ra khá rõ nét từ bài tường thuật đã đăng trong Đoàn Kết (1).

Sau đó, mỗi năm đôi lần, tôi gặp bác thoáng qua trong các buổi sinh hoạt của cộng đồng mà bác tham dự khá đều.

Cách đây hơn ba năm tôi lại được vinh dự phỏng vấn bác trong suốt hai ngày (tháng 5.1989).

Điều mà tôi quý trọng nhất ở bác, đó là cái phong thái bình dị, "an nhiên tự tại" của bác: khi nói về mình, về những người cùng thời hay ngay cả về thời cuộc, bao giờ bác cũng khách quan, chính xác, mực thước, ôn hoà.

Đối với tôi, bác là một trong số rất ít những bậc "chính nhân quân tử" mà tôi được gặp cho đến cái tuổi đáng ra phải "tri thiên mệnh" này: bác là hiện thân của sự tổng hợp hài hoà giữa "tây học" và văn hoá truyền thống.

Bác là nhà tây học: điều đó đã quá hiển nhiên! Sau khi đậu tú tài tây (1928), bác sang Pháp học các lớp dự bị ở trường Saint-Louis, Paris (1928-1930) rồi thi đỗ cùng lúc vào trường Cao đẳng sư phạm (*Ecole Normale Supérieure*) và trường Bách khoa (*Ecole Polytechnique*). Bác chọn trường Bách khoa vì nghĩ rằng cái học ở đây có ích hơn cho đất nước (1930-1932). Sau khi tốt nghiệp trường Cầu đường (*Ponts-et-Chaussées*, 1934), bác về nước nhưng không thể làm công việc kĩ sư vì sự phân biệt đối xử của chế độ thực dân. Bác lại sang Pháp học tiếp và đậu thạc sĩ toán học (1936). Quá trình đào tạo đó đã cho phép bác nắm vững tinh thần và phương pháp khoa học rồi đem ứng dụng vào việc nghiên cứu lịch sử và văn học Việt Nam.

Trong lời "tựa" của quyển *La Sơn phu tử*, bác trình bày một cách cô đọng quan niệm viết sử của mình: "Tôi đã tham khảo các sách, so sánh với quốc sử và gia phả. Tôi tìm cách đoán chỗ thiếu, chữa chỗ sai, giữ lấy những lời tục truyền có lí, bác điều vô lý hay đính chính nó lại. Tôi không nói một điều gì mà không dẫn chứng. Có việc gì mà phải đi tới nơi tra xét, tôi cũng không quản ngại (...) Trong khi nền sử học ta mới phôi thai, tôi đã gắng để tránh cái hoạ lẫn sử ký với tiểu thuyết, và để tránh cái tật bạ đâu lấy đó" (2).

Quan niệm này lại được bác khẳng định và phát triển thêm trong bài "tựa" của quyển *Lý Thường Kiệt*: "Những việc tôi kể trong sách hoàn toàn có chứng và được dẫn chứng (...) Không bịa đặt, không tây vị, hết sức rõ ràng; đó là những

chuẩn thẳng tôi đã theo, trong khi viết cuốn sách này" (3).

Những tiêu chuẩn (hay "chuẩn thẳng") mà bác nêu ra đó (nói có sách mách có chứng, đính chính tư liệu, khách quan, rõ ràng) cho đến nay vẫn còn giữ nguyên giá trị và đáng ra phải là những lời tâm niệm của mọi nhà nghiên cứu Việt Nam trong các ngành khoa học xã hội.

Cho mãi đến khoảng 9, 10 tuổi bác mới bắt đầu học chữ Pháp. Thời thơ ấu bác học chữ Hán trong nhà với cụ đồ. Và sau khi ra học ở Vinh, rồi Hà Nội, trong mỗi dịp hè, bác lại về quê (Yên Hồ, La Sơn, Hà Tĩnh) đắm mình trong nền văn hoá truyền thống. Chính nhờ thế mà bác đã thông thạo rất sớm chữ nho, chữ nôm cũng như những lối thi, phú cổ điển. Do đó ta không lạ gì khi thỉnh thoảng đọc dưới ngòi bút của bác, một nhà tân học, những câu văn biền ngẫu hoài cổ, trau chuốt không thua gì một vị túc nho:

"Hai ngôi mộ lấp trong làn cỏ áy; mấy gian đền tro trên núi không cây. Thành Lục Niên lác đác đá rêu xanh, khe Bộc Bốc vọt tung vôi nước trắng. Trước mặt, núi nhấp nhô đàn ngựa chạy; sau lưng, đá sừng sực bức tường ngăn.

"Đấy là cảnh tiêu sơ, làm cho khách qua thăm phải động lòng trắc ẩn" (LS, tr.5).

Và khi làm thơ, bác thường chỉ chọn các lối hát nói, thất ngôn, tứ tuyệt hay bát cú, chữ hầu như không thấy bác làm thơ mới đã rất thịnh vào lúc bác về nước dạy học (từ năm 1936).

Với một nhân cách, bản lĩnh và văn hoá như thế, bác đã ứng xử ra sao vào một "thời kỳ mà dân ta đang vùng vẫy, lấy sự hành động làm ý nghĩa đời mình, và đang tung hoành trong cơn lửa đạn, mưu sự sinh tồn cho đất nước", một thời kỳ có "những biến cố làm trời long đất lở" (LS, tr.9).

Trong lời "tựa" của quyển *La Sơn phu tử*, viết vào tháng 5.1945, tức là trong khi tham gia chính phủ Trần Trọng Kim với tư cách bộ trưởng giáo dục, bác cũng đã tự đặt cho mình câu hỏi đó: "Nước ta đương qua một thời kỳ biến, nền độc lập mới xây. Từ hồi Pháp thuộc, đến lúc thoát ly, có nên xuất xử thế nào, cũng có lắm người nghị luận. Họa chẳng gương phu tử sẽ đủ cho người soi" (LS, tr.7).

Nhưng cái gương ấy là gì?

Trong lời "tựa thứ hai" của cùng quyển sách, viết hơn năm năm sau đó (9.1950), bác trả lời: "Trong cơn giông tố, gốc đại thụ đứng im; giữa dòng nước cuốn, cột đá chân cầu không chuyển; đó tại đặc tính chắc rắn của gốc cây, cột đá" (LS, tr.9).

Cái gương của La Sơn phu tử, theo bác, là dù bị "thử thách trong những trường hợp éo le, nhiều khi mâu thuẫn cùng nhau, thế mà chung qui vẫn trọn khí tiết" (LS, tr.9). Hay nói rõ hơn, "phu tử đã trải qua biết bao cảnh ngộ khó xử, mà phu tử đã xử một cách ung dung, chứ không phách như những người nhờ tài biện luận, dùng mưu mô, miệng lưỡi mà qua được. Phu tử chỉ trọn đời dốc một lòng mộ đạo và tìm phương hành đạo. Hành không được là tại không gặp thời" (LS, tr.205).

Trong một chừng mực nào đó, tôi nghĩ cái cảnh ngộ, cái tâm sự của bác Hãn hơi giống La Sơn phu tử mà bác là hậu duệ.

Trong *Một vài kí vãng về Hội nghị Đà Lạt*, bác đã nhận định như sau về mình: "Trong hồi làm giáo sư toán học, tuy tôi không làm chính trị nhưng cũng không hề giấu ý kiến về chính trị và thời thế, khi có dịp bày tỏ ý mình. Cũng nhờ vậy

(1) N.M., *Ba giờ với giáo sư Hoàng Xuân Hãn*, Đoàn Kết ngày 3.7.1976, tr.3.

(2) *La Sơn phu tử* (viết tắt LS), Minh Tân, Paris, 1952, tr.6,7.

(3) *Lý Thường Kiệt* (viết tắt LTK), Sông Nhị, Hà Nội, 1950, tr.14.

mà tránh được mọi cạm bẫy hư danh chính trị" (4).

Đúng như thế ! Bác không phải là nhà chính trị và càng không phải là nhà hoạt động cách mạng : trước sau, bác vẫn chỉ là một nhà trí thức độc lập, không đảng phái, thiết tha với độc lập và thống nhất. Do đó bác hành động theo lương tri và lương tâm của mình, hoàn toàn không câu nệ.

Trong thời Nhật chiếm Đông Dương, chính khách Pháp tại đây đã để ý đến bác và một số bạn hữu. Tỉnh trưởng toàn quyền Đông Dương Decoux mời bác đến gặp. Bác giao thiệp cả với tướng Mordant, người cầm đầu phe kháng chiến Pháp ở Đông Dương.

Với Decoux hay Mordant, bác đều nói rõ lập trường của mình là chỉ khi nào " chính phủ Pháp đổi hẳn chính sách đối với các nước Đông Dương thì những người như (bác) mới hợp tác về chính trị được " (KV, tr.15).

" Lập trường hợp tác có điều kiện " (hợp tác nếu Việt Nam được hứa trả độc lập thống nhất) của bác chắc chắn là không được sự đồng tình của phần lớn các đảng phái lúc bấy giờ, đặc biệt là của Việt Minh chủ trương " đánh đuổi cả thực dân Pháp lẫn quân phiệt Nhật ".

Cũng chính vì có lập trường như thế nên sau ngày Nhật đảo chính Pháp (9.3.1945), và " tuyên bố để Việt Nam tự chủ vận mệnh của mình " (KV, tr.11), bác đã chấp nhận tham gia chính phủ Trần Trọng Kim, được thành lập ngày 17.4.1945.

Có lần tôi hỏi bác về chính phủ Trần Trọng Kim, bác cho biết mục đích của chính phủ này là tránh cho đất nước tình trạng vô chính phủ rất nguy hiểm cho tương lai chính trị của Việt Nam, dù lúc đó mọi người đều biết là thế nào Nhật cũng sẽ bại trận.

Trong cuộc gặp cụ Hồ vào chiều ngày 13.10.1945, bác cũng đã trình bày những ý kiến tương tự : " Chủ trương của mặt trận (Việt Minh) là chống Pháp và chống Nhật. Chống Pháp là chí nguyện tất nhiên chung cho cả nước. Chống Nhật cũng là tất nhiên cho cách mạng và thuận với Đồng minh đang thuận với độc lập Việt Nam. Vậy cả hai khẩu hiệu ấy là hợp. Nhưng trong hành động, sau ngày Nhật diệt chính quyền thực dân Pháp và tuyên bố để Việt Nam tự chủ vận mệnh của mình, tự nhiên rằng người cách mạng chống Nhật không thể ra công khai nhận lấy chủ quyền cho nước. Con thuyền bị buộc đã được cắt dây. Nước tự hào có lịch sử vẻ vang, gồm hăm lăm triệu người, há lại để thuyền trôi không lái. Cả Nhật, Pháp, và Đồng minh sẽ đánh giá lòng yêu chuộng độc lập của dân ta ra sao ? Vì vậy đã có chính phủ Trần Trọng Kim. Chỉ tiếc rằng Mặt trận không làm để cho chính phủ công khai quản lý việc dân và dự bị sự giao tiếp khi quân Nhật tất phải đầu hàng. Dẫu sao, sau khi Nhật đầu hàng, Mặt trận ra nắm chính quyền là hợp lẽ và có thể lợi cho độc lập được nhìn nhận. Nghĩ như vậy, chính phủ Trần Trọng Kim đã có động tác cuối cùng là khuyên cựu hoàng mời các nhà cách mệnh ra chính thức lập chính phủ, nhưng thiếu chuẩn bị, sự ấy không thể thành. Kết quả là những tổn thất về vật chất và tinh thần trong khi cướp chính quyền và không thể lợi dụng sự hoang mang của quân nhân Nhật khi được lệnh phải đầu hàng "

(4) Một vài kí vãng về Hội nghị Đà Lạt (viết tắt KV), Tập san Sử Địa số 23& 24, Sài Gòn 1971, tr.14.

(5) Paris-Saigon-Hanoi. Les archives de la guerre 1944-1947, présenté par Philippe Devillers, Gallimard-Julliard, Paris 1988, tr.58.

(KV, tr.11).

Ta có thể bàn luận xem những tính toán ở trên đây có phù hợp với thực tế chính trị lúc đó hay không nhưng ta không thể không cho rằng những lời nói của bác Hân là chân thành.

Nhận định sau đây của Philippe Devillers về chính phủ Trần Trọng Kim rất đáng cho chúng ta suy nghĩ : " Gồm những người trẻ tuổi, được đào tạo theo tây học và có chất lượng, chính phủ này sẽ gánh vác ba nhiệm vụ : nhanh chóng lấy từ tay người Nhật sự chuyển giao quyền lực chính trị và hành chính, và sự thanh toán bộ máy của phủ toàn quyền, tiếp theo là việc thực hiện sự thống nhất của Việt Nam, tức là trao lại Bắc Kỳ và, sau đó, Nam Kỳ cho chính phủ Huế. Từng giai đoạn, họ muốn lấy từ tay người Nhật điều họ đòi hỏi.

" Cuối cùng họ muốn thổi vào trong toàn dân tinh thần dân tộc, tình yêu nước được xây dựng trên một nền giáo dục hoàn toàn mới.

" Thực ra, những người này biết rằng chiến tranh đã đi đến một khúc ngoặt quyết định và Nhật chắc chắn sẽ thú nhận bại trận. Trước khi cuộc xung đột chấm dứt, cần phải tạo ra cho được một tình hình không thể đảo ngược (situation irréversible), làm hồi sinh một nước Việt Nam, một nhà nước Việt Nam thống nhất có đủ phương tiện để bắt Liên Hiệp Quốc phải nghe mình vào lúc giải quyết (vấn đề Việt Nam) " (5).

" Chính phủ Huế, vào các tháng 7 và 8, đã đòi được từ Nhật nhiều nhượng bộ quan trọng : vào tháng 7, phá vỡ bộ máy của phủ toàn quyền (Gouvernement général) và chuyển giao cho Việt Nam những dịch vụ nhà nước, và, sang đầu tháng 8, trả lại Nam Kỳ cho Việt Nam. Những khâm sai được bổ nhiệm ở Bắc Kỳ và Nam Kỳ. Ngày 8.8, sự thống nhất của Việt Nam đã được thực hiện " (sách đã dẫn, tr. 69).

Tất cả vấn đề là từ đầu tháng 8, chính phủ Huế và ngay cả quân Nhật không còn kiểm soát được tình hình trong khi đó Việt Minh hoạt động mạnh mẽ khắp nơi.

Có lẽ vì không theo đảng phái nào cả và vì đã tham gia chính phủ Trần Trọng Kim nên, sau khi chính phủ dân chủ cộng hoà được thành lập, bác đã " được bỏ quên, yên phận sửa soạn thi hành sự dạy và viết sách môn toán học bằng tiếng Việt, và nỗ lực cứu vớt những sách tàn giấy cũ mà bấy giờ nhân dân cho đã lỗi thời, đưa bán làm hồ, làm giấy lộn khắp đường Hà Nội " (KV, tr.8).

Nhưng trước sự " kinh thị và công kích giữa các đảng phái " mà nếu " khuếch trương thành đại loạn thì nước Việt Nam không còn hi vọng gì sống lại nữa ", bác đã đến gặp cố vấn Vĩnh Thụy và đề nghị cựu hoàng " nên khuyên chính phủ dàn xếp một cách ổn thoả và chính đáng với những người yêu nước thuộc những đảng khác để cùng đối phó với thời cơ cực kì gian nan " (KV, tr.9).

Do sự trung gian của cố vấn Vĩnh Thụy, chiều 13.10.1945, bác đã gặp chủ tịch Hồ Chí Minh trong hơn một giờ và nói với cụ Hồ những ý chính sau đây :

- " Nay ta chưa độc lập, đang cần dư luận ngoại bang bênh vực. Nếu tỏ ra bất lực, hoặc có thái độ độc tài thì khó lòng họ giúp mình " (KV, tr.10).

- Bác đề nghị " hợp tác thành thật " với Nguyễn Hải Thần.

- " Nói về chính phủ (Hồ Chí Minh) thì chủ trương đại thể chính trị hợp lẽ, nhưng hành động hình như tướng đã thành công cho nên sợ chia trách nhiệm và chính quyền. Chắc riêng

chủ tịch hiểu rằng đường đi đến độc lập và thống nhất còn dài và khó, nhưng đại đa số còn lầm tưởng gần xong" (KV, tr.11).

Khi từ già cụ Hồ, bác " cảm động vì đã có dịp tỏ nhiều lời tâm huyết, vì thấy vận mệnh của dân nước đè trên vai một vị cách mệnh thâm niên gầy ốm, nhưng tinh thần tinh anh, mặc tĩnh, thâm trầm và cử chỉ ôn tồn, gầy gọn và kiên quyết" (KV, tr.11).

Tiếp sau đó là một loạt sự cố quan trọng đã xảy ra :

- 6.1.1946 : bầu cử quốc hội với 70 ghế đại biểu dành cho các nhóm Quốc dân đảng và Đồng minh hội.

- 3.3.1946 : thành lập chính phủ " đoàn kết kháng chiến " (chủ tịch : Hồ Chí Minh ; phó chủ tịch : Nguyễn Hải Thần ; bộ trưởng nội vụ : Huỳnh Thúc Kháng ; bộ trưởng ngoại giao : Nguyễn Tường Tam (Nhất Linh)...)

- 6.3.1946 : ký kết Hiệp định sơ bộ.

Nhận định về Hiệp định sơ bộ 6.3, bác viết : " Lấy tình cảm mà xét, hầu hết quốc dân đã thất vọng vì hai ước nguyện ĐỘC LẬP và THỐNG NHẤT có thời gian tưởng đã đạt, nay bị tiêu tan " (KV, tr.6). Nhưng bác cũng thấy rằng " trước thái độ hững hờ của các cường quốc, biết binh lực mình còn non nớt không thể công nhiên đương đầu với cơ khí của Anh, Mĩ mà quân Pháp được trang bị, chính phủ liên hiệp kháng chiến chỉ có hai đường : một là chống lại bằng vũ lực nhưng rồi phải bỏ các đô thị để kháng chiến một cách anh dũng nhưng tối tăm như các tiền bối Trương Công Định, Phan Đình Phùng, Hoàng Hoa Thám ; hai là chịu lép đương thời để được Pháp và quốc tế nhìn nhận có nước Việt Nam, rồi tựa vào dư luận dân Pháp và dân toàn cầu và nhất là vào sự đồng tâm kiên quyết không chịu nô lệ của quốc dân, để tái lập dần dần sự hoàn toàn độc lập " (KV, tr.7).

Chính vì chọn lựa con đường thứ hai nên bác đã chấp nhận tham gia phái đoàn Việt Nam ở Hội nghị Đà Lạt (18.4 - 11.5.46), do Nguyễn Tường Tam làm trưởng đoàn và gồm 24 trí thức có tên tuổi thời bấy giờ.

Đối với bác, ba tuần thương thuyết ở Đà Lạt là một chuỗi ngày đầy đau đớn và phần nộ trước thái độ phá hoại có hệ thống của phái đoàn Pháp, nhưng đồng thời cũng đầy hy vọng về khả năng hợp tác đoàn kết giữa những nhân vật, đảng phái thuộc khuynh hướng khác nhau, vì quyền lợi dân tộc.

Về điểm sau này, lịch sử đã chứng minh là bác quá lạc quan. Bi kịch mà nhân dân Việt Nam đã sống trong gần nửa thế kỷ nay đã đành chủ yếu phát xuất từ cuồng vọng thống trị tại Việt Nam của Pháp bằng chính sách chia để trị và bằng võ lực, nhưng ta cũng không chối cãi được rằng song song với cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, còn có cuộc đấu tranh giành quyền bính và ngay cả độc quyền chính trị.

Trong cuộc tranh giành quyền bính đó, một trí thức như bác thật khó tìm ra chỗ đứng phù hợp với lập trường ôn hoà,

độc lập của riêng mình.

Giả sử người Pháp lúc đó ít khinh thị, ngoan cố ⁽⁶⁾ hơn đối với dân tộc và chính phủ Việt Nam, chấp nhận để Việt Nam từng bước thực hiện độc lập và thống nhất trong khuôn khổ của Liên bang Đông Dương và Liên hiệp Pháp (theo văn bản và tinh thần Hiệp định sơ bộ 6.3), có lẽ chiến tranh Việt-Pháp đã không xảy ra : cuộc diện chính trị của Việt Nam, Đông Dương, Pháp và ngay cả thế giới vì thế chắc sẽ khác đi nhiều lắm !

Nhưng ta không thể làm lại lịch sử !

Tiện đây cũng nói thêm rằng trong *Một vài ký vãng về Hội nghị Đà Lạt*, bác đã vẽ phác vài bức chân dung thú vị :

- **Võ Nguyên Giáp** : " Lần này là lần đầu tiên tôi biết cá nhân Võ Nguyên Giáp. Trái với tiếng đồn là người róng riết, Giáp đã tỏ thái độ nhã nhặn, có tình cảm nhiều, nhưng ý tưởng thì rất cương quyết. Trong ba tuần ở cùng nhau, làm việc cùng nhau, xa không khí sôi nổi ở thành thị dưới đồng bằng, tôi đã nhìn thấy rõ cái bản lĩnh (personnalité) đặc biệt của nhà cách mệnh trẻ tuổi này " (KV, tr.22).

Trong phiên họp cuối cùng ngày 11.5.46 bàn về vấn đề thống nhất ba kì, trước những luận điểm quá khinh miệt của Torel, Pignon..., " Giáp ngồi bên cạnh tôi cạy cựa, coi chừng không thể nín giận được nữa. Bèn đứng phắt dậy, ôm cái cặp nặng, đi chổng ra cửa, trước mặt các hội viên sững sốt. Khi ra khỏi cửa rồi, ánh đóng cửa cái sầm ! " (KV, tr.18). Đối với bác, " đó là tiếng sấm đầu tiên trong cơn giông tố (...) sẽ lôi cuốn dân Việt vào một cuộc chiến tranh bắt buộc để giành Độc lập và Thống nhất cho Tổ quốc " (KV, tr.69).

Nguyễn Tường Tam : " Ảnh người cao nhưng gầy, mặt dài má lép, chún râu trên mép, đôi mắt to nhưng ra vẻ mệt nhọc hay chán chường. Cử chỉ lễ độ, ăn nói chừng chàng (...) đoan nghiêm và đúng mực. Không làm thẹn chức vụ bộ trưởng ngoại giao và chủ tịch phái đoàn Việt Nam " (KV, tr.44). Lúc bấy giờ, Nguyễn Tường Tam đang đứng vào một " địa vị rất khó ". Với tư cách là trưởng phái đoàn Việt Nam, ông phải bảo vệ lập trường ôn hoà chứa đựng trong Hiệp định sơ bộ mà các đồng chí của ông vẫn gọi là " bán nước ". Qua các cuộc hội đàm, ông thấy rõ là trước thái độ của phái đoàn Pháp, việc bảo vệ lập trường đó thật không dễ chút nào. Hơn nữa ông cũng ý thức được cái thế yếu của đảng ông trong cuộc tranh thủ quần chúng với Mặt trận Việt Minh. Do đó mà có hôm ông nói với bác Hãn : " Những việc chính trị, thôi để các anh làm. Còn tôi thì về với văn hoá mà thôi " (KV, tr. 59).

Về phần bác Hãn, sau buổi họp báo cáo của phái đoàn ở phủ chủ tịch (13.5.46), bác lại " được rút lui về chăm việc văn hoá " (KV, tr.76).

Hành động chính trị chính thức cuối cùng của bác có lẽ là việc tham dự cuộc đón tiếp đô đốc d'Argenlieu của cụ Hồ (19.5.46).

" Tôi ngồi một góc, nhìn hai chủ khách mà ngán cho cái trò diễn lễ ngoại giao. Một bên đắc thế, muốn bóp cổ người, mà vẫn làm như thân thiện. Một bên biết vậy, mà phải có thái độ hồn nhiên.

Cụ chủ tịch hồi đó khí sắc trông đã vững. Kinh nghiệm đưa đón của một quốc trưởng đã khiến cụ có dáng điệu chừng chàng tuy giản dị. Cái trách nhiệm bảo vệ nền tự chủ bấp bênh đang đè nặng trên vai, mà cụ không tỏ vẻ lo âu, bực tức chút nào " (KV, tr.77).

(6) Thái độ đó hiện rõ trong bức thư đề ngày 5.5.46 của Max André, trưởng đoàn Pháp, gửi chủ tịch Hồ Chí Minh với cái giọng mà bác Hãn cho là " trích thượng tột bực " : " Nước Pháp mới không tìm cách thống trị Đông Dương nhưng nhất quyết có mặt tại đó. Nước Pháp mới không cho rằng công việc của mình đã chấm dứt, không chịu từ bỏ sứ mệnh văn hoá của mình và cho rằng chỉ có nước Pháp mới có thể đảm bảo việc đẩy mạnh và phối hợp kĩ thuật, kinh tế, ngoại giao và quốc phòng. Cuối cùng, nước Pháp sẽ bảo vệ quyền lợi tinh thần và vật chất của dân mình " (KV, tr.61).

Nhìn chung có thể nói rằng quan niệm hành động của bác không khác với lẽ " xuất xử ", " dụng nhi tắc hành xá nhi tắc tàng " của nho sĩ ta thời xưa là mấy. Quan niệm đó có lẽ không còn hợp với đời sống chính trị ngày nay chủ yếu dựa trên quan hệ hợp tác hay đối kháng giữa những đảng phái chính trị, nhưng không phải vì vậy mà không có cái cao đẹp của nó.

Giai đoạn " xuất " của bác dài chỉ hơn một năm (17.4.45 - 19.5.46) : trong cả hai lần được mời ra làm việc nước (tham gia chính phủ Trần Trọng Kim và Hội nghị Đà Lạt), bác đều không được toại chí nhưng điểm lại cũng chẳng có điều chi để tự trách mình vì trong cả hai lần bác đều chỉ nhắm góp phần giành lại độc lập và thống nhất.

Trong giai đoạn " xử " kéo dài cho đến nay (gần nửa thế kỷ), song song với những công trình nghiên cứu về lịch sử và văn học Việt Nam, bác vẫn không ngừng quan tâm theo dõi những thăng trầm của vận nước và vẫn chờ cơ hội ra giúp nước.

Trước sau như một, bác vẫn thiết tha với hai mục tiêu độc lập và thống nhất.

Trong lời tựa của quyển *Lý Thường Kiệt*, viết vào năm 1949, bác cho biết : " chính cuộc chiến tranh giành độc lập của dân tộc ta (...) đã giục tôi vội đưa bản thảo hiến độc giả " và bác mong " ai nấy thấy rằng lòng dũng cảm, chí quật cường của dân tộc ta ngày nay có cốt rễ rất xa xăm " (tr.14).

Bác cũng " mong ai nấy nhận thấy một cách rõ ràng, cụ thể, sự nguy hiểm của một cuộc ngoại xâm, nhận thấy sự lo việc nước không phải chỉ ở đầu lưỡi, mà cần hết cả lòng hi sinh, trí sáng suốt để xếp đặt, tính toán ".

Là một công trình sử học công phu, quyển *Lý Thường Kiệt* còn chứa đựng cả một bầu tâm sự mà bác muốn gửi đến người đọc : " Đọc xong đoạn sử này, độc giả sẽ thấy, cách đây ngót nghìn năm, cha ông ta đã đủ tài năng, nghị lực để xây dựng, tổ chức và gìn giữ khoanh đất gốc cõi của tổ quốc ta ngày nay ; độc giả sẽ nhận thấy huyết quản của chiến sĩ bây giờ vẫn chan hoà máu nóng của tổ tiên, máu nóng mà không lẽ có người không mang một giọt. Dẫu trong nhất thời, có kẻ lờ lăm làm hại nước, hoặc con dân một nước có ý tưởng dị đồng, trước nạn bại vong, giọt máu ấy cũng đủ gây nên chí quật cường, lòng tương ái.

Vẫn biết tương lai là thế giới đại đồng ; nhưng trước lúc ấy, nước mình phải là một nước thật " (LTK, tr.15).

" Một nước thật " nghĩa là gì ? Trong nhiều thập kỷ, đối với dân tộc Việt Nam, đó là một nước độc lập và thống nhất.

Sau hơn một thế kỷ đấu tranh, Việt Nam đã được độc lập, thống nhất và, kể từ khi quân đội Việt Nam rút khỏi Cambốt, hoà bình : đó là những dữ kiện cơ bản không thể nào quên được khi suy nghĩ về những vấn đề chính trị của Việt Nam.

Cơ bản nhưng chưa đủ vì vào cuối thế kỷ XX này, đồng bào ta còn cần cơm no, áo ấm... và — tại sao không ? — cả tự do, dân chủ nữa !

Năm nay bác Hân đã 85 tuổi ta. Tôi viết mấy dòng này để chúc thọ bác và đồng thời để ôn lại những bài học mà tôi tâm đắc được về bác : khách quan, ôn hoà, mực thước... và an nhiên tự tại. Âu đây cũng là dịp để tự răn mình !

Nguyễn Trọng Nghĩa
10.1992

Chữ Việt trong máy tính...

(tiếp theo trang 19)

đa ngôn ngữ trong máy tính được chấp nhận sau khi mọi tổ chức tiêu chuẩn quốc gia trên thế giới đã bỏ phiếu chọn lựa. Chuẩn mới này, dưới tên gọi ISO-10646 hay Unicode 1.1, bao gồm đủ mọi đơn vị chính tả của quốc ngữ. Một đề nghị nữa của Việt Nam — nhằm bao gồm cả việc mã hoá chữ Nôm trong ấn bản tương lai của ISO-10646 — đã được thông qua. Trung Quốc và Triều Tiên bỏ phiếu thuận, trong khi Nhật Bản chống.

Nhiều tiêu chuẩn khác còn thiếu trong công nghệ tin học ở Việt Nam, chẳng hạn như sắp xếp bàn phím và cách đánh máy, tổ chức mạng truyền tin tự động. Tiểu ban VSCII trông cậy vào các chuyên gia ở khắp nơi trong công cuộc hoàn thiện VSCII và các hoạt động khác về chuẩn cho máy tính. Tiểu ban hoan nghênh mọi nhận xét và đóng góp cho nỗ lực chung này.

James ĐỒ

James ĐỒ là một giám đốc về phần mềm của hãng MENTOR GRAPHICS (California, Hoa Kỳ), và cũng là một cố vấn của chương trình TOKTEN của Liên Hiệp Quốc.

Bài này nguyên tác bằng tiếng Anh. Vì tác giả không đủ thời giờ chuyển ngữ, nên nhờ Hà Dương Tuấn dịch sang tiếng Việt.

Tài liệu tham khảo :

- (1) Centre Informatique, Comité d'Etat pour la Science et la Technologie du Vietnam : *Rapport du 3è Symposium national sur la Standardisation du Codage du Jeu des caractères vietnamiens avec signes diacritiques*, Hochiminhville 26-30.7.1988.
- (2) James ĐỒ, Ngô Thanh Nhân, Nguyễn Hoàng : *A proposal for standard Vietnamese characters encoding in a unified text processing framework* ; Proceedings of the 1st Unicode Implementers' workshop, 5-6.8.1991 ; Computers Standards & Interface 14 (1992), tr.3-32.
- (3) *Vietnamese Standard Code for Information Interchange (VSCII) : Fundamental Principles*, 19.11.1991, Hà Nội.
- (4) *Dự thảo tiêu chuẩn Việt Nam VSCII*, 20.5.1992, Hà Nội.
- (5) Nhóm nghiên cứu tiêu chuẩn tiếng Việt 1 : *Một khuôn khổ thống nhất cho việc xử lý dữ kiện Việt ngữ* ; Điện tử & Tin học số 2-1992, tr. 23-25.
- (6) Ngô Thanh Nhân, James ĐỒ, Nguyễn Hoàng : *Một số kết quả về cách đặt tự động đúng dấu phụ vào chữ Việt* ; Tạp chí Ngôn Ngữ số 86 (1992), tr. 14-23.

Chúc mừng đôi bạn

Bùi Lê Dung và Phan Tấn Hải
trăm năm hạnh phúc

Diễn Đàn

Tìm đọc **Hợp Lưu**, Tập san Văn học - Nghệ thuật - Biên khảo, phát hành 2 tháng một kỳ
P.O.Box 277, Garden Grove, CA 92642 USA

Cần nhiều tự do và sáng tạo hơn nữa

Thế Uyên

Kẻ lang thang giữa các nền văn minh

Trong những năm trung học, tôi không phải là một học sinh chăm chỉ. Học chỉ đủ lên lớp và đỗ những bằng cấp nằm dài trên học trình, tương tự như những chướng ngại vật nằm trên đường ngựa đua : Tiểu học, Trung học phổ thông, Tú tài I và II. Khả năng đọc sách, ham học chỉ đến với tôi khi đã trưởng thành. Lòng tò mò muốn biết rõ tất cả những hệ tư tưởng lớn, những lý thuyết, những nền văn hóa văn minh lớn của nhân loại, đã thúc đẩy tôi học những lớp lịch sử triết học đông phương tây phương và đọc nhiều sách về khoa học xã hội, bằng Việt ngữ và Pháp ngữ.

Sau tháng 4.1975 trong những năm tháng dài đặc cực nhọc trên rừng núi Việt Nam, lòng ham học của tôi vẫn cứ tồn tại. Trong khi nhiều đồng đội của tôi hẳn học với những bài học tập bắt buộc, tôi quan sát những bài đó một cách khách quan, tìm hiểu xem những triết lý, những ý thức hệ nào đã sản xuất ra chúng. Trong sinh hoạt hàng ngày, tôi quan sát quân phong quân kỷ của quân đội chính qui miền Bắc, nghiên cứu cuộc sống của họ – để biết rõ tại sao họ đã chiến thắng trên chiến trường, và cũng để tiên liệu rằng họ sẽ thất bại trong xây dựng kinh tế trong hòa bình. Và dĩ nhiên sau khi được tha về và được cử đi học khóa Văn sử cùng toàn bộ giáo sư Văn sử của Việt Nam cộng hòa ở Sài Gòn, tôi vẫn giữ được tác phong học hỏi ấy. Tôi lắng nghe những lời diễn giảng, học cho biết một lần dứt khoát mọi lý thuyết thặng dư giá trị, duy vật biện chứng, duy vật lịch sử, và rất là chú ý tới thẩm mỹ học xã hội chủ nghĩa – là nhà văn, tôi không thể không quan tâm tới những luận cứ đã đưa Đảng cộng sản đến độ cấm và đốt toàn bộ sách tôi đã viết.

Thời gian qua đều và đến năm 1987, khi đã vượt qua cái tuổi mà người xưa có lần đã gọi là “ ngũ thập tri thiên mệnh ”, tôi nhận thấy phần tôi chỉ có mục “ ngũ thập ” còn thiên mệnh thì chẳng biết gì nên lại vui vẻ đeo túi sách lên vai – không thể dùng từ “ cấp sách ” được vì sách đại học quá nhiều và nặng – vô một trường đại học cộng đồng của Hoa kỳ. Ngoài những lớp về kỹ thuật sử dụng computer, những lớp do chương trình BA đòi hỏi phải vượt qua, tôi chọn những lớp về lịch sử văn minh Tây phương, văn hóa cổ Hy La, văn hóa Âu châu thời trung cổ và cận đại, và dĩ nhiên không thiếu một số lớp về chính trị, xã hội học, lao vào cả micro lẫn macroeconomy. Và trong mùa thu vừa qua, tôi ghi danh học *anthropology* mà người thì dịch là nhân loại học, người thì dịch là dân tộc học. Trong một thời gian đủ để lá vàng rụng và rơi rời mục nát trong những cơn mưa đầu mùa đông, tôi đã phải học và phê phán những nền văn hóa, những nếp sống dân da đen cùng đinh thành thị, những người già của cộng đồng Do Thái, những cư dân của thành phố phim ảnh Hollywood, những dân một hải đảo tí mù nam Thái bình dương, những nông dân xứ Irak của ông Saddam Hussein, những biến chuyển của một làng

Nhật bản điển hình từ thời Minh trị thiên hoàng đến hiện nay, sự tiếp thu văn minh Âu châu của trí thức xứ Soudan...

Khi làm một kẻ lang thang giữa các nền văn minh văn hóa như thế, tôi vẫn cứ mang theo hành trang văn hóa Việt Nam cũ trên người, và luôn luôn đi một đường đối chiếu giữa “ người ta và mình ”. Và với một quá khứ và một vị trí quan sát như vậy, tôi đã đi đến một vài kết luận, một số vấn đề, cho dân tộc Việt Nam ở nội địa cũng như hải ngoại.

Việt Nam : một dân tộc thiếu sáng tạo

Nhìn lại suốt chiều dài lịch sử hơn hai ngàn năm, tôi không tìm thấy một tư tưởng gia nào cả. Chúng ta tiếp thu nền văn hóa Hán tộc phương Bắc, lấy ý thức hệ Khổng giáo làm ý thức hệ của mình sau khi sửa đổi cho phù hợp với đặc tính cố hữu của dân Giao Chỉ. Chúng ta tiếp thu Phật giáo từ cả hai phía, từ phương bắc với Đại thừa, từ phương tây với Tiểu thừa. Và cũng như đối với Khổng giáo, người Việt cũng chỉ Việt hóa Phật giáo mà thôi, không đưa ra một sáng tạo nào đáng kể. Các kẻ sĩ, các thiền sư nổi danh trong sử sách, chỉ là những người hiểu đạt ý thực hệ mình tin tưởng và vận dụng khéo léo để giúp ích cho dân tộc mà thôi – nhất là trong việc bảo vệ sự độc lập và tồn tại của quốc gia nhỏ bé mang tên Việt Nam.

Rồi đến khi phải đụng độ và thất trận trước những đạo quân viễn chinh Tây phương phát xuất từ một nền văn minh kỹ nghệ hóa cao, người Việt mới cương quyết đặt ra vấn đề duy tân, dù là rất trễ và trả giá bằng sự mất chủ quyền quốc gia trong gần một thế kỷ.

Ở đầu thế kỷ 20, từ ngữ “ duy tân ” được sử dụng đồng nghĩa với “ Âu hóa ” bởi vì chúng ta ở vị trí chỉ được tiếp nhận nền văn hóa văn minh của nước thống trị chúng ta là Pháp mà thôi. Và sau một vài thập niên ngập ngừng, đến thập niên 30 thì cả một thế hệ trẻ lớn lên đã coi văn minh Tây phương (hiểu như nền văn minh Âu châu) là khuôn vàng thước ngọc, là tột đỉnh của văn minh nhân loại. Vấn đề duy tân từ đó được hiểu là chỉ có học cho nhanh cho nhiều tiếp thu cho lẹ mà thôi, việc phê phán để rồi sáng tạo ít được đặt ra. Giống hệt như các thế kỷ trước chúng ta đã tiếp thu trọn vẹn không sáng tạo ý thức hệ Khổng giáo, Phật giáo và Thiên chúa giáo kiểu Pháp/Tây ban nha.

Khi tiếp thu văn minh Âu châu như thế, chúng ta đã tiếp nhận luôn cả trái ngon lẫn trái độc.

Công giáo Pháp-Tây-ban-nha thời trung cổ rất bảo thủ và cuồng tín. Hãy nhìn lại cuộc thánh chiến do Công giáo Pháp phát động để chống lại Tin lành thì thấy. Đúng là đại nội chiến, máu dân Pháp chảy thành sông, xương dân Pháp chất thành núi được – mặc dù Tin lành vẫn là Thiên chúa giáo nhưng cải cách (bây giờ gọi là đổi mới) để phù hợp với cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật lần thứ nhất của Tây phương. (Tại Đức nội chiến tôn giáo này còn làm chết dân không kém vụ *Killing Fields* do Khmer đỏ gây ra ở Cao mên gần đây. Ở Tây-ban-nha, tòa án Công giáo *Inquisition* còn tra tấn độc ác vô vàn rồi mới chịu cho những người bị coi là *heretic*, là tà đạo được chết.)

Nhưng cũng may cho dân tộc chúng ta là Tây-ban-nha đã rút chân ra khỏi vùng bán đảo Đông Dương rất sớm, và Công giáo Pháp đã thay đổi nhiều sau cuộc cách mạng 1789 và sự thay đổi này đã mang lại cho Việt Nam một hàng giáo phái ít đòi hỏi máu và lửa hơn xưa. Trong nhiều thế hệ, hàng giáo phẩm Công giáo Việt Nam đã dạy được cho giáo dân một tinh thần bao dung tương đối, biết chấp nhận sống chung hòa bình với những người khác đạo. Nhưng về văn hóa và tư tưởng, ngoài việc mở thêm

cánh cửa tạo thêm một cây cầu nối liền nội địa với Âu châu, Công giáo chỉ có một công trình sáng tạo đáng kể cho Việt Nam là chữ quốc ngữ và một tinh thần biết quan tâm một cách thiết thực tới những người cùng khổ trong xã hội như những trẻ mồ côi và những người mắc bệnh nan y... Còn đứng về mặt quan điểm văn hóa văn minh mà nhìn lại mấy trăm năm hiện diện của Công giáo, chúng ta không thấy có sự đóng góp có tính cách sáng tạo nào đáng kể hơn.

Hoà thắm và trái độc

Ở những thập niên đầu của thế kỷ 20, từng thế hệ trẻ đã kế tiếp nhau quay lưng vào quá khứ, chỉ duy tân, hiểu theo nghĩa là “ âu hóa ” tối đa. Những thế hệ ấy đã tiếp thu, nói theo kiểu Mỹ hiện nay, là “ trọn gói ” các hệ tư tưởng của Âu châu, kể cả hoà thắm lẫn trái độc.

Âu châu hồi đầu thế kỷ đã phân hóa làm hai ý thức hệ đối chọi quyết liệt : ý thức hệ dân chủ Thiên chúa giáo và ý thức hệ Mác-xít. Người Việt khi duy tân, đã tiếp thu luôn các cuộc tranh chấp kiểu ấy của Âu châu. Những người như Tự lực văn đoàn tiếp thu trọn gói ý thức hệ dân chủ - có thể gọi là ý thức hệ dân chủ tư sản hay ý thức hệ dân chủ Thiên chúa giáo, gọi cách nào là tùy lập trường chính trị của mọi người, nhưng về bản chất vẫn là một thực thể ấy thôi. Những người như Hồ Chí Minh, Trường Chinh, Võ Nguyên Giáp, Phạm Văn Đồng... tiếp thu ý thức hệ Mác Lê-nin. Nhưng dù là theo hệ nào chăng nữa, nhược điểm của dân tộc Việt là thiếu tinh thần sáng tạo vẫn bộc lộ rõ ràng.

Do sự thiếu tinh thần sáng tạo này, chúng ta (phía cộng sản cũng như quốc gia trong đó bao gồm luôn cả Công giáo) ít hay nhiều đều trở thành cực đoan, cho rằng chỉ phe mình là tuyệt đối đúng. Phía những người quốc gia, do tiếp thu được tư tưởng dân chủ tự do, không đến nỗi trở thành cuồng tín như những người tiếp thu ý thức hệ Mác Lê, nhưng chưa đủ sáng suốt và khả năng để tránh cho dân tộc và đất nước chia làm hai. Năm 1954, ngoại trưởng Trần Văn Đỗ của phe quốc gia đã khóc ở Genève vì không can được đất nước chia đôi – giọt nước mắt của ông già này báo hiệu nhiều nước mắt, rất nhiều nước mắt sẽ đổ ra tại cả hai miền Nam và Bắc trong cuộc nội chiến khốc liệt xảy ra không lâu sau đó.

Nội chiến Việt Nam : trái độc của duy tân

Nhìn bằng con mắt của người viết sử, ý thức hệ Mác Lê-nin là một ý thức hệ tấn công. Những đảng viên cộng sản phát động cuộc đấu tranh giai cấp trên toàn thế giới, không phải chỉ ở Việt Nam. Có những dân tộc già nua như Nga, Tây-ban-nha, Hi-lạp ... đã không đủ khôn ngoan để tránh được nội chiến khốc liệt. Nhiều dân tộc khác, có nhiều tinh sáng tạo hơn, như Anh, Pháp, Ý, Đức, mặc dù sự hiện diện mạnh mẽ của các đảng cộng sản, đã cố gắng tránh và tránh được những cuộc nội chiến tàn phá đất nước một cách vô ích.

Hãy nhìn lại lịch sử diêm tĩnh một chút, thì cuộc đấu tranh của Đảng cộng sản Việt Nam đâu có gì là thần thánh. Những người lãnh đạo cộng sản chẳng qua là những người thi hành những *policy* của Moscow, và sau này, thêm một chút của Bắc Kinh thời Mao. Xét về một phương diện nào đó, họ là những thứ *robot*, những người bị cấy sinh tử phù vào não, chỉ biết thi hành máy móc những chính sách đã được soạn thảo bởi người ngoài mà thôi. Không một lúc nào đủ bình tâm mà xét những *policy* mình bắt dân theo đuổi ấy, có hợp có hữu ích cho dân tộc mình

hay không. Cho đến tận đầu thập niên 80, chúng ta không tìm thấy một dấu vết sáng tạo nào của những người lãnh đạo cộng sản Việt nam. Về phương diện này họ còn thua xa các đạo Khổng giáo, Phật giáo, Công giáo. Ít nhất những người lãnh đạo của các tôn giáo này còn biết Việt Nam hóa ít hay nhiều đạo mình tin tưởng.

Những người lãnh đạo phía quốc gia không có tâm thức tấn công kiểu như người cộng sản, nhưng cũng không đủ sáng suốt, thực tế và mềm dẻo để tránh cho dân tộc mình cuộc nội chiến, như Anh, Pháp, Đức, Ý... đã làm được. Khi Mỹ muốn sử dụng miền Nam như một thứ dè ngăn chặn sự bành trướng của Trung quốc xuống phía Đông Nam Á, hết lòng võ trang cho Việt Nam cộng hòa, tấn phong cho miền này là “ tiền đồn của thế giới tự do ”, rất nhiều người quốc gia thời đó đã lấy làm hãnh diện. Không ý thức được là “ làm lính tiền đồn ” thì bảo đảm là không chết cũng bị thương, và khi ông *boss* ở tòa Bạch Ốc mà thỏa hiệp được với ông *boss* ở Moscow và Bắc Kinh, thì tiền đồn bị rút bỏ dễ dàng. Có thương lính tiền đồn còn sống sót sau khi tiền đồn rút bỏ thì ra lệnh cho quân đội Mỹ cứu vớt những người chạy theo bám sát mình, và rồi cho mở chiến dịch nhân đạo (Humanitarian Operation) cho những lính tiền đồn bị địch bắt cầm tù nhiều năm mang vợ con đến Mỹ làm lại cuộc đời, an hưởng chút tuổi trời còn lại. Cho đẹp một thời đã từng làm chiến hữu với nhau mà thôi.

Còn có thể có gì và là gì khác nữa đâu một khi kẻ thù chính là Soviet Union đã không còn nữa, lá cờ đỏ búa liềm đã hạ xuống và những lá cờ khác đã được kéo lên.

Kẻ lang thang bị chọi đá

Nhiều người đảng viên cộng sản Việt Nam đã bắt đầu hối hận, nhận thấy mình đã ngu khi tin theo chủ nghĩa ngoại lai Mác Lê-nin để làm dốt, làm khổ, làm đói dân tộc Việt. Họ đã biết thiên đường họ theo đuổi chỉ là một thứ “ thiên đường mù ” (Dương Thu Hương), đòi “ ly thân ” với thứ chủ nghĩa này (Trần Mạnh Hảo), và cuộc kháng chiến thần thánh chống đế quốc Mỹ và miền Nam chỉ là một thứ “ tiểu thuyết vô đề ” (Dương Thu Hương). Họ đã bắt đầu hiểu họ đã có lỗi lầm lớn là hi sinh quyền lợi của dân tộc mình để phục vụ cho một chủ nghĩa ngoại lai của mấy ông râu xồm da trắng mắt xanh.

Còn tại hải ngoại thì sao ? Nếu nhà văn Võ Phiến đã có lần viết đùa là trong tương lai vẫn có thể có một thành phần thờ Mác Lê-nin như một bộ lạc Phi châu thờ con bò tót, thì cũng có thể thêm rằng trong cộng đồng Việt hải ngoại vẫn còn một thành phần thờ “ người lính tiền đồn ”. Mỗi năm tụ họp nhau thờ cúng hình tượng này, chỉ hướng về quá khứ Việt Nam cộng hòa mà thôi, khóc than một quốc gia đã không còn nữa.

Tôi cũng làm lính tiền đồn trong nhiều năm nhưng trong ý thức là mình làm điều phải làm của người đàn ông trong một đất nước có chiến tranh, chứ chẳng lấy truyện đi lính xưa kia của mình là thần thánh gì để đến nỗi bây giờ mỗi năm mặc áo lính cũ lên để chào lẫn nhau và thờ kính một quốc gia đã bạc mệnh từ lâu. Hơn nữa tôi thường nghĩ rằng làm người lính thì bốn phận đầu tiên là phải chiến đấu đến cùng để bảo vệ dân tộc mình. Tôi và các đồng đội năm 1975 đã không hoàn tất được nhiệm vụ ấy để cả một dân tộc phải sống trong một chế độ hà khắc và đói khổ. Rồi sau đó trong nhiều năm, rất nhiều năm sau đó, tôi đã thử tìm xem có cách gì làm thay đổi tình hình nội địa hay không. Và tôi đã không tìm thấy, có tìm thấy cũng không đủ tài sức để làm, tôi đã thấy mình bất tài bất đức để sau cùng chọn giải pháp bỏ quê

hương dân tộc sau lưng, đi theo vợ con sang Hoa Kỳ làm lại cuộc đời. Tôi không hề làm cái điều tự đánh lừa mình bằng cách sử dụng chiêu bài “ ta ra đi để chống cộng ở hải ngoại ” bởi vì trẻ con trên mười tuổi cũng biết được rằng Đảng cộng sản, lực lượng công an và quân đội, đều ở trên đất nước Việt Nam. *Muốn chống Cộng thật, phải ở lại Việt Nam mà chống*. Không thể đã ra hải ngoại rồi mà còn chơi trò ảo giác và ác độc bằng cách đi chụp mũ bừa bãi những người nghi khác mình, rình rập đánh lén bắn lén kẻ khác chính kiến, rồi đêm khuya khui rượu khui bia ra uống và tự tấn phong là “ anh hùng chống Cộng ”.

Tôi đã thấy khi tôi bỏ quê hương ra đi, tôi đã thất bại tới hai lần trong việc bảo vệ và giúp ích cho dân tộc Việt. Lần lúc tôi ngậm ngùi : phải chi mình còn khoẻ hơn, trẻ hơn và can đảm hơn thì chỗ của tôi phải là ở lại Việt Nam mà chiến đấu cùng dân tộc mình cho một chế độ mới tốt đẹp hơn. Chứ đâu có thể bỏ đi như thế. Chính vì lòng ngậm ngùi ấy đã thúc đẩy tôi rất nhiều trong việc đeo túi sách vào đại học từ bao năm và viết lách được nhiều.

Tôi hiểu rằng từ nhiều năm Đảng cộng sản Việt Nam đã bế quan tỏa cảng quá kỹ về văn hóa tư tưởng, những đảng viên đã phản tỉnh, muốn đổi mới, muốn chấm dứt sự áp dụng chủ nghĩa Mác Lê-nin lỗi thời như chiếc xe thổ mộ, họ cũng chẳng kiếm đâu ra dễ dàng những sách vở tài liệu cần thiết phải đọc. Bởi thế dù không nói ra, họ vẫn hướng về cộng đồng hải ngoại, đặc biệt là cộng đồng Bắc Mỹ, nơi giàu có và khoa học kỹ thuật tiến bộ nhất thế giới. Những người trong nước chờ đợi một ngày kia người hải ngoại sẽ mang về cho dân tộc những ý thức mới, kiến thức mới, quản trị mới, khoa học kỹ thuật mới. Và những người hải ngoại chỉ có thể đáp ứng nhu cầu này của dân tộc mình trong nội địa (tôi viết DÂN TỘC, chứ không phải CHẾ ĐỘ cộng sản đâu) nếu mình chịu khó đọc và chịu khó học.

Nhưng một con người chỉ có thể đọc điều mới học được cái mới nếu mình có tâm hồn rộng mở, gạt bỏ những tiền đề xưa cũ để tiếp thu những điều mới mẻ, và nói kiểu người Mỹ, những *issue*, những *option* mới cho mọi vấn đề của dân tộc. Và tôi nghĩ rằng cái bộ lạc thờ con bò tót đỏ Mác-xít của ông Võ Phiến, hay một số đồng đội cũ của tôi đang thờ cúng “ người lính tiền đồn ” đều giống nhau ở một điểm là đều khó tiếp thu được những cái gì là mới mẻ, là hiện đại của thế gian này.

Tôi đã mở rộng tâm hồn làm kẻ lang thang giữa các nền văn hóa văn minh để tìm kiếm những cái gì là hay là tốt cho dân tộc mình. Tôi như con tằm đã ăn nhiều dâu thì phải nhả ra tơ thôi. Tôi đã viết được nhiều và những điều viết ra ấy, nếu được đa số tán đồng thì vẫn có một số khác chọi đá về tôi. Tôi không ngạc nhiên về hiện tượng chọi đá ấy và cũng chẳng để những viên đá ngăn cản việc học hỏi tư duy và viết văn của tôi, nhưng cũng có lúc không khỏi ngậm ngùi một cách nhẹ nhàng.

Mùa đông năm vừa qua tất cả năm giáo sư dạy tôi đều ít hay nhiều còn tin tưởng ở chủ nghĩa Mác. Tôi đã tranh luận và đụng độ thật nhiều với họ, đến độ đã có lúc tôi phản đối bằng cách ngồi lì im lặng trong mọi buổi seminar, để rồi sau cùng lãnh một lời phê rất xấu – cũng may là nhờ học hành chăm chỉ bài làm đầy đủ nên không bị đánh rớt. Và ông thầy mới nhất của tôi trong Anthropology of Human Communities mới buông bút phê tôi là “ *considered as conservative ...* ” (được coi như có lập trường bảo thủ). Trong khi đó thì một số đồng bào của tôi lại tìm cách chụp nón cối, kết án tôi là thân cộng hay này nọ.

Tôi đúng là anh chàng lang thang quanh các nền văn minh và các hệ tư tưởng xanh đỏ của loài người, mãi mê tìm những

điều tốt đẹp cho dân tộc mình, nên đã loạng quạng đứng ngay vào giữa hai làn lửa, và lãnh đá của cả hai bên.

Nội chiến và nội chiến

Tôi đã ý thức cuộc *Việt Nam nội chiến* vừa qua chẳng có gì là thần thánh cho bất cứ bên nào, bên thắng cũng như bên bại, bên xanh cũng như bên đỏ. (Nghĩ cho cùng thì cuộc nội chiến giữa Trịnh và Nguyễn, giữa Nguyễn Ánh và Nguyễn Huệ cũng có gì là thần thánh đâu xét theo quan điểm của chúng ta bây giờ). Tôi cũng đọc nhiều về các sự hình thành và tiêu tan của các nền văn hóa văn minh khác nhau trên thế giới. Tôi được dạy rằng mỗi một dân tộc đều cũng như một con người, chỉ có một khả năng, một số năng lượng dự trữ nhất định mà thôi. Khi một người hay một tập đoàn lãnh đạo tiêu hao quá nhiều năng lượng của dân tộc mình vào những công trình quá lớn, thí dụ như xây Vạn lý trường thành hay Đế thiên Đế thích, hay nội chiến khốc liệt, thì chân khí của dân tộc hao mòn đến mức độ báo động, dễ dẫn toàn thể dân tộc đến tiêu tan, đất nước suy tàn.

Cuộc nội chiến Việt nam đã quá dài và hậu quả để lại một dân tộc vừa lạc hậu vừa nghèo xác nghèo xơ. *Đã đến lúc phải tìm kiếm cho dân tộc Việt một thời gian dài sống trong hòa bình để phục hồi năng lực và xây dựng lại đất nước*. Bởi thế tôi không hề muốn kéo dài cuộc nội chiến lâu hơn nữa dưới bất cứ hình thức nào. Và giả thử tôi có muốn chẳng nữa cũng chẳng còn có thể làm được. Những đồng đội cũ của tôi và cả tôi nữa đều đã già. Những người đi từ 1975 đều đã quá mập mạp, ít nhiều cũng có bụng tròn vo, bảo chạy tay không một mile thôi chưa chắc mấy ai làm nổi chứ đừng nói vai mang ba-lô 20 kí với súng cầm tay. Những người đi sau cũng không khá gì, sức đã kiệt sau nhiều năm khổ khó ở quê nhà. Chưa kể tất cả những cựu chiến binh ấy, khi đêm khuya thanh vắng đối diện với chính mình, không biết còn tin là bản thân còn đủ tinh thần trách nhiệm và lòng can đảm cần thiết để lao vào cuộc chiến máu lửa một lần nữa hay là không. Những Trần Văn Bá, Võ Đại Tôn... là có thật, nhưng Trần Văn Bá chưa làm được gì đã bị xử bắn, Võ Đại Tôn bị bắt khi mới vượt dòng Cửu Long bên Lào. Không ai phủ nhận lòng can đảm của những con người này, nhưng lẽ tẻ dăm bảy người như thế trong hơn mười lăm năm, liệu có thay đổi được tình hình nội địa hay là không. Vậy có muốn nội chiến, cũng không còn có thể làm nổi.

Hơn nữa đâu có phải lòng mình mong muốn ra sao là mọi sự sẽ xảy ra như thế trên thực tế. Tôi không muốn dân tộc tôi kéo dài nội chiến thêm nữa, nhưng cuộc nội chiến trước chưa tàn lụi hẳn, tôi đã thấp thoáng nhìn thấy nội chiến mới xuất hiện. Nhìn sang châu Âu, ngay khi chính quyền trung ương của các nước cộng sản suy yếu, nội chiến đã bùng nổ. Như đã xảy ra ở Nam Tư, ở cộng hòa Georgia... Liệu những nội chiến kiểu như thế có thể xảy ra hay không ở Việt Nam trong những năm tới khi Đảng cộng sản Việt Nam đi đến chỗ tự giải tán ?

Tôi đang nghi ngờ là dám có lắm vì dân tộc Việt đang chứa chất bên trong người mình khá nhiều mâu thuẫn tiềm ẩn. Mâu thuẫn giữa miền Nam và miền Bắc, giữa cộng sản bảo thủ hardliner và đối mới reformer, của những người của Mặt trận Nguyễn Hữu Thọ và người của Thanh Nghệ Tĩnh, giữa Bắc Kỳ 54 và Bắc Kỳ 75, giữa Công giáo và Phật giáo, giữa Kinh và Thượng... Chưa kể mâu thuẫn giữa những người ở hải ngoại đã lâu và người nội địa. *Nhìn hướng nào cũng thấy hận thù ngút ngàn*. Bởi thế nếu tôi đã có viết hay làm những gì cho giảm bớt

(Xem tiếp trang 32)

Ngôi nhà xưa

Đặng Nhật Minh

Tôi là con út trong gia đình. Trên tôi có ba ông anh. Người ta thường nói : tam nam bất phú. Có phải vì vậy chăng nên cha mẹ tôi đã đẻ thêm tôi, đứa con thứ tư. Nhưng tôi lại là con gái. Cũng có thể hai người sẽ còn tiếp tục cưỡng lại định mệnh nếu mẹ tôi còn sống. Bà cũng đã qua đời khi tôi lên bốn tuổi. Cha tôi lúc đó mới ngoài năm mươi, nhưng ông quyết định ở vậy nuôi con cho đến trọn đời. Trước giải phóng thủ đô, cha tôi làm luật sư, mở văn phòng riêng. Đã có một thời gia đình tôi sống khá sung túc trong ngôi nhà hai tầng ở một phố yên tĩnh của Hà Nội. Đó là ngôi nhà được xây nên do tiền của bố tôi dành dụm cộng với một ít hồi môn của ông bà tôi để lại. Ông tự vẽ kiểu rồi tự mình trông coi việc xây cất. Khi tôi sinh ra thì ngôi nhà đã có rồi. Tôi chỉ còn nhớ cây ổi trước sân do cha tôi tự trồng năm tôi lên năm. Tôi lớn lên cùng cây ổi đó. Bây giờ nó đã là một cây ổi cành lá xum xuê che rợp cả một góc sân, quả rất sai và rất ngọt. Cha tôi nói rằng ông đã mua nó từ làng Nghi Tàm quê mẹ tôi, đem về trồng. Nhưng tất cả những chuyện đó lẫn những kỷ niệm tuổi thơ của tôi đã là chuyện quá khứ thật xa xôi. Hơn ba mươi năm nay gia đình tôi không còn sống ở đó nữa. Lý do tại sao là chuyện mà tôi sẽ kể sau này và lẽ ra cũng có thể quên đi được nếu không có cây ổi ở trước sân nhà, cây ổi có liên quan đến số phận ông anh trai ngay sát tôi. Ông hơn tôi hai tuổi. Thực tình tuy là anh nhưng tôi coi ông như là một người em bởi vì ông mãi mãi vẫn là một cậu bé mười ba tuổi. Đạo ấy, sau lần bị ngã đu từ cây ổi xuống ông trở nên ngớ ngẩn như người mất hồn. Cha tôi chữa chạy mãi. Thế rồi thần kinh ông dần dần ổn định nhưng trí óc thì không chịu phát triển nữa, chỉ dừng lại ở trí khôn đứa bé mười ba. Bây giờ ông là một người đàn ông hơn bốn mươi tuổi, độc thân nhưng tâm hồn vẫn là tâm hồn của con trẻ. Tôi đã lấy chồng ra ở riêng từ lâu. Chồng tôi được cơ quan phân cho một căn hộ trong khu tập thể lắp ghép rộng hai mươi mét vuông, tiện nghi khép kín. Đối với tôi đó mới thực sự là mái nhà, là tổ ấm của mình. Thỉnh thoảng tôi mới về thăm bố tôi ở cùng ba ông anh trai. Ông anh cả lấy vợ, nhà có thêm một người đàn bà nữa tổng cộng là năm người sống trên một căn gác rộng ba mươi mét vuông. Cha tôi đã thôi hành nghề ngay sau ngày giải phóng thủ đô. “ *Cái nghề luật sư thật vô dụng – Đôi khi ông than thở với chúng tôi – cha chẳng giúp ích được gì cho đời, chẳng đóng góp được gì cho kháng chiến, cho cách mạng* ” .

Cũng vì mặc cảm ân hận ấy mà năm 54 ông không chịu nghe theo bạn bè rủ di cư vào Nam. Nhưng cái mặc cảm ấy còn theo ông mãi sau này cho đến khi ông gặp dịp để trút bỏ nó, bằng một hành động cụ thể. Sau giải phóng thủ đô hai năm, một cán bộ của cơ quan nọ đến gõ cửa nhà chúng tôi. Tôi còn nhớ ông cán bộ, trạc tuổi cha tôi, ăn mặc cũng chững chạc trong bộ quần áo đại cán bốn túi. Cha tôi tiếp ông rất lâu ở dưới phòng khách rồi vui vẻ tiễn ông ra cửa. Hôm sau ông ra lệnh cho anh em chúng tôi dọn lên ở trên gác hai rồi khóa kín cửa tất cả những căn buồng ở tầng dưới. Một tuần sau tôi thấy một chiếc xe tải chở bàn tủ, cả giường cá nhân nữa và rất nhiều sổ sách giấy tờ đến. Có rất nhiều người khuân vác đồ đạc vào nhà tôi, chất đầy sân. Cha tôi niềm nở đón tiếp rồi trao chìa khóa cho những người mới đến. Tôi đứng trên gác hai nhìn xuống và hiểu rằng cha tôi đã cho một cơ quan nhà nước đến ở. Tối hôm đó trong bữa cơm từ nay ăn trên gác, cha tôi mới giải thích việc làm của mình :

– *Các cơ quan nhà nước đang thiếu chỗ làm việc. Ba đã cho nhà nước thuê. Từ nay các con đừng đùa nghịch ảnh hưởng đến cơ quan. Các con đi học về, lên trên này chơi, học bài, đừng làm phiền các bác các chú.*

Cha tôi vui lắm sau khi làm cái việc mà ông cho là đã đóng góp một phần nhỏ mọn của mình vào sự nghiệp chung. Từ đó anh em chúng tôi chỉ suốt ngày ở trên gác, ít khi xuống sân vì cơ quan người ra vào tấp nập. Mùa ổi chín chúng tôi chỉ dám hái quả vào lúc vắng người như kẻ đi hái trộm. Tôi sợ nhất là bác bảo vệ của cơ quan. Bác ở ngay tầng dưới cả ngày lẫn đêm canh gác rất nghiêm. Nhưng dù chúng tôi đã cố gắng vâng lời đến đâu cũng không sao tránh khỏi những lúc đùa nghịch làm cha tôi rầy la. Lúc thì đuổi nhau chạy ầm ầm trên gác, lúc lại vô ý đổ nước xuống sân, có lúc bắn cả vào đầu khách đến liên hệ công tác với cơ quan.

Vài tháng sau, cha tôi được cơ quan mời xuống nhà trao đổi công việc. Trở lên gác lần ấy tôi thấy ông không được vui. Máy anh em chúng tôi ai nấy đều nín thinh không dám hỏi. Chúng tôi có linh cảm rằng ông buồn vì sự nghịch ngợm của chúng tôi làm phiền đến cơ quan và chắc chắn họ mời cha tôi xuống để khiển trách. Quả đúng như vậy. Ông thủ trưởng cơ quan đã ca thán điều đó với cha tôi nhưng ông cũng tỏ ra thông cảm với tuổi trẻ. Ông nói rằng đó là chuyện thường tình, không sao tránh khỏi. Nhưng cuối câu chuyện ông mới nói rõ mục đích của cuộc gặp gỡ với cha tôi. Ông muốn cha tôi cho cơ quan thuê nốt cả tầng hai. Ông nhắc lại thiện chí và tấm lòng của cha tôi đối với cơ quan ông, và mong rằng thiện chí đó được tăng lên gấp đôi. Ông cho biết cơ quan đã liên hệ một nơi khác của một chủ đi Nam, gia đình tôi có thể đến đó thuê thẳng với phòng nhà của cửa thành phố. Việc rời bỏ một căn nhà, do chính mình xây cất lên, nơi gắn bó với biết bao kỷ niệm vui buồn, nơi mấy anh em tôi ra đời, nơi mẹ tôi đã nhắm mắt... có lẽ đối với cha tôi không phải là việc dễ dàng. Ông không hồ hởi như lần cho thuê trước. Ông tư lự trầm ngâm suốt một tuần liền. Cái mặc cảm có tội vì đã làm một cái nghề vô tích sự, cái mặc cảm của một người đứng ngoài cuộc trong suốt những năm dài kháng chiến chống Pháp, một lần nữa đã khiến ông đi tới quyết định cuối cùng : chấp nhận cho thuê nốt cả ngôi nhà và dọn đi nơi khác. Hồi đó tôi còn nhỏ nên không quan tâm mấy tới chuyện này. Thậm

chỉ còn thấy vui khi được chuyển đến một nơi ở mới, tuy chật hẹp hơn, nhưng lạ mắt, lạ cảnh. Nó như một cuộc du ngoạn dài... Chỉ riêng ông anh trên tôi là thấy tiếc cây ổi. Trí óc ông chỉ dừng lại ở tuổi mười ba khi ông ngã từ cây ổi xuống. Thỉnh thoảng ông lại nhắc cho tôi nhớ tới những kỷ niệm có liên quan tới cây ổi.



– Thủy có nhớ hồi ba trói hai đứa mình ở gốc

ổi đánh cho mấy roi thật đau vào đít vì cái tội trốn nhà đi xem phim, tối về muộn phải trèo tường vào nhà... Lúc khác ông lại nhắc :

– Thủy có nhớ hồi mẹ ốm có con chim lợn đến đậu ở cây ổi nhà mình... Ba sai bọn mình đuổi đi vì cho là điềm gở. Vậy mà cứ đêm đến, nó lại đến đậu ở đó... không lâu sau thì mẹ mất...

Tôi chẳng còn nhớ gì nữa, nhất là sau khi đã lấy chồng ra ở riêng, có con, với bao bận rộn lo toan của cuộc sống.

Tôi chỉ nhớ sau khi dọn đến nơi ở mới, cha tôi cứ bần thần như người mất hồn. Ông già đi rất nhanh. Rồi một sự kiện ập đến làm ông suy sụp hẳn. Đó là vào dịp có chính sách cải tạo nhà cửa. Cha tôi nhận được giấy triệu tập đi học tập để thông hiểu chính sách. Sau suốt một tuần học tập cha tôi mới vỡ lẽ rằng mình bị liệt vào diện cải tạo, vì có nhà cho thuê trên 120 m². Tính đi tính lại, lấy diện tích ngôi nhà chúng tôi ở, trừ đi cho diện tích ngôi nhà chúng tôi cho cơ quan nhà nước thuê, vẫn vượt quá con số 120m² qui định. Kết thúc khoá học, cha tôi phải ký vào một bản tình nguyện giao nhà cho sở nhà đất quản lý, từ bỏ phương thức sống bóc lột bằng cách cho thuê nhà.

Tình ngay, lý gian. Cha tôi vốn là một luật sư nên ông hiểu rất rõ : pháp luật là pháp luật. Trước pháp luật không ai cần biết ông cho thuê nhà vì động cơ gì. Vừa ân hận vì đã làm một cái nghề vô tích sự, có một bồ chữ nghĩa cũng bằng thừa, lại thêm cái tiếng tư sản chụp lên đầu, ông tàn tạ đi trông thấy. Chúng tôi đã lớn khôn, đã thông hiểu sự đời, đôi lúc an ủi ông :

– Thôi ba ơi, nhà mình ở thế này cũng rộng rãi chán. Khổ người còn không có chỗ mà chui ra chui vào.

Những lúc ấy cha tôi cố gượng cười đáp :

– Ba có tiếc đâu. Nhưng chỉ bực là mình có định bóc lột ai. Người ta vận động mình cho thuê trước một nửa, rồi sau cả nhà. Giá cả người ta tự đề xuất, thỏa thuận. Bỗng nhiên lại thành tư sản bóc lột. Ba chỉ thương các con, mỗi khi phải khai gốc gác lý lịch của mình ra thêm xấu hổ.

Quả là có một thời điều đó xấu hổ thật. Anh cả tôi học rất giỏi nhưng chỉ được thi vào sư phạm. Hồi đó ở Hà Nội, con cái tư sản chỉ được thi vào sư phạm hoặc nông nghiệp, thủy

lợi... Những nghề này được coi là vô hại, tuy cũng gọi là trí thức nhưng không quan trọng như bác sĩ, kỹ sư... Tốt nghiệp xong, anh tôi may mắn được gọi lại trường làm phụ giảng... và cứ thế phụ giảng mãi cho đến khi ông bực mình xin đi làm chuyên gia ở Angiê-ri. Ông hy vọng vào cái vốn tiếng Pháp cha tôi dạy cho từ nhỏ chứ khoản lý

lịch của ông thì hoàn toàn bất lợi. May sao vì thiếu người thạo ngoại ngữ nên người ta cũng chằm chước cho. Và lại, cha tôi cũng đã qua đời rồi, không lẽ còn tiếp tục ảnh hưởng xấu tới cả con cái ?

Trước khi lên đường, ông căn dặn tôi :

– Anh đi rồi, em ở nhà chăm lo hai anh, nhất là anh Hòa... Trước khi ba mất, ba chỉ lo cho anh Hòa, không may bị rủi ro. Tôi vội cắt lời :

– Anh cứ yên tâm. Tuy em đã có gia đình riêng, nhưng bốn phận lo cho các anh là bốn phận chung. Bấy lâu nay có anh. Nay anh đi vắng em lại phải có trách nhiệm hơn.

Thực ra anh Hòa tôi tiếng là người tâm thần nhưng hiền lành hết chỗ nói. Anh không bao giờ đập phá, gây gổ với ai. Ra đường bị trẻ con trêu chọc anh chỉ cười. Thậm chí anh rất yêu trẻ. Gặp chúng đâu anh vui đùa như những người bạn ngang hàng. Cái bệnh tâm thần của anh biểu hiện rõ nhất chỗ ai sai bảo gì cũng làm. Mà đã làm là làm cật lực, làm hết mình. Đặc biệt ông đi chợ mua bán rất khéo. Hàng xóm nhờ đi mua con cá, hay mớ rau bao giờ ông cũng chọn mua được con cá tươi nhất, rẻ nhất và mớ rau ngon nhất. Mua xong, nếu người ta lại nhờ ông làm cá hoặc nhặt rau hộ, ông sốt sắng nhận lời ngay. Ông không bao giờ biết từ chối bất cứ việc gì hễ có người nhờ hoặc sai bảo. Có điều ông làm quá cẩn thận, quá tỉ mỉ nên ai đã nhờ ông chớ có sốt ruột. Những việc trong hộ như quét sân, vệ sinh hố xí, đổ rác... tất tất đều dồn lên đầu ông. Ông vui vẻ làm mà không một lời ca thán. Cả những lúc có ai đó mất một vài vật dụng lặt vặt trong nhà cũng tru tréo nghi cho ông. Ông cũng chỉ cười trừ. Ông chưa lấy của ai cái gì, nhưng khi mất, hoặc để quên đâu, những người trong hộ đều nghi ngay đến ông : “ Chắc ông Hòa... ông ấy tâm thần, biết đâu táy máy cũng nên ”. Khi biết là nhầm, là nghi oan, cũng chẳng cần xin lỗi ông một câu... vì ông có giận ai, có để bụng ai đâu mà phải xin lỗi !

Vất vả nhất đối với tôi là việc chăm nom sức khỏe cho ông. Ông bị bệnh hen, thỉnh thoảng lại lên cơn. Những lúc trở trời ông vẫn chỉ phong phanh một chiếc áo sơ-mi. Biết là lạnh đấy nhưng mặc áo ấm đối với ông là chuyện rất ngại ngùng, giống hệt như trẻ con sợ bố mẹ bắt mặc quần áo nhiều. Trời nóng ông không biết tắm rửa giặt giũ cho sạch sẽ, cứ để người hôi mù. Chẳng biết nhờ ai giới

thiệt, ông xin được làm cái chân ngồi làm mẫu vẽ tại trường mỹ thuật. Ông làm rất được tín nhiệm vì ai bảo ông ngồi ngang ngồi dọc thế nào ông đều chấp hành hết sức nghiêm chỉnh. Quả thật kiếm được một người chịu ngồi làm mẫu vẽ như ông không phải dễ ở Hà Nội này. Ai chịu ngồi kiên trì suốt hàng giờ như vậy, kể cả mùa đông rét mướt mà lại chỉ được mặc mỗi chiếc quần đùi ? Bởi vậy về cái khoản kinh tế ông tự túc được, lại còn dư dật gửi tiết kiệm. Dăm bữa nửa tháng ông lại đến nhà tôi với con gà hoặc cân thịt nạc trên tay, bày ra nấu nướng ăn uống... Ông tự làm tất cả, cho đến việc ngồi tỉ mỉ thái nhỏ lá chanh như sợi chỉ để rắc lên đĩa thịt gà. Hứng thú đặc biệt nhất của ông là việc cúng giỗ. Ngày rằm mồng một ông bày mâm quả phẩm, cắm hoa đỏ rực cả bàn thờ. Họ hàng xa gần có ai qua đời ông bỏ nhà tới giúp hàng hai ba ngày liền. Bỗng một hôm, tôi được công an khu phố đến báo ra đồn để nhận anh tôi về. Tôi sửng sốt. Làm sao một người như anh tôi lại liên can tới luật pháp, để có thể bị bắt vào đồn ?

Khi ra tới nơi tôi mới rõ đầu đuôi câu chuyện. Thì ra chỉ vì cây ổi. Mùa ổi chín, anh tôi lang thang qua ngôi nhà cũ rồi trèo tường vào sân hái ổi trộm. Cơ quan cũ đã dọn đi từ lâu. Một gia đình cán bộ đã được phân đến ở đó. Nhà vắng vẻ, cửa đóng suốt ngày. Chỉ có cô con gái chừng hai mươi ba tuổi cùng một người giúp việc thường hay ra vào mà thôi. Chính cô gái đã gọi điện báo cho công an đến bắt anh tôi.

Tôi xin anh tôi về, lòng vừa buồn vừa thương cho anh tôi. Về đến nhà tôi ôn tồn giảng giải :

– Ngôi nhà đó từ lâu không còn là của gia đình mình nữa. Anh không được đến đấy !

– Nhưng cây ổi tôi nhớ do tay ba trồng cùng với tôi... – Hôm đó ba sai tôi đi xách nước tưới. – Ông cãi lại

Tôi cáu tiết quát :

– Nhưng tôi cấm anh không được đến đó. Bận sau tôi không xin cho anh nữa đâu, cứ để cho công an họ nhốt anh vào Hỏa Lò.

Ông cãi lại:

– Thì mọi khi tôi vẫn vào nhà mà...

– Vào lúc nào ? Tôi sửng sốt.

– Những lúc cả nhà đi vắng tôi vẫn trèo vào luôn... Thủy có nhớ cái lần anh em mình trèo tường đi xem xi-nê về muộn không ?

– Tôi không nhớ gì hết – Tôi hét lên – Anh mà còn vào đó nữa thì tôi sẽ trói anh nộp cho công an. Anh hứa với tôi đi !

Ông mỉm cười cúi đầu đáp lúng búng :

– Tôi hứa...

Ông hứa vậy thôi chứ ai mà tin được ! Một lần khác ông hôn hờ đem đến cho tôi một chùm hoa móng rồng thơm phức, khoe rằng :

– Cô gái trong nhà hái cho đấy.

– Cô gái nào ? Tôi ngạc nhiên hỏi.

– Cái cô ở trong nhà mình ấy.

Tôi giật mình :

– Anh lại lảng vảng qua nhà cũ phải không ?

Ông gật đầu phân bua :

– Nhưng lần này cô ấy mở cửa, mời tôi vào nhà hẳn hoi. Tôi được cô dẫn đi thăm cả sân trước, sân sau. Thủy còn nhớ cây quất hồng bì ở gần bếp không ? Nó to lắm Thủy ạ ! Cô ấy hứa bao giờ có quả cứ đến mà lấy.

Tôi cảm thấy lo lo. Điều đáng lo nhất là nếu trong nhà mất mát gì thì hẳn anh tôi không ai để yên. Tôi quyết định phải đến gặp cô gái trong ngôi nhà cũ. Lẽ ra tôi đã phải xin lỗi cô ngay sau sự việc ở đồn công an.

Cô gái tiếp tôi hết sức niềm nở, trái hẳn với dự đoán của tôi. Cô tỏ ra ân hận vì cú điện thoại tới đồn công an dạo nào. Quả thật hôm ấy cô rất sợ. Cô cho biết cô sống một mình trong căn nhà mênh mông này. Tầng hai hầu như khóa kín từ ngày bố cô chuyển vào Nam công tác. Ông được phân một ngôi nhà ở Thành phố Hồ Chí Minh nhưng vẫn giữ nhà ở Hà Nội vì công việc của ông vẫn có liên quan tới cả hai miền. Thỉnh thoảng ông ra Hà Nội họp, ở dăm ba ngày rồi lại vào trong kia. Mẹ cô cùng em trai cô cũng đã chuyển hẳn vào trong đó. Chỉ còn cô ở lại để tiếp tục học nốt mấy năm đại học cuối cùng. Trong nhà có một người giúp việc cơm nước giặt giũ và trông coi nhà cửa. Sau lần ông anh tôi đột nhập vào nhà ông còn lảng vảng tới mấy lần nữa. Nhìn thấy ông hiền lành, không có dáng vẻ của kẻ gian, cô đã mời ông vào nhà chuyện trò và biết được tất cả nguyên do khiến anh tôi hành động như vậy. Có điều cô không biết rõ tại sao anh tôi lại thành người lẩn thẩn... Tôi kể lại đầu đuôi câu chuyện. Cô nghe xong im lặng, thoáng tư lự. Trước khi chia tay, cô nói với tôi đừng cảm đoán, dọa nạt anh tôi nhiều có thể làm bệnh tình anh ấy trầm trọng thêm. Cô gái thật dễ thương. Cô làm tôi nhớ tuổi thơ của mình. Xa lắm rồi cái hình bóng cô bé con ngày xưa ngồi bên hàng hiên nhà vừa đọc truyện, vừa cắn ô mai... Đôi khi tôi kể lại cho con gái tôi về thời thơ ấu của mình, cảm thấy thương cho cha tôi, biết ơn người... những lúc ấy lại thấy rõ hơn bổn phận và trách nhiệm của mình với gia đình và con cái.

Không biết anh tôi còn lui tới ngôi nhà ấy bao nhiêu lần nữa. Cho đến một ngày bà chị dâu hít hải đến báo tin anh tôi đi đâu biệt tăm ba hôm liền không về nhà. Tôi bỏ ra đồn công an, không ai hay biết. Tôi đến tất cả nhà bà con họ hàng gần xa, không ai thấy ông lui tới. Đang hoang mang định sẽ nhờ đăng báo, thì cô gái ngày nào đến tìm tôi cho biết anh tôi đang ở nhà cô ấy. Tôi vội vã đến nhà gặp lúc ông đang chăm bón cho mấy gốc cây ở ngoài sân. Trông thấy tôi ông nhoẻn miệng cười mời vào nhà như chủ đón khách. Ông đưa tôi vào một căn phòng ở tầng dưới. Tôi nhớ đó là căn phòng cũ của tôi. Tôi là con gái nên cha tôi cho tôi ở một phòng riêng. Ông rót nước mời tôi uống, chỉ vào chiếc giường cá nhân :

– Tối tôi ngủ ở đây.

Tôi không thể nào hiểu nổi.

– Vậy cô chủ nhà ? Tôi hỏi.

– Cô ấy ở tầng trên. Ông đáp.

Lát sau cô gái từ trên lầu xuống, bước vào buồng, chào tôi rồi nói :

– Cháu thi tốt nghiệp xong rồi. Hè này cháu sẽ vào trong kia với bố mẹ cháu. Cô cứ để bác ở đây.

Tôi hoảng hốt :

- Chết ! Làm thế sao được !

- Cô cứ yên tâm. Cháu đã báo cho công an khu phố biết rồi. Không ai làm gì bác ấy đâu.

Anh tôi nhoen miệng cười vẻ mãn nguyện rồi góp chuyện một cách thật vô duyên :

- Thủy ơi, cây quất hồng bì bắt đầu có quả rồi đấy. Thủy có ăn không tôi hái nhé.

Tôi gạt đi, tiếp tục nói chuyện với cô chủ nhà :

- Nhưng bố cô ra đây thì ở đâu ?

- Trên gác - Cô thân nhiên đáp - Một mình ông ở làm sao hết. Cả một tiểu đội đến đây cũng còn đủ chỗ.

Tôi đành chia tay ra về. Lúc ra tới cửa ông anh tôi, không biết đã kịp hái từ lúc nào, dúi vào tay tôi mấy quả ổi thơm lừng. Nhưng thật quá bất tiện cho tôi từ ngày ông sống ở đây. Hàng ngày đi làm về tôi lại phải đảo qua nhà xem có sự cố bất thường gì xảy ra không, đem cơm và thức ăn cho ông, lấy quần áo bẩn về giặt giũ cho ông. Cô gái đi đâu suốt ngày không hề thấy mặt. Chừng một tháng sau người quản gia cho biết cô đã chuyển hẳn vào thành phố Hồ Chí Minh.

Tôi biết rằng trước sau gì cũng phải đưa anh tôi ra khỏi ngôi nhà đó nên ra sức khuyên nhủ nhưng vô hiệu. Anh tôi hồn nhiên trả lời :

- Cô Loan đã cho tôi về ở rồi. Cô Loan tốt lắm.

Tôi lúc đó tôi mới biết tên cô gái là Loan. Cái gì phải đến rồi sẽ đến. Đúng hai tuần sau thì việc đó xảy ra. Bố mẹ cô gái vội vã từ thành phố Hồ Chí Minh đáp máy bay ra, và dĩ nhiên anh tôi được mời ra khỏi nhà ngay lập tức sau đó. Hẳn ông bà đã mắng cho cô con gái cung của mình một trận thậm tệ về cái quyết định ngông cuồng của cô. Thỉnh thoảng đi qua phố cũ, tôi thầm mong được gặp lại cô gái. Nhưng không hề thấy bóng cô đâu cả. Tôi thấy nhớ cái dáng người nhỏ nhắn và gương mặt hiền dịu với đôi mắt đen to của cô. Đôi mắt hơi buồn mà trong sáng lạ. Rồi tò mò, lần hỏi, tôi biết cô đã nhận công tác trong thành phố Hồ Chí Minh và không trở ra Hà Nội nữa. Khi cô vào tới thành phố thì cũng là lúc bố mẹ cô sau khi được hóa giá nhà xong có trong tay một số vàng, bèn quyết định trở ra Hà Nội để sống những ngày về hưu nhàn nhã.

C hững hai tháng sau, tình cờ có dịp đi qua ngôi nhà cũ, tôi bỗng thấy có hai vợ chồng một người Âu từ cửa nhà bước ra. Ngôi nhà đã được tu sửa sơn quét lại, có lắp cả máy điều hòa. Thì ra chủ nhân đã dành hẳn tầng dưới cho khách nước ngoài thuê. Anh tôi từ đó không lai vãng tới ngôi nhà xưa nữa. Tôi mừng thầm. Có lần hỏi vui :

- Đạo này anh Hòa còn vào hái ổi trong nhà mình nữa không ? - Anh im lặng ngẩn ngơ giây lát rồi nói :

- Ngôi nhà mình không còn nữa.

Tôi bật cười. Dẫu sao, cứ đến mùa ổi chín tôi lại nhớ về ngôi nhà xưa cùng những kỷ niệm có liên quan tới những người thân của tôi... Những kỷ niệm thật buồn.

D.N.M. Hà Nội 1.92

(Văn Nghệ 28.3.92)

Cần nhiều tự do... (tiếp theo trang 28)

những hận thù ấy, thì đó cũng là chọn lựa duy nhất tôi có thể làm được.

Khi viết những giòng này, thời gian đã ở khoảng khắc năm cùng tháng tận, tôi biết trên khắp hành tinh này đang có những người trí thức những nhà văn những nhà tu hành và những người thiện chí khác, cũng đang thao thức về tương lai Việt Nam như tôi. Mỗi người ở không gian cư trú của mình, đều cố tìm những giải pháp mới. Tôi muốn nhấn tới những người bạn đó rằng những cuộc hành trình tư duy loại này đòi hỏi rất nhiều tự do và tinh thần sáng tạo, không quan tâm đến những ý thức hệ, những tiền đề có s n xưa cũ nữa. Hãy phóng hết sức về phía trước không một thành kiến nào, không để một giáo lý nào cấm cản, dù là giáo lý đỏ hay giáo lý xanh. Và dĩ nhiên khi làm như thế cũng đôi khi cần tới cả lòng can đảm, tình yêu thương chân thành dân tộc mình và cả tình tự nhân loại không phân biệt màu da sắc tộc và tôn giáo nữa.

Hãy nghĩ từ vị trí Việt Nam, nhưng không phải là một Việt Nam tách biệt, không phải là một Việt Nam cộng hòa hay Việt Nam cộng hòa xã hội chủ nghĩa, mà là một Việt Nam trên hành tinh Trái Đất này.

Thế Uyên

cuối năm 1991

Cảm nghĩ

Sau khi đọc Thế Uyên, tôi đã phân vân nhiều ngày. Mở ngoặc xin bạn đọc thứ lỗi : đã gọi là tự do tư tưởng thì khó tránh chữ "tôi".

"Tự do và sáng tạo", "Lang thang giữa các nền văn minh"... hay quá ! Thật người đồng hội, làm tôi nhớ câu hát Trịnh Công Sơn :

"... Trời vẽ tôi tên mục đồng,
Rồi vẽ thêm con ngựa hồng,
Từ đó tôi thề sẽ phiêu du..."

Thế nhưng đồng hội mà chẳng đồng thuyền. Cuộc đời đưa đẩy tôi phiêu du bên trời Âu này suốt thời gian cuộc chiến vừa qua ; khác hẳn, và chắc rằng nghèo nàn hơn kinh nghiệm sống của Thế Uyên. Cuộc sống khác nhau, nhận định và suy tư khác nhau có gì lạ ? Tôi hoàn toàn không đồng ý với nhiều luận điểm của Thế Uyên, song nghĩ rằng đây là một bài viết hay, cô đọng và khái quát mà không khô khan. Có lẽ mỗi người trong ban biên tập Diễn Đàn và độc giả sẽ bị bài viết này chất vấn với ít nhiều nhức nhối ; từ đó có thể thẩm định lại những nhận định của riêng mình để đóng góp vào cuộc thảo luận với sự chân thành và tôn trọng lẫn nhau, vì dân chủ và phát triển đất nước.

Tuy rằng sau một năm làm quen với sự đa dạng của Diễn Đàn, có lẽ nhiều bạn đọc sẽ thấy những dòng này là thừa, nhưng tiện đây vẫn xin long trọng tuyên bố : trong quá khứ, hiện tại và tương lai, tôi đã, đang và sẽ không chấp nhận nhiều ý kiến đăng trên Diễn Đàn, kể cả của ban biên tập gồm nhiều bạn chí thân từ mấy chục năm nay.

Ngoài ra, người viết có trách nhiệm của người viết, người đọc có trách nhiệm của người đọc. Đã gọi là tự do tư tưởng...

Hàn Thuỷ